

Kỷ Hội 2019.5

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SỐNG ĐẠO

Kỷ Hội 2019 • 5

SỐNG ĐẠO



ISBN 978-604-61-6035-9



9 786046 160359

SÁCH ẤN TỔNG



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

SÔNG ĐÀO

Kỷ Hợi 2019 • 5

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



THÔNG TIN LIÊN LẠC VỚI SỐNG ĐẠO

Thư từ bài viết gửi:

Hiền hữu NGUYỄN VĂN THỊNH 63 Hải Phòng,
TP. Đà Nẵng.

ĐT: 0988 201569 Email: **songdao@gmail.com**

Đặt và nhận SĐ liên hệ BÙI NGỌC CHINH.

ĐT 0912213277,

Quý Họ Đạo và chư đạo tâm công quả ấn tổng
SĐ chuyển khoản về LÊ HỒ PHƯƠNG LINH, số
tài khoản 100077429 Ngân Hàng Thương Mại Á
Châu (ACB) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

ĐT Phương Linh: 0904780384

Quý vị vui lòng gửi danh sách công quả ấn tổng
SĐ về chị NGUYỄN THỊ ANH, ĐT: 0918705268.

Email: **anhcn7@gmail.com**

Bài vở gửi cho SĐ không gửi các nơi khác và đã
gửi nơi khác không gửi cho SĐ,

Quý bạn cần đọc SĐ qua email vui lòng thông
báo địa chỉ cho SĐ: **songdao@gmail.com**.





TG NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Trảng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: 024.37822845 - Fax: 024.37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng biên tập
TS BÙI THANH HÀ

Biên tập
LÊ HỒNG SƠN

Trình bày
KIM TRÚC

Sửa bản in
CHÂU HÒE

Đơn vị liên kết: Ông NGUYỄN HỒNG VÂN

Địa chỉ: Cơ quan Phổ tế
Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài,
63 Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng.

In 1.600 bản, khổ 15,8 x 24 cm,
tại Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng,
số: 420 Lê Duẩn, phường Chính Gián,
quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
ĐT: 0236. 3823371

Email: daprico@gmail.com

Số ĐKXB: 18-2019/CXBIPH/84-01/TG
Mã ISBN: 978-604-61-6035-9
QĐXB: 312/QĐ-NXBTG ngày 26/8/2019
In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2019

Mục lục

- 4 Thánh ngôn
- 5 Bốn điều tâm niệm của nữ đồ.
- 8 Năm lời tâm nguyện của cụ Hạnh sinh trong đêm hồi hướng.
- 10 Tịnh khẩu đối với người tu. *Minh Đức*
- 20 Tuồng thuật Hội ngộ Hạnh sinh. *Nguyễn Thị Lan*
- 27 Nhà tu Trí Huệ chiêu sinh.
- 31 Ai qua bến giác lão đưa cho. *Đặng Đình Kỳ*
- 46 Giải thích như thế nào về sự tôn thờ Thượng đế Chí Tôn và Điều Tri Kim Mẫu *Huệ Minh*
- 50 Học nghiệm về câu chuyện “Đạo” ở nơi đâu của Khổng Thánh. *Trương Duy*
- 61 Đạo trưởng Huệ Lương - Guong sáng thân giáo.
- 63 Sự cần thiết phải tu châu. *Đỗ Phú Quốc*
- 73 Ý nghĩa về Nhật - Nguyệt trong “Ngộ Chơn Thiên”. *Hùng Vạn*
- 77 Tìm hiểu ý nghĩa Kinh Nam / Nữ tử thành nhân. *Tùng Nguyễn*
- 88 Mỗi đèn tiếp lửa. *Cao Hoài Nhân*
- 94 Lương tâm. *Trần Quốc Huân*
- 101 Những điều học hỏi từ Nữ Trung Tùng Phận. *Ngọc Anh*
- 107 Cảm tác từ một chi tiết trong kỷ yếu Trung Thạnh. *Tâm Nguyên*
- 110 Trại liên vườn 21 - Ươm những mầm non. *Khiết Tâm*
- 112 Ôn cứu độ kỳ ba. *Phương Duy Trung Thạnh*
- 115 Cơ duyên. *Lê Phương Tĩnh*
- 118 Guong hướng đạo: GS Thượng Long Thanh
- 122 *Gh Bùi Đặng Đán*
- 126 Lễ mừng thọ năm nay tại họ Đạo Trung Minh
- 132 **Sáng tác:**
Hoài Nam • Lê Phương • Thùy Dương • Mai Hậu • Trần Dã Sơn • Nguyễn Thị Sen • Võ Văn Pho
- 138 **Thông tin – Tư liệu:**
- 144 Danh sách Đạo tâm công quả ấn tống Sống Đạo



Vậy muốn làm đúng,
nghĩ đúng, nói đúng,
trông vào được đúng,
nghe đến rõ ràng chỉ có cách là
thanh tịnh vô tư, không còn để
một màu sắc gì ánh che
mà giả chân khó phân biệt

Đại Đức Cao Tiên

Bốn điều tâm niệm của nữ đồ

*Tu xá Phước Huệ Đàn (Tam Kỳ, Quảng Nam)
ngày 15-3 Kỷ Hợi (Thứ Tư 22-4-1959)*

THI

*NGÔ thành⁽¹⁾ đạo quả⁽²⁾ diệt⁽³⁾ trần tâm⁽⁴⁾
CAO thấp tranh nhau phải lỗi lầm
TIỀN tục bởi do mê với giác
Giáng thẳng máy Tạo⁽⁵⁾ biết lo tầm.*

Bản Đạo chào chư phận sự, chư nữ đồ. Thành tâm nghe dạy. Toàn đàn yên lặng an vị.

BÀI

*Ai còn mê, lo bề⁽⁶⁾ khử ám⁽⁷⁾
Gắng mà tu, đừng phạm giới quy*

⁽¹⁾ *Ngô thành* 吾成 (I've succeeded; Ngô's succeeded): Ta đã xong.

⁽²⁾ *đạo quả* 道果 (the fruits of inner self-cultivation): Kết quả công phu tu luyện.

⁽³⁾ *diệt* 滅 (eliminating): Dứt sạch, trừ cho hết.

⁽⁴⁾ *trần tâm* 塵心 (worldly mind): Lòng trần, tâm hồn phàm tục.

⁽⁵⁾ *máy Tạo* (the Creator's mechanism): Âm chỉ sự vận hành của Trời vượt khỏi khả năng hiểu biết của con người.

⁽⁶⁾ *bề* (phương diện 方面 / aspect, side): Phần, phía, phương diện.

⁽⁷⁾ *khử ám* 去暗 (removing ignorance or darkness): Trừ bỏ sự u tối.

Nương theo quyền pháp lần đi
Thăng đường giải thoát, tư duy⁽⁸⁾ tu hành.
Ai đã giác, chỉ thành ôn tập
Sớm chiều toan xây đắp nền nhân⁽⁹⁾
May duyên gặp được Thánh Thần
Chỉ phương luyện kỹ⁽¹⁰⁾ độ trần⁽¹¹⁾ thoát mê.
Từ đây trọn lời thề tin cậy
Cậy nơi Thầy mới thấy huyền cơ⁽¹²⁾
Dọn lòng trong sạch đón chờ
Hạnh tu xứng đáng, chớ mơ ảo huyền.
Tu phải đủ nhẫn kiên, tinh tấn⁽¹³⁾
Dẹp được lòng hờn giận, câu mâu⁽¹⁴⁾
Tuân nghe theo kẻ làm đầu⁽¹⁵⁾
Chị em hòa thuận phép mẫu mới linh.
Phải dẫn lòng đình ninh,⁽¹⁶⁾ chung thủy
Phải luôn luôn lập chí vững bền
Khó khăn, cứ mãi tiến lên
Đói no nguyện một,⁽¹⁷⁾ không quên nghĩa tình.
Khi bước tu thái bình, thông thả
Đạo chinh nghiêng,⁽¹⁸⁾ trò khá nghiêng vai⁽¹⁹⁾

⁽⁸⁾ **tư duy** 思惟, 思維 (thinking): Suy nghĩ.

⁽⁹⁾ **nhân** (nhon) 仁 (benevolence): Lòng thương người.

⁽¹⁰⁾ **luyện kỹ** 煉己 (refining oneself): Tinh luyện bản thân cho hoàn hảo.

⁽¹¹⁾ **độ trần** 渡塵 (saving the world): Cứu đời.

⁽¹²⁾ **huyền cơ** 玄機 (mysterious principles): Cơ mầu; những nguyên lý mầu nhiệm.

⁽¹³⁾ **tinh tấn** 精進 (dedicating oneself to progress on the way of selfcultivation): Luôn luôn chuyên tâm nhất trí, cố gắng không ngừng để tiến bộ trên đường tu thân học đạo.

⁽¹⁴⁾ **câu mâu** (unfairly finding fault with sb's act): Hay bắt lỗi bắt phải, bắt khoan bắt nhặt.

⁽¹⁵⁾ **kẻ làm đầu** (lãnh đạo nhân 領導人, phụ trách nhân 負責人 / head): Người đứng đầu một tập thể.

⁽¹⁶⁾ **đình ninh** (kiên định 堅定 / steadfast): Trước sau như một, không thay lòng đổi dạ.

⁽¹⁷⁾ **nguyện một** (vowing to be faithful): Thề một lòng một dạ.

⁽¹⁸⁾ **chinh nghiêng** (bất ổn 不穩 / unstable, unsteady): Không ổn định, bị rối ren.

⁽¹⁹⁾ **khá nghiêng vai**: Hãy ghé vai gánh vác trách nhiệm.

Không nam thì nữ cũng thay
 Đức chưa sáng tỏ thì tài đảm đương.
 MỘT khuyên phải thời thường tịnh định
 Nhứt nhứt⁽²⁰⁾ đều đợi linh bề trên
 Thương yêu lẽ thật là nền
 Đồng đều trách nhiệm dựng nên nghiệp lành.
 HAI giữ dạ tín thành trong sáng
 Nhứt nhứt đều tuân mạng pháp tu
 Thường xuyên ôn dưỡng công phu
 Điều thân vận khí, bửu châu trì hành.⁽²¹⁾
 BA giữa nhau lẽ lành được sống
 Nhứt nhứt đều tịnh động vâng nghe
 Ở ăn, tu học đề huề⁽²²⁾
 Dưới trên đừng để tiếng chê cho đời.⁽²³⁾
 BỐN trọn tin quyền Trời được cứu
 Nhứt nhứt đều hiện hữu đàn trung
 Luật điều⁽²⁴⁾ sớm tối quy tòng⁽²⁵⁾
 Ở đi, mọi việc khôn cùng⁽²⁶⁾ chữ tu.
 (...)
 Thăng.

⁽²⁰⁾ **nhứt nhứt** — (completely, totally, entirely): Tất cả, không sót một ai hay một điều gì.

⁽²¹⁾ **bửu châu trì hành**: Thực hành không lời lỏng pháp môn luyện châu quý báu.

⁽²²⁾ **đề huề** 提攜 (walking hand in hand; supporting each other; being joyous together): Nắm tay nhau cùng đi; giúp đỡ nhau; cùng nhau vui vẻ.

⁽²³⁾ **Dưới trên đừng để tiếng chê cho đời** (Both the superior and the inferior should avoid being scornfully criticised): Cả đàn chị lẫn đàn em đừng để cho miệng đời chê bai.

⁽²⁴⁾ **luật điều** (laws and regulations): Luật lệ và quy điều.

⁽²⁵⁾ **quy tòng** (tuân thủ 遵守 / obeying, observing): Tuân theo, noi theo.

⁽²⁶⁾ **khôn cùng** (inexpressible): Không thể diễn tả cho hết được.

Huệ Khải chú thích; **Lê Anh Minh** hiệu đính

NĂM LỜI TÂM NGUYỆN

Của cựu Hạnh sinh trong đêm hồi hướng

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát,
Kính bạch Thầy,

Trong không khí trang nghiêm của đêm hồi hướng, một lòng hướng về tiền đồ giáo hội, chúng con thiết tha chí thành dâng lời tâm nguyện:

1. Xin Thầy ban cho mỗi chúng con trọn vẹn đức tin, đủ đầy nghị lực để hoàn thành sứ vụ mà chúng con đang nhận lãnh, cho dù ở bất cứ cương vị nào trong hệ đồ giáo hội để xứng đáng đền đáp tình thương vô bờ bến của Thầy.

Chúng con xin chí thành dâng nguyện



2. Cuộc sống tại thế là trường thi. Mỗi chúng con là môn đồ của Thầy trên con đường tu học và phụng sự. Xin Thầy nhận nơi chúng con lòng kính vâng vô điều kiện trong sứ mạng xiển dương đạo Thầy, dìu dắt nhơn sanh. Chúng con xin thọ nhận những bài thi của Thầy với một tâm thế sẵn sàng trong tình thương Từ Phụ. Chúng con xin chí thành dâng nguyện
3. Mỗi chúng con có căn cơ và nghiệp lực khác nhau. Xin Thầy ban ân để chúng con được thêm sức vượt lên mọi cám dỗ, chiến thắng bản thân, dám nhận lấy những thử thách mới, trọng trách mới trên tinh thần dẫn thân phụng sự giáo hội và nhơn sanh.
Chúng con xin chí thành dâng nguyện
4. Vạn vật đa dạng, cuộc sống đa chiều, hạnh sinh chúng con có thể khác nhau trên nhiều mặt. Xin Thầy soi dẫn chúng con biết lấy yêu thương làm mẫu số chung, lấy phụng sự làm nơi gặp gỡ. Chúng con nguyện hứa dâng lên Thầy tình đoàn kết đệ huynh, anh trước, em sau, dắt dìu nhau cùng hướng về Thầy. Em sót sai nhờ đàn anh chỉ dạy. Anh lỗi lầm nhờ em nhỏ gián can để trước sau cùng gặp nhau trong thanh tịnh.
Chúng con xin chí thành dâng nguyện
5. Hôm nay hội ngộ anh em, ngày mai chúng con trở về địa phương nơi mình tu học và phụng sự. Xin Thầy chứng giám cho tấm lòng thành của chúng con đã được tiếp thêm sức mạnh từ thông điệp **MỜI ĐÈN TIẾP LỬA**. Chúng con nguyện hứa sẽ giữ mãi và làm sáng lên ngọn lửa của đức tin, của yêu thương và phụng sự trong chính bản thân mình, xứng đáng với lời dạy của Thiêng Liêng:

Gánh mỗi đạo, hy sinh vì đạo

Thương nhơn sanh, hoài bão nhơn sanh

Chúng con xin chí thành dâng nguyện

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT.





TỊNH KHẨU

đối với người tu

Minh Đức

Sưu tầm

Sau khóa Tịnh thứ III sắp đến dành cho Hội Thánh (17-8 đến 25-8 Kỷ Hợi) thì đến đợt tịnh 36 ngày dành cho các Hộ Đạo bắt đầu từ ngày 1-9. Sống Đạo kỳ này phổ biến bài Tịnh Khẩu của Minh Đức đã đăng trong số Thu Bính Thân - 2016 như một sự tâm thành công quả, nhắc nhở lẫn nhau nhằm cùng nhau tu tiến.

Trong các khóa tu tịnh dài ngày, các tịnh viên của chúng ta tại Trung Tông Thánh Tịnh hay các Tịnh thất thường có vài ngày toàn thể tịnh viên thực hành việc im lặng - không nói và thường được gọi là tịnh khẩu. Tuy nhiên, tìm hiểu từ tịnh khẩu thì đó là từ gọi tắt của cụm từ thanh tịnh khẩu nghiệp. Đúng là không nói là thanh tịnh khẩu nghiệp tốt nhất. Khẩu nghiệp là một trong tam nghiệp - nghiệp thân, nghiệp khẩu và nghiệp ý khiến chúng sanh gây tạo nghiệp chướng và phải chịu nghiệp báo trong sáu nẻo luân hồi. Ngôn ngữ nói chung và lời nói là đặc ân của nhân loại, nhờ tiếng nói mà con người có thể giao tiếp với nhau, hiểu biết nhau, cảm thông nhau, tạo sự yêu

thương và đoàn kết để cùng chung sống giữa thiên nhiên nhiều bất trắc. Nhưng cũng chính lời nói phá vỡ mối tương liên, gây chia rẽ, tạo hiềm khích... Cho nên tôn giáo nào cũng thấy cái hại của việc không sử dụng đúng phương tiện này nên đều có những giới cấm để tín hữu mình tập rèn kỹ năng nói năng đúng mực. Tín hữu Cao Đài chúng ta cũng tuân giữ ngũ giới cấm mà giới thứ năm là “*Ngũ bất vọng ngữ là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mãng thô tục, chửi rửa người, hủy báng tôn giáo, nói ra không giữ lời hứa.*” Phật giáo đã chia giới thứ năm này làm 4 giới nhỏ để nhớ như sau: *vọng ngữ* (nói sai sự thật), *ỷ ngữ* (nói thêu dệt, nói vô bổ), *lưỡng thiệt* (nói đâm thọc, nói xấu, vu khống), *ác ngữ* (nói lời hung dữ, chửi thề) và gọi đó là tà ngữ để phân biệt với chánh ngữ. Trong các kỳ đàn lớn ở các Thánh Thất Cao Đài, vị chủ lễ tụng Tịnh tam nghiệp chú mà đầu tiên là Tịnh khẩu nghiệp chú, cuối mỗi bài, mọi tín hữu đều đồng thanh đọc câu *Quy lạy kính tuân* và các tịnh viên của Hội thánh chúng ta ở bậc linh châu, tướng châu và tâm châu cũng đều phải trì niệm trong giờ công phu chính là để mọi người tu tập việc thanh tịnh tam nghiệp. Chúng ta ôn lại Tịnh khẩu nghiệp chú:

*Lời ăn nói là nơi lưỡi miệng,
Tiếng luận đàm liệu biện đề phòng;
Giữ gìn miệng đặng sạch trong,
Thốt lời mình chánh, rèn lòng tụng kinh.*

Chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn về việc tịnh khẩu - không nói hay im lặng này trong một số trích dẫn những bài viết trên mạng Internet.

I. Tịnh khẩu theo Phật giáo

Tịnh khẩu có nghĩa là thanh tịnh khẩu nghiệp. Theo nghĩa rộng, thanh tịnh khẩu nghiệp là không nói sai, nói ác... mà chỉ nói lời chân thật, thanh tịnh; nói lời yêu thương, đoàn kết, xây dựng, có lợi ích cho mình và người. Tuy nhiên, tịnh khẩu theo cách hiểu của nhiều người là không nói gì cả. Thực ra, tịnh khẩu không có nghĩa là câm lặng hoàn toàn (á khẩu) mà hạn chế tối đa nói năng, chỉ nói khi

cần thiết và luôn đi liền với chánh niệm. Theo Thiền sư Nhất Hạnh, “Tịnh khẩu là một phương pháp thực tập rất sâu sắc chứ không phải là chuyện cấm nói. Tịnh khẩu không có nghĩa là không nói mà thôi. Nó có nghĩa là quán chiếu bằng chánh niệm của mình những điều gì mình định nói”.

Kinh Phật đề cập đến vấn đề tu tập tịnh khẩu khá nhiều, tùy theo mỗi tình huống mà Đức Phật có thái độ khác nhau. Trung A hàm 18, kinh Sa-kê-đế tam mộc tánh tử, ghi: “Một thời Đức Phật du hóa tại Sa-kê-đế trong rừng Thanh. Bấy giờ ở Sa-kê-đế có ba thiện nam tử là Tôn giả A-na-luật-đa, Nan-đề và Kim-tì-la đều là thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp này không lâu. Lúc ấy Đức Thế Tôn hỏi các Tỳ kheo: ‘Ba thiện gia nam tử này đều là thiếu niên mới xuất gia học đạo, cùng đến nhập Chánh pháp này không lâu; ba thiện nam tử ấy có vui thích ở trong Chánh pháp luật này hành phạm hạnh chăng?’. Khi đó các vị Tỳ-kheo im lặng, không trả lời. Đức Thế Tôn ba lần hỏi các Tỳ kheo, các Tỳ kheo cũng ba lần im lặng, không đáp”. Vì tu tập tịnh khẩu nên các Tỳ kheo ở Sa-kê-đế không trả lời Thế Tôn, dù Ngài hỏi đến ba lần. Và Đức Thế Tôn tán thán: “Lành thay! Lành thay! A-na-luật-đa, như thế các người thường cùng nhau hòa hợp, an lạc, không tranh, cùng hiệp nhất trong một tâm, một Thầy, như nước với sữa”. Rõ ràng, trong trường hợp này, các Tỳ kheo tu tập tịnh khẩu được Thế Tôn tán thán.

Tuy nhiên, trong trường hợp khác, tu tập tịnh khẩu lại bị Phật quở trách nặng nề: “Một thời, đức Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có số đông Tỳ kheo ở nước Câu-tát-la, hạ an cư nơi trú xứ nọ, suy nghĩ rằng, ‘Làm cách nào chúng ta sống an lạc, không vất vả vì sự ăn uống?’. Rồi họ bảo nhau, ‘Chúng ta nên lập quy chế an cư, không nói chuyện với nhau, không lễ bái, hỏi chào nhau. Ai vào tụ lạc khát thực trước và về trước, thì dọn dẹp chỗ ngồi ăn, trải tọa cụ, sửa soạn đồ đựng nước, đồ rửa chân, đồ đựng thức ăn. Mỗi người tự đem thức ăn đến để chỗ ngồi ăn. Nếu ai nhận được thức ăn nhiều, trước hết nên sót bớt để lại, nhận đủ thì ăn. Ăn xong, im lặng trở về phòng. Người kế tiếp vào tụ lạc khát thực; nhận được thức ăn rồi trở về, đem thức ăn đến chỗ ngồi ăn... Vị ấy dọn quét chỗ ngồi ăn.

Nếu thấy đồ đựng nước, đồ rửa chân trống không, thì đi xách. Nếu tự mình có thể không trở về thì tốt. Bằng không, dùng tay ngoắt bạn để cùng không về chỗ cũ. Rồi im lặng trở về phòng. Chứ không vì lí do nào mà nói bằng lời. Chúng ta lập quy chế như vậy, có thể sống an lạc, không vì sự ăn uống mà khổ sở’.

Các Tỳ kheo áp dụng quy chế trên trong thời gian an cư. Tự tứ xong, họ đến chỗ Đức Phật trong Kỳ-hoàn, nước Xá-vệ, đánh lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên. Các Tỳ kheo đem nhân duyên trên thuật lại một cách đầy đủ, Đức Phật bảo các Tỳ kheo: ‘Các ông là những người ngu si, tự cho đó là vui mà thật sự là khổ. Các ông là những người ngu si, tự cho đó là điều không tai hoạn, mà thật sự là đại hoạn. Các ông là những người ngu si, cùng ở với nhau như oan gia, như những con cừu. Tại sao vậy? Ta đã dùng vô số phương tiện dạy bảo các Tỳ kheo, cùng dạy bảo nhau, cùng nhau trao đổi, giác ngộ cho nhau. Các ông là những người ngu si, đồng như ngoại đạo thọ pháp cam. Các ông không được làm theo pháp cam như vậy. Nếu làm theo pháp cam, phạm Đột-kết-la” (Tứ phần luật, Tự tứ).(Tịnh khẩu theo lời Phật dạy-phatgiao.org.vn)

Như vậy, tùy trường hợp mà Phật khen ngợi hay chê trách pháp tịnh khẩu không nói này, điều quan trọng là tránh các duyên khiến khẩu nghiệp xấu ác tăng trưởng, chứ trong tăng đoàn việc trao đổi ý kiến để giúp nhau tu tiến là cái cần thiết. Tuy nhiên, các Thiền đường trên thế giới hiện nay vẫn dùng tịnh khẩu không nói như là pháp môn thanh tịnh khẩu nghiệp hiệu quả và nó hỗ trợ rất nhiều cho tâm thanh tịnh khi ngồi thiền, cũng như rèn luyện ý chí tiến tu.

II. Tịnh khẩu theo Đạo gia

...Tĩnh lặng là một trạng thái tự nhiên của mọi vật.

Âm thanh là sự náo động, nhiễu loạn. Từ “nhiễu” là từ tiếng La tinh “nausea”, nó có nghĩa là gây ra ốm đau. Sự nhiễu loạn của tư tưởng và phát âm làm tiêu hao khí lực của con người.

Do đó tịnh khẩu là một biện pháp bảo vệ và phục hồi sức khỏe bản thân và làm trẻ hóa cơ thể. Hơn thế, nếu bạn muốn chứng nghiệm về Đạo để đi vào cốt lõi bên trong của sự sống thì không có cách nào tốt

hơn là im lặng. Như một vị thầy từ xưa đã nói “Tiết kiệm lời nói là trở về với tự nhiên”, và “Những người nói nhiều là những người hiểu ít”.

Khi vị thầy không nói và “nói mà không dùng lời” có nghĩa là đã đi đúng đường. Tôi rất lấy làm tâm đắc với Đạo Đức Kinh của Lão Tử và cuốn sức mạnh của sự im lặng của Stuart Wilde.

Mỗi ngôn từ bạn phát ra đều là dạng khí, nó biểu trưng cho sức sống của bạn. Nếu bạn muốn có sức mạnh bạn cần phải bảo vệ khí của bạn bằng cách đặt một giá trị vào từng lời nói của bạn, không nên nói tràng giang đại hải và nói nhiều, nói thừa.

Bạn sẽ không tự nói nếu không cần thiết phải nói. Bạn phải tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc này. Bạn sẽ tìm ra được lời nói thích hợp và chính xác cho từng trường hợp giao tiếp. Bằng cách đó bạn sẽ biết phân giải năng lực khí của bạn ra. Lời nói của bạn sẽ có tiếng vang và trọng lượng như sấm.

Khi tịnh khẩu, cá tính và tài năng của bạn sẽ bộc lộ thay thế cho con người giả tạo của bạn. Bạn phát triển trong sự im lặng, trong sức lực của vô định. Với năng lực này bạn sẽ có thể điều chỉnh bản thân mình tới những điều tốt đẹp và thuận lợi. Nhưng bạn phải chú ý tới bản ngã của mình. Sức mạnh chỉ đến khi bản ngã im lặng. Khi bản ngã dính vào và bạn lạm dụng sức mạnh thì đã có chất độc tư tưởng, càng ở cao thì càng ngã đau. Hãy tịnh khẩu, phục hồi lại sinh lực, đáp ứng với mọi người. Đừng đánh giá họ cao thấp và chỉ trích họ.

Hãy để cho mọi việc mọi người như vậy. Đó là Đạo - Con đường của tự nhiên. (Sức mạnh của Tịnh khẩu-Diệu Minh-Internet)

Pháp tu của Hội thánh chúng ta là tu luyện Tinh Khí Thần nên Tịnh khẩu không nói là cách để dưỡng khí rất tốt và cũng là gián tiếp dưỡng thần và tránh việc thị phi tranh chấp như kinh nghiệm người xưa dạy: “Khẩu khai Thần Khí tán, Thiệt động thị phi sanh” nghĩa là mở miệng nói thì khí hao, thần tán, lời nói có thể bị hiểu sai sanh tranh cãi thị phi.

III. Im lặng - một nghệ thuật sống

Đoạn văn ngắn sau với tựa đề trên đề phổ biến một số kinh nghiệm sống mà việc không nói hay im lặng lúc đó được xem là tốt nhất.

“Im lặng là vàng. Có thực sự vậy không? Có những khi cần phải nói, thậm chí là nói nhiều, để có thể mang lại lợi ích cho người khác, để giải hòa, để hòa hợp và cảm thông, hoặc để bảo vệ chân lý.



Tuy nhiên, có đôi khi lại cần im lặng, lúc đó sự im lặng có giá trị hơn nhiều. Và lúc này chính sự im lặng lại “nói” nhiều hơn. Đó là đặc trưng của sự im lặng, một loại văn hóa kỳ diệu, nhưng không dễ thực hiện.

Nói hoặc im lặng đều phải đúng nơi, đúng lúc, đúng người, và chỉ sử dụng khi thực sự cần thiết. Lời nói có thể là lưỡi gươm, mà gươm chưa dùng thì cứ để trong bao. Im lặng là thượng sách nếu lời nói vô ích, nếu không thì có thể phản tác dụng.

Thật chí lý câu nói của T. Man: “Người khôn ngoan mang tất cả tài sản vào trong đầu”. Đó chính là giá trị của sự im lặng. Nhưng khi nào nên im lặng?

1. Khi người khác buồn phiền, đau khổ

Biết vui với người vui, buồn với người buồn. Đó là hành vi của người có văn hóa, tri thức, biết điều, biết cư xử và thấu cảm. Không gì vô duyên hơn khi người khác khóc mà mình lại cười - hoặc ngược lại. Sự “ngịch lý” đó có thể khiến chúng ta trở nên lỗ bịch, hợm hĩnh và kiêu ngạo.

2. Khi người khác suy tư, lao động trí óc

Sự im lặng là “cần thiết” của hoạt động trí óc. Nhờ đó mà có những kiệt tác, sự cao cả, sự hiểu biết, sự trưởng thành, sự hồi tâm... Văn hào W. Goethe xác định: “Tài năng được nuôi dưỡng trong cô tịch, còn ý chí được tạo bởi những cơn sóng dữ của giông tố cuộc đời”. Thấy người khác trầm tư, đừng phá “khoảng riêng” của họ. Sự im lặng lúc đó thực sự cần thiết và có ý nghĩa.

3. Khi người khác không hiểu mình

Khi chưa được hiểu, chúng ta cần cởi mở và hòa đồng để người

khác có thể hiểu mình hơn - dù không thể hiểu hết. Nhưng nếu bạn cảm thấy người ta thực sự không thể hiểu hoặc không muốn hiểu thì tốt nhất là im lặng. Nếu không, những gì bạn nói có thể gây “dị ứng” hoặc hiềm thù.

4. Khi người khác nói về vấn đề mình không am hiểu

Biết thì thừa thốt. Người khôn ngoan chỉ nói những điều mình biết rõ và hoàn toàn im lặng đối với những gì mình không biết hoặc mơ hồ. Đừng ảo tưởng mình là “bách khoa tự điển”. Nhà bác học A. Edison nói: “Điều chúng ta biết chỉ là một giọt nước, điều chúng ta không biết là cả đại dương”. Còn hiền triết Socrates thừa nhận: “Tôi không biết gì cả, đó là điều tôi biết rõ nhất”. Chỉ là người bình thường, chúng ta càng cần khiêm nhường mà biết im lặng.

5. Khi người khác khoe khoang, lý sự

Thùng rỗng kêu to. Càng hiểu biết người ta càng ít nói, thâm trầm và cảm thông. Trong 4 phép toán, phép trừ là... “dễ” nhất, nhưng lại đầy ý nghĩa. Chỉ vì ngu dốt nên mới độc đoán, khắt khe hoặc cố chấp. Khoe khoang và lý sự là “đặc điểm” của đầu óc nông cạn, thiên cận. Dốt thì hay nói để cố che lấp khiếm khuyết của mình.

6. Khi người khác không cần mình góp ý kiến

Đừng bao giờ “xía” vào chuyện của người khác hoặc tò mò chuyện của họ. Vả lại, nói nhiều thì sai nhiều. Nói thiên lệch thì mất lẽ chính, nói huênh hoang rồi đến chỗ đuối, nói xiên xẹo rồi đến chỗ sai trái, nói quanh co sẽ đến chỗ cùng lý.

Cibbon nói: “Đàm luận khiến người ta hiểu biết, nhưng im lặng là trường học của sự khôn ngoan”. Im lặng còn là yêu thương, tha thứ, và là cuộc sống.

Tuân Tử dạy: “Im lặng, lắng nghe, ghi nhớ, hành động và khôn ngoan là 5 bậc thang khác nhau của trí tuệ”. Có thể coi đây là ngũ-cung-sống của cuộc đời. Tóm lại, im lặng là một nghệ thuật kỳ diệu và là cách thể hiện văn hóa cao cấp.

Nói ra được thì tốt nhưng có khi im lặng lại tốt hơn. Ta nên học lắng nghe để hiểu, dừng lại để thương. Nhưng khó đấy, bài học này

chỉ dành tặng cho những ai đã biết buông bỏ ngã mạn, biết đời sống là vô thường bất chợt.”

(Im lặng một nghệ thuật sống-Khuyết Danh-Internet)

IV. Một câu chuyện tái sinh để tịnh tu khẩu nghiệp

Sau đây là một câu chuyện của một vị tăng kiếp trước chưa sạch khẩu nghiệp, nên kiếp này nguyện tịnh khẩu - không nói suốt đời để thanh tịnh khẩu nghiệp.

“Trong chùa, có một anh câm. Không ai nhớ anh ta đến chùa từ bao giờ, và lại cũng không mấy người để ý đến anh ta. Anh ta lo mấy sào vườn ở sau chùa, lúc thì trồng rau, lúc thì trồng đậu, làm việc rất là siêng năng. Lúc rảnh, anh ta vào bếp giã gạo và vào những ngày sóc vọng, chùa đông khách, anh ta giúp việc dưới bếp, và rửa bát ở bờ ao cạnh bếp.

Vì anh ta câm, nên chẳng ai nói với anh và nếu có việc cần nói thì phải ra hiệu. Hết việc, tối nào anh cũng quanh quẩn ở trên chánh điện, quét dọn, lau chùi, và mỗi năm vào kỳ Kết hạ, mỗi lúc có khóa giảng thì anh ta cầm chổi đứng gần cửa phòng hội, ra vẻ đang quét nhà, nhưng thật ra là nghe giảng kinh...

Một ngày kia, không thấy anh, vị tri sự bước vào căn phòng nhỏ xíu của anh ở góc vườn, lúc đó mới biết rằng anh câm bị đau, sốt nặng không dậy được. Vị tri sự trình Tổ và mọi người thấy Tổ vào thăm anh câm. Ngài ngồi với anh rất lâu và khi Ngài trở về phòng, nét mặt trang nghiêm của Ngài thoáng vẻ hân hoan.

Từ hôm ấy, chú tiểu ngày hai ba lần mang cháo vào cho anh câm và Tổ mỗi khi xuống thăm thì ngồi cả giờ, mọi người cho rằng anh câm có phúc, được Tổ thương và nếu có mệnh hệ nào thì được Ngài độ cho. Vào đúng giờ Ngọ hôm đó, người ta thấy Tổ chậm rãi bước ra khỏi phòng anh câm và khi Tổ nhận thấy mọi người chấp tay vây quanh thì Tổ nói rất ngắn: “Ngài đã viên tịch rồi”.

Ai ai cũng tỏ vẻ ngạc nhiên: Tổ gọi anh câm cuốc vườn là Ngài! Tổ là một thiền sư đạo hạnh nổi tiếng không những trong vùng, mà ngay cả ở chốn kinh kỳ xa xôi nữa. Nhưng không ai dám hỏi Tổ cả. Cho đến khi làm lễ hỏa thiêu xong, bài vị của anh câm đã được đặt

trên chùa, và khóa cầu siêu thường lệ chấm dứt, mọi người được nghe Tổ nói như sau: “Thật ra, vị chấp tác làm vườn ở chùa ta là một vị tăng, không những là một vị tăng ở kiếp này, mà là từ kiếp trước. Kiếp trước, Ngài tu hành tinh tấn, nhưng Ngài vẫn tái sinh làm kiếp người, chưa lên được cõi trên vì nghiệp của Ngài còn nặng. Kiếp này, Ngài lại tu nữa, và do ta giúp đỡ, Ngài biết rằng Ngài chưa xóa được khẩu nghiệp. Vì thế Ngài phát nguyện tu tịnh khẩu nghiệp. Ngài tịnh khẩu, ai cũng tưởng là Ngài câm. Đến nay thân, khẩu, ý của Ngài đều đã thanh tịnh nên Ngài đã ngộ, vì thế ta mới nói rằng Ngài tịch diệt. Bàn thờ Ngài ở kia, có thể bỏ đi được, nhưng thôi hãy cứ để đấy, không phải là để cúng Ngài, mà chính là để nêu cái gương tu hành cho mọi người.”

Người nghe chuyện, ai ai cũng yên lặng cúi đầu, nghiền ngẫm về sự tu hành. Từ ngày đó, trong chùa, không ai bảo ai, người ta chỉ nói vừa đủ, những mong đến lúc nào đó tịnh được khẩu nghiệp, thoát khỏi sinh tử luân hồi như vị bồ-tát đóng vai anh câm làm việc sau chùa.” (Khẩu nghiệp-Khuyết Danh-Internet)

Những góp nhặt tài liệu trên đây giúp chúng ta thấy rằng việc tịnh khẩu - không nói là điều tốt. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng tuy không nói bằng lời, nhưng lại ra dấu hiệu diễn tả bằng cách nói ở nơi tay như ra dấu hoặc viết giấy v.v... thì đó cũng là một cách nói, chỉ khác nhau bằng lời và hành động mà thôi. Cho nên, tốt hơn hết là ta chỉ nên ít nói, chỉ nói những gì cần thiết đáng nói như để trao đổi kiến giải giúp nhau tu tiến và những lời ái ngữ hòa nhã êm dịu, đúng như tinh thần của Tịnh khẩu chú dạy là **phải cẩn ngôn và chánh ngữ** và nên chú ý một chút những tình huống mà im lặng là tốt nhất. Đó chính là cách tịnh khẩu hay nhất và cũng đúng đắn nhất. Có tịnh khẩu như thế thì thân tâm mới được an lạc và sự tu hành của chúng ta mới thực sự có tiến bộ vậy. Tuy nhiên, những ai có bệnh nói quá nhiều thì trong những khóa tu thường có thời gian tịnh khẩu, đó là môi trường tốt để ta thực tập tịnh khẩu - không nói để chữa trị căn bệnh này. Chúng ta phải thường tâm niệm cả tịnh tam nghiệp chú và làm theo thì tam nghiệp mới trở nên hiền thiện. Xin kết thúc bằng lời thơ sau:

*Ai ơi! Ít nói là vàng
Nói nhiều tội lỗi trái ngang cũng nhiều
Chi bằng ít nói bao nhiêu
Khỏi điều phiền não, khỏi điều thị phi
Hàng ngày tam nghiệp vô vi
Không tranh nhân quả có gì đảo điên
Không nghiệp chướng chẳng lụy phiền
Vô ưu, vô não nương thuyền tiêu dao.*
(Viên Thành-Internet)

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Kinh Tận Độ - HTTGCD 1995.
2. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển - Pháp Chánh Truyền - Tân luật - HTTGCD tái bản 1995.
3. Tịnh khẩu theo lời Phật dạy - phatgiao.org.vn
4. Sức mạnh của Tịnh khẩu - Diệu Minh - internet.
5. Tu cái miệng là tu hơn nửa đời người - Viên Thành - internet.
6. Khẩu nghiệp - Khuyết danh - internet.
7. Im lặng một nghệ thuật sống - Khuyết danh - internet.



Tường thuật HỘI NGỘ HẠNH SINH

Nguyễn Thị Lan

HS khóa II HĐHĐ

Cái nắng oi bức của miền Trung vào những ngày giữa hè không làm chùn bước chân của những người con áo trắng đang háo hức trên đường về ngôi nhà Thánh trong Ngày Hội ngộ Cựu Hạnh sinh. Hành trình gần 30 năm qua của Hạnh Đường Hưng Đức, kể từ ngày khai giảng khóa Hạnh Đường Hưng Đức Thử Nghiệm vào ngày Rằm tháng Giêng năm Canh Ngọ (1990) tại Thánh thất Trung Minh và hai khóa Hạnh Đường Hưng Đức I và II nay mới có dịp chung cùng hội ngộ.

Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài qua các thời kỳ luôn đặt vấn đề đào tạo con người lên hàng đầu. Từ lớp Giáo hữu phổ thông những năm đầu truyền đạo về Trung cho đến các lớp sinh hoạt Nữ Đoàn giải thoát, thanh niên Tráng Anh

Đoàn, Hưng Đạo Đoàn... đã minh chứng cho điều đó.

Sau khi đất nước thống nhất, sinh hoạt đạo dần đi vào ổn định, việc đào tạo lớp kế thừa của giáo hội được chú trọng. Đầu năm Kỷ Tỵ (1989), Hội Thánh tiến hành xây dựng chương trình hoạt động của Hạnh Đường Hưng Đức. Sau hơn 9 tháng xây dựng ngày Rằm tháng Giêng năm Canh Ngọ (1990), khóa Hạnh Đường Hưng Đức Thử Nghiệm được khai giảng. Số lượng học viên đăng ký theo học 252 người, nhưng chỉ xét tuyển được 35 hạnh sinh; tham dự lễ khai giảng và theo học có 33 hạnh sinh. Sau 2 năm, Hạnh đường Hưng Đức Thử Nghiệm được đổi tên thành Hạnh đường Hưng Đức khóa đặc biệt.

Song song với đó, Hội Thánh tiến hành soạn thảo chương trình

Hạnh đường Hưng Đức thổ thông. Ngày 16/3/1992 Hội Thánh ban hành Quy chế Hạnh đường, gồm 9 chương và 119 điều. Ngày 01/7/1992 Hội Thánh chính thức thành lập Hạnh đường Hưng Đức ủy trao cho Cơ quan Phổ tế tổ chức điều hành.

Căn cứ các quyết định được ban hành, Hội Thánh tiến hành tuyển sinh khóa 1. Lễ khai giảng Hạnh đường Hưng Đức khóa I được diễn ra ở nhiều Thánh sở trong tháng 5 năm Nhâm Thân (1992). Khóa I có 84 hạnh sinh tham gia. Ngày 1/6/Nhâm Thân, Hội Thánh tổ chức tổng khai giảng cho cả 2 khóa, khóa đặc biệt và khóa I tại Trung Hưng Bửu Tòa.

Rằm tháng 10 năm Giáp Tuất (1994) Ban Chủ nhiệm khóa Hạnh đường đặc biệt tổ chức lễ tốt nghiệp cho 17 hạnh sinh, 12 hạnh sinh trong số đó tiếp tục tuyển chọn vào hệ Hoằng giáo. Sau hai năm đào tạo, năm Bính Tý (1996) khóa Hạnh đường Hoằng giáo đầu tiên được tốt nghiệp.

Tiếp theo đó, ngày 8/7/Đinh Sửu (1997), Ban Chủ nhiệm khóa Hạnh đường Hưng Đức I tổ chức lễ tốt nghiệp cho 74 hạnh sinh trong số 84 hạnh sinh tham gia ban đầu.

Năm Mậu Tý (2008), Hội Thánh tổ chức tuyển sinh Hạnh đường Hưng Đức II rộng khắp trong và ngoài nước. Có 402 hạnh sinh trúng tuyển trong số 429 hồ sơ đăng ký. Khóa Hưng Đức II khai giảng ngày 1/8/ Mậu Tý (2008) tại Trung Hưng Bửu Tòa với 334 hạnh sinh tham dự và theo học. Trải qua 6 năm sinh hoạt Hạnh đường, ngày 24/6/ Giáp Ngọ (2014), Hội Thánh tổ chức lễ tốt nghiệp cho 243 hạnh sinh đủ điều kiện tốt nghiệp. Tiếp theo đó, năm 2016, Hội Thánh tổ chức khóa hạnh đường Hưng Đức hệ Hoằng giáo, có 38 khóa sinh đã tốt nghiệp Hạnh đường từ hệ phổ thông của khóa I và II tham dự sơ tuyển. Ban Chủ nhiệm khóa đã chọn được 23 hạnh sinh theo học và khai giảng vào ngày 14/6/ Bính Thân (2016) tại Thánh thất Trung Minh. Qua hai năm đào tạo, ngày 19/10/ Mậu Tuất (2018), 22 hạnh sinh hệ Hoằng giáo được làm lễ tốt nghiệp tại Trung Hưng Bửu Tòa.

Trải qua ba khóa, kéo dài 28 năm, Hạnh đường Hưng Đức đã có 334 hạnh sinh tốt nghiệp. hơn một nửa trong số đó đang phụng sự giáo hội từ Hội Thánh đến các họ đạo, cơ sở đạo; cũng không

ít người đã phải tuân theo quy luật sinh tử mà về với cõi thiêng thiêng hằng sống.

Hội ngộ cựu hạnh sinh lần này là cơ hội để huynh tử cựu hạnh sinh các khóa gặp gỡ, cùng nhau dục tấn trên con đường tu học và lập công, đồng thời để mỗi hạnh sinh tự nhìn lại mình tu sửa thân tâm, phát nguyện phụng sự. Hội ngộ Cựu Hạnh sinh diễn ra trong hai ngày 6-7/7/2019 với nhiều hoạt động thiết thực và ý nghĩa.

Mẹo thời ngày 6/7/2019 (4/6/Kỷ Hợi), các con cái của Thầy đã tề tựu về đây kín cả Bửu điện Trung Hưng Bửu Tòa dâng lên các Đấng Thiêng Liêng lời kinh sớm với cả tấm lòng thành mong cho ngày Hội ngộ Cựu Hạnh sinh được thành công viên mãn. Lời cầu nguyện được Anh Lớn giáo sư Thượng Văn Thanh kính cẩn đọc dâng lên Thầy trong không khí trang nghiêm.

Sau giờ cúng và điểm tâm sáng, tiếng kèn báo hiệu giờ tập trung, từ các cửa phòng quý hạnh sinh vội vàng đến hội trường. Tác phong nhanh nhẹn của người hạnh sinh đã được rèn luyện trong quá trình học tập thể mà vẫn còn đầu đầy những bước chân thờ ơ khi nghe tiếng kèn đánh.

Có lẽ, lâu rồi quý huynh tử

chưa gặp nhau nên ai nấy cũng đều mang trong lòng nhiều ưu tư, nhiều trăn trở như muốn được tỏ bày. Giờ khai mạc chưa bắt đầu nhưng cả hội trường tràn ngập tiếng trò chuyện, hỏi han. Với 210 hạnh sinh trên tổng 334 hạnh sinh đã tề tựu về đây trong niềm vui chào đón Ngày Hội ngộ Cựu Hạnh sinh. Có những hạnh sinh không về được vì nhiều lý do khác nhau nhưng chung quy lại cũng một lý do là không vượt lên chính mình được cũng như “Thắng vạn quân không bằng thắng chính mình.” Những huynh tử có mặt hôm nay đều cũng bận rộn với bao công việc nhưng đã biết sắp xếp để về đây cùng sẻ chia. Có thể nói còn rất nhiều hạnh sinh cũng mang nhiều trăn trở, băng khuâng về Đạo nhưng không có duyên cùng hội ngộ nơi đây.

Rồi giờ khai mạc cũng được bắt đầu trong không khí trang nghiêm dưới sự dự chứng của Đạo trưởng Phối sư và Quý Chức sắc lãnh đạo Hội Thánh. Bài phát biểu ngắn gọn của Anh Lớn giáo sư Thượng Văn Thanh như chứa đầy ý nghĩa sâu xa và luôn mang nặng niềm cảm xúc làm cho cả hội trường lắng đọng. Qua bài phát biểu có lẽ quý hạnh sinh cảm

nhận được những điều mà Anh Lớn muốn gửi gắm đến đàn em hôm nay.

Sau lễ khai mạc, các hạnh sinh tập hợp thành nhóm theo quy định của ban tổ chức để thảo luận nội dung các câu hỏi thông qua ba khoa mục: Học nghiệm - Tu dưỡng - Sống đạo. Điều đặc biệt nhất là ngày hội ngộ này bao gồm cả các khóa với nhiều độ tuổi khác nhau nhưng tất cả đều chung một tâm nguyện vì đạo, vì Thầy. Vì thế, mà việc thảo luận diễn ra trong tinh thần tràn ngập niềm vui tình huynh đệ Cao Đài, không phân biệt tuổi tác. Tất cả đều gọi và xưng hô với nhau bằng huynh - tỷ thật thân thương làm sao! Một giờ thảo luận sôi nổi ở các phòng cũng khép lại trong tinh thần cùng nhau chia sẻ học hỏi và chọn ra được bài tiêu biểu để cùng nhau góp ý xây dựng thành một bài hoàn chỉnh đại diện trình bày trước tập thể.

Sau giờ thảo luận tại các phòng, quý hạnh sinh cũng quay trở lại hội trường trong tinh thần phấn khởi đầy nhiệt huyết sẵn sàng cho ngày đạo đàm được bắt đầu. Tiếp đó, lần lượt các hạnh sinh đại diện lên trình bày nội dung đã chuẩn bị và cùng nhau thảo luận theo

chủ đề “Thực trạng và giải pháp trong tu học, hành đạo của hạnh sinh trên ba phương diện: Học đạo - Tu dưỡng - Sống đạo.” Trên tinh thần đó, quý hạnh sinh đã nêu ra rất nhiều câu hỏi thiết thực mà cần được giải quyết kịp thời cùng với những đóng góp chân tình cho nhau trong tinh thần hoà ái yêu thương. Các bài thảo luận phản ánh theo nhiều ý kiến đa chiều về tình hình thực tế tại địa phương, thông tin rất phong phú với những điều làm được, những điều chưa làm được, những ưu tư, trăn trở. Bên cạnh đó, các nhóm đã đề xuất những giải pháp cho những thực trạng và tồn tại. Qua việc thảo luận thực trạng và giải pháp như vậy, mỗi hạnh sinh có những cảm nhận khác nhau. Tuy nhiên, ngày đạo đàm sẽ giúp cho chư hạnh sinh có thêm một động lực tinh tấn tu học lập công khi trở về lại với địa phương mình. Sau thời gian 6 giờ làm việc với tinh thần nhiệt huyết hòa ái, quý hạnh sinh đã chia sẻ chân thành về thực trạng của các họ đạo, đồng thời đóng góp xây dựng một số giải pháp thiết thực cho quá trình tu học, hành đạo của hạnh sinh. Kết quả của ngày đạo đàm thảo luận giống như lời dạy của Ngài Bảo

Pháp Thanh Long:

*“Ngồi nhau lại tìm ra lối thoát,
Để cộng đồng sinh hoạt
giữa nhau;
Nhân tâm Thánh ý trước sau,
Hợp thời hợp cảnh chung nhau
thì hành.”*

Vào lúc 19g30 đến 21g 30 tại hội trường đã diễn ra buổi giao lưu vui thân. Chương trình đã diễn ra trong không khí thân tình, ấm cúng. Các giọng ca, giọng ngâm “Cây nhà lá vườn” của quý hạnh sinh đã trình diễn qua các bài thơ, bài hát một cách tự nhiên, vui vẻ giúp mọi người xích lại gần nhau hơn trong tinh thần con chung một Cha. Cũng như Thầy đã dạy:

*“Vào vòng huynh đệ khá
thương nhau,
Một đức trời hơn một phẩm cao.
Quyết chí Thiên Đường men
bước tới,
Phải nhiều máu thịt mới
đồng bào.”*

TNHT - trang 25

Trong đêm thanh vắng giữa lòng Hội Thánh đã diễn ra Lễ Hồi hướng với chủ đề “Môi đèn tiếp lửa” trong không khí trang nghiêm, thành kính và đầy cảm xúc. Có lẽ trong mỗi chúng ta ai cũng có ngọn lửa thiêng đang cháy sẵn. Ngọn lửa ấy là biểu

trung cho đức tin, cho lý tưởng và tinh thần phụng sự của bao thế hệ. Thế nhưng, ngọn lửa trong tâm mỗi người có thể cháy sáng khác nhau. Có những ngọn lửa rực sáng với tâm trường thiết tha vì đạo vì Thầy. Cũng có những ngọn lửa đang lập lòe cần phải nuôi và tiếp lửa để ánh sáng mạnh mẽ hơn đủ sức vượt qua bao thử thách để góp phần vào ngọn lửa chung của Giáo hội. Tuy mỗi người một nguyện lực, mỗi người một ưu tư nhưng tất cả cùng trên tinh thần phụng sự đạo Thầy. Trong giờ phút thiêng liêng này, ngọn lửa ấy được Đạo Trưởng Phối Sư đã thắp lên và truyền trao đến Quý chức sắc Hội Thánh. Sau đó ngọn lửa của đức tin và phụng sự được Quý chức sắc Hội Thánh truyền trao đến mỗi hạnh sinh. Quý hạnh sinh đã đón nhận ngọn lửa ấy bằng cả tấm lòng và ngọn lửa ấy còn là sự tin cậy, kỳ vọng của bậc đàn anh gửi gắm đến chúng em. Mong rằng, quý cựu hạnh sinh sẽ giữ mãi ngọn lửa ấy trong mình để đem tình thương đến với tha nhân, đưa đạo vào đời, giúp người nên đạo, đem an lành vào nơi khốn khó. Hòa cùng không khí trang nghiêm ấy là câu chuyện hồi hướng của Anh

Lớn gửi đến chúng em như hun đúc thêm tinh thần, xác tín niềm tin phụng sự. Câu chuyện như nhấn nhủ, vun đắp thêm đức tin vững vàng cho quý hạnh sinh trên con đường dẫn thân phụng sự và luôn nhớ rằng “Chi chi cũng có Thầy.” Nghi thức hồi hướng lắng đọng và thiêng liêng khi tất cả cựu hạnh sinh cùng đồng dâng lời tâm nguyện lên Ông Trên với lòng kính vâng và hứa nguyện trong tu học bản thân; dẫn thân phụng sự Giáo hội và Nhơn sanh tùy theo điều kiện và phương vị của mỗi cá nhân. Tinh thần và nguyện lực của mỗi cựu hạnh sinh thông qua nghi thức này xin Thầy và các Đấng Thiêng Liêng thêm sức để vượt lên những chướng ngại của bản thân, của hoàn cảnh để dám thọ nhận những thử thách mới, trọng trách mới, nhiệm vụ mới.

Lễ Hồi hướng kết thúc bằng nghi thức dâng lễ Tý thời cầu nguyện tại Bửu điện do Anh Lớn Cơ quan Hành Chính chứng đàn với sự tham dự của quý Anh Lớn lãnh đạo bốn cơ quan tỏ rõ tinh thần Truyền đăng tục diệm giữa các thế hệ.

Sáng ngày 7/7/2019 (5/6/Kỷ Hội), quý hạnh sinh lại tích cực tham gia buổi sinh hoạt “Huỳnh

đệ tâm tư” với chức sắc Hội Thánh. Trong buổi giao lưu, hạnh sinh đã nêu ra những vấn đề liên quan đến tổ chức, con người, sinh hoạt tu học... từ địa phương đến Hội Thánh. Quý Anh Lớn chức sắc Hội Thánh cũng chia sẻ những tâm tư, những khó khăn của Hội Thánh cũng như ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của tất cả cựu hạnh sinh và sẽ có những nghiên cứu để sử dụng một cách phù hợp mang lại hiệu quả thiết thực hơn trong tương lai. Cũng như Ngài Huệ Lương đã từng chia sẻ với quý bậc tiền bối:

*“Kết hợp lại cái chung chưa đủ,
Ý cá nhân tự phụ đâu thành;
Muốn cho Thánh thể mạnh lành,
Tương quan liên hệ đồng thanh
nhất tề.”*

Thiết nghĩ, nếu quý cựu hạnh sinh nêu ra được nguyện lực của mỗi cá nhân sau thời gian bao lâu sẽ đảm nhận những công việc chung của Giáo hội thì buổi giao lưu sẽ hay và ý nghĩa hơn nhiều. Hiện nay, Quý chức sắc tuổi cao sức yếu mà vẫn đảm đương bao công việc, Anh Lớn giáo sư Thượng Liêm Thanh không giấu được sự xúc động khi đọc bốn câu thơ của đạo huỳnh Quốc Huân:

*“Còng lưng cồng hạt lúa vàng
Một mai thân rạ giòn tan
giữa đồng
Hóa thành sợi khói thông dong
Tàn tro để lại bón đồng
mùa sau.”*

Với nội tình hiện nay của Giáo hội mỗi hạnh sinh nên cùng chung tay xây đắp cơ đạo mới xứng đáng là thành viên của Hưng Đức. Mong rằng quý hạnh sinh nên mạnh dạn nhận lãnh nhiệm vụ được giao và sẵn sàng tinh thần để phụng sự.

Tuy Hội ngộ Cựu Hạnh sinh đã khép lại, mỗi người lại phải về với địa phương mình nhưng

ngọn lửa đức tin, ngọn lửa phụng sự vẫn cháy và mỗi hạnh sinh sẽ là cầu nối liên kết để tình đồng đạo gần gũi nhau hơn, cùng cảm thông và sẻ chia trên đường thực thi sứ mạng Trung Hưng Chánh Pháp. Bài tường thuật xin khép lại với tấm lòng tha thiết của Đức Quảng Đức Chơn Tiên:

*“Nhìn nhau bỗng rung rung
giọt lệ,
Nỗi mừng thương huynh đệ
Thiên Ân;
Mừng vì đường lối chánh chân,
Thương vì sứ mạng lắm phần
gây go.”*



NHÀ TU TRÍ HUỆ CHIÊU SINH

Sau ngày khánh thành và ổn định các công việc cần thiết, nhà tu Trí Huệ bắt đầu mở đợt chiêu sinh mới. Sống Đạo xin phổ biến văn thư kêu gọi hiến thân tu học của ĐT Phối sư kèm thêm các chi tiết cần biết để gia nhập nhà tu.

HỘI THÁNH TRUYỀN GIÁO CAO ĐÀI

Số: 24/HT-HC

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỐ ĐỘ

Năm thứ 94

Trung Hưng Bưu Tòa, ngày 06 tháng 2 năm Kỷ Hợi

Kính gửi: - Chư chức sắc, chức việc;
- Chư đạo tâm nam, nữ.

Ngày 20 tháng giêng năm Kỷ Hợi (24-02-2019), nhà tu Trí Huệ tại thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam cử hành lễ khánh thành.

Đây là cơ sở đào tạo nhân sự của Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài.

Nhà tu Trí Huệ được Giáo hữu Thượng Thuần Thanh, chức sắc đại diện Hội Thánh tại Quảng Nam nhen nhóm sẵn sàng từ hơn mười năm qua.

Trong hơn mười năm qua nhà tu tạm sinh hoạt trong cơ sở Thánh đường Quảng Nam, nay mới có điều kiện xây dựng cơ sở riêng.

Không thể so sánh với các tôn giáo có trên hai nghìn, hai nghìn năm trăm năm.

Cao Đài mới non trăm năm.

Cao Đài, chưa Hội Thánh nào có cơ sở đào tạo nhân sự kế thừa, nay Hội Thánh Truyền Giáo bắt đầu có nhà tu Trí Huệ, là cơ sở đào tạo nhân sự kế thừa dành cho thành phần xuất gia nam phái đầu tiên của Hội Thánh, là điều đáng mừng.

Hội Thánh kêu gọi toàn đạo hãy tham gia ủng hộ cơ sở đào tạo này.

Hội Thánh kêu gọi lớp con em nhà đạo nếu là nguyên căn, ham tu, có nguyện lực giải thoát hãy hiến thân tu học từ cơ sở này để đủ điều kiện, đủ danh nghĩa người của giáo hội lập thân hành đạo.

Đây là cơ duyên tốt đẹp cho lớp trẻ tâm đạo, là đạo sự hàng đầu của Hội Thánh, tất cả hãy vì tương lai giáo hội, vì sự nghiệp hoành khai chánh pháp của Thầy.

Hội Thánh mong nhà tu Trí Huệ ngày càng đông đúc, nhân sự kế thừa ngày càng tham gia tu học nhiều hơn.

Xin Thầy ban ơn cho Hội Thánh, ban ơn cho toàn đạo.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu VT


TM. HỘI THÁNH
HỘI THÁNH
PHÓ SƯ THƯỢNG HẬU THANH

PHỤ BẢN

**Một số chi tiết kèm theo Đạo văn số 24/HT-HC
ngày 26 tháng 02 năm Kỷ Hợi của Hội Thánh**

1. Điều kiện gia nhập Nhà tu:

Căn cứ điều 20 chương IV qui chế Nhà tu Trí Huệ do Hội Thánh ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-HT ngày 14 tháng 02 năm 2006. Điều kiện gia nhập Nhà tu như sau:

1. Có đơn tình nguyện được cha mẹ hay người giám hộ đồng ý, Đầu Họ Đạo xác nhận và giới thiệu;
2. Tuổi đời từ 15 đến 40;
3. Có tâm đức đạo hạnh, có nguyện lực giải thoát;
4. Trình độ học vấn cấp 2 hoặc tương đương trở lên;
5. Cam kết tuân giữ qui chế, luật lệ Nhà tu;
6. Giữ tròn tam qui, ngũ giới;
7. Đã trai kỳ mỗi tháng 10 ngày trở lên;
8. Không khuyết tật, bệnh tâm thần, bệnh truyền nhiễm, vi phạm luật đạo luật đời;



2. Hồ sơ gia nhập Nhà tu:

Gồm có:

1. Đơn xin gia nhập Nhà tu (theo mẫu đính kèm);
2. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu đính kèm);

3. Nơi nhận hồ sơ:

Ban điều hành Nhà tu Trí Huệ - số 138 Phan Bội Châu, tp Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

4. Thời gian nhận hồ sơ:

Từ nay cho đến ngày 15 tháng 10 năm Kỷ Hợi - sau đó sẽ tiếp tục nhận hằng năm.

5. Số điện thoại và email của Nhà tu:

1. **0905.870.081** - Giáo hữu Thượng Thuần Thanh - Trưởng Ban điều hành Nhà tu Trí Huệ.
2. **0905.343.581** - Lễ sanh Lê Hoàng Nguyên - Phó Ban điều hành Nhà tu Trí Huệ.
3. Email: nhatutrihue@gmail.com

Kính mong quý Hộ đạo, Cơ sở đạo phổ biến sâu rộng Đạo văn của Hội Thánh đến toàn đạo để Đạo sự này được kết quả tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn!

TM. BAN ĐIỀU HÀNH NHÀ TU TRÍ HUỆ
TRƯỞNG BAN



Giáo hữu Thượng Thuần Thanh

Nhà tu Trí Huệ kêu gọi xây dựng Phòng lưu trữ sử liệu Đại Đạo

Kính gửi quý Hội Thánh, Cơ quan, Thánh thất, Thánh tịnh cùng quý vị đạo huynh đạo tỷ.

Kính thưa chư quý vị! Nhà tu Trí Huệ thành lập là nơi tu học của các tín hữu nam để cung ứng nhân sự cho giáo hội, nên Nhà tu vừa có tính chất tu viện hướng vào tu chỉnh thân tâm, vừa có tính chất hạnh đường hướng vào nghiên cứu, đào tạo kiến thức, kỹ năng.

Để phục vụ cho việc nghiên cứu và đào tạo, Nhà tu Trí Huệ cần nguồn tài liệu phong phú, tuy nhiên, Nhà tu còn non trẻ, điều kiện còn nhiều khó khăn, kinh sách chưa có nhiều.

Trong định hướng phát triển, Nhà tu sẽ hình thành trung tâm học liệu, lưu trữ các tạp chí, kinh sách Cao Đài qua các thời kỳ, những hình ảnh, di bút của quý vị tiền bối hướng đạo, các giấy tờ, tư liệu thành lập Thánh thất, Thánh tịnh...

Vì vậy, Nhà tu Trí Huệ kính mong các cấp đạo, quý vị đạo huynh đạo tỷ chung lòng cầu nguyện, chung tay xây dựng, ủng hộ Nhà tu Trí Huệ những tài liệu như trên.

Nếu đó là những tài liệu quý hiếm, vật kỷ niệm của quý vị, xin cho phép Nhà tu Trí Huệ được sao chép và sẽ hoàn trả quý vị bản gốc.

Xin chân thành cảm ơn chư quý vị, và nguyện cầu Ông Trên soi dẫn cho cơ đạo ngày một tiến triển, quý vị đạo huynh đạo tỷ nhiều sức khỏe và an lạc.

TM. BAN ĐIỀU HÀNH NHÀ TU TRÍ HUỆ
TRƯỞNG BAN

Giáo hữu Thượng Thuần Thanh



Ai qua bến giác lão đưa cho

(Tặng người đưa đồ thăm lạng của dòng tu BẢO THỌ và nhà tu TRÍ HUỆ)

Đặng Đình Ký

Nước biếc non xanh một chiếc đồ

Ai qua bến giác lão đưa cho

Bao nhiêu hành lý xin chừa lại

Chỉ chở Hà Đồ với Lạc Thor

(Vạn Hạnh Thiền Sư)

Lúc còn ở nhà quê, gia đình tôi sống bằng nghề nông như đại đa số dân trong làng. Mẹ tôi còn có nghề buôn bán dầu để thêm thu nhập cho gia đình. Lúc đầu chỉ buôn bán dầu phụng. Dân quê trồng đậu phụng dùng sức người ép thành dầu, thời đó không có máy ép dầu. Có nhà được vài chục lít, có nhà bốn năm mươi lít. Mẹ và anh tôi với cây đòn gánh trên vai, đi chân không trên những con đường đất quanh co, gồ ghề, sỏi đá của các thôn xóm lân cận để mua dầu. Đường không bằng phẳng như bây giờ, mà thường là sỏi đá đi rất đau chân, qua những chiếc cầu tre ọp ẹp, xiêu vẹo; có khi không có cầu, phải xuống suối lội qua. Có những lúc vào tận nửa đêm, mẹ tôi phải gánh dầu từ các xã lân cận như Phù Mỹ, An Lương, Nhà Đá về nhà, xa khoảng bảy, tám cây số, không biết sợ ma là gì. Thời đó, tôi còn nhỏ nên không có đi gánh dầu.

Sau 1954, bắt đầu có xe đạp. Gia đình dành dụm mua được chiếc xe cũ. Trong làng cũng có nhiều người có xe đạp, nên gia đình dùng xe đạp để chở dầu, không còn gánh nữa. Bắt một cây ngang qua chiếc бага đằng sau, hai bên treo hai thùng dầu. Nhiều khi cần thì thuê người ta chở. Tôi đã lớn và đã biết đi xe đạp nên bắt đầu tham gia việc chở

dầu. Cũng sau năm 1954, có xe đồ chạy trên quốc lộ 1 qua các thị trấn Phù Cát, Nhà Đá, Phù Mỹ, chở dầu hỏa (còn gọi là dầu lửa) và xì dầu từ Quy Nhơn về các tiệm thị trấn nhỏ để bán lại. Dầu hỏa dùng để thắp đèn. Gia đình đệ có thêm dầu hỏa và xì dầu để bán.

Một buổi sáng, mặt trời vừa lên, tôi đạp chiếc xe đạp trên con đường đất nhỏ. Hai bên đường, sương mù còn đọng trên cỏ, hướng về thôn Kiên Trinh phía nam, rẽ phải, chạy vòng dưới chân một ngọn núi, đến đập Ông Tờ, qua đò, rồi xuyên qua một cánh đồng thì tới thôn Chánh Danh, thuộc xã Cát Tài. Hồi đó anh em gia đình bác Bảy, cũng ở trong đạo, có xe hơi chở khách từ Đề Di (nằm sát biển) đi Quy Nhơn, ngang qua Chánh Danh, Chợ Gồm, Phù Cát. Bác Bảy có mua dầu hỏa và xì dầu từ Quy Nhơn về bán. Hôm đó tôi qua chở dầu hỏa. Treo hai thùng dầu trên cây đòn gánh sau бага rồi đạp xe trở về, qua hết cánh đồng thì đến đập Ông Tờ. Đây là một dòng sông chạy giữa hai xã Cát Tài và Mỹ Tài thuộc hai huyện khác nhau: Phù Mỹ và Phù Cát. Người ta đắp đập để lấy nước vào ruộng nên sông lúc nào cũng sâu, phải đi đò. Chỉ có khi nào nắng lắm, nước cạn, mới lội qua được. Dắt xe qua một bãi cát rộng thì đến bến đò. Lấy hai thùng dầu xuống đưa lên đò và đưa xe đạp lên. Đò đan bằng nan tre, trét dầu rái để nước khỏi vô và lâu mục. Người lái đò (phần lớn là đàn ông) dùng cây sào chống đò qua bên kia. Đến bờ, xách 2 thùng dầu ra, treo lại trên hai bên бага, đẩy xe lên một cái dốc cao rồi đạp về tới nhà. Về sau này tôi có nghe kể là một đạo muội của dòng tu Bảo Thọ đã từng gánh nông phẩm như khoai từ, khoai mỡ, củ kiệu, xác mì đến bán ở các chợ vùng lân cận như chợ Trung Chánh, chợ Chánh Danh, đạo muội chắc cũng đã từng qua bến đò này. Nhờ ơn Thầy Mẹ và cũng nhờ duyên lành và ý chí, đạo muội đã nhập dòng tu Bảo Thọ và đang lặng lẽ, tinh tấn và dũng mãnh để: “Vui đường giải thoát nhẹ thang mây”.

Sở dĩ tôi kể câu chuyện này là vì sau này lớn lên đọc Thánh giáo, tôi có đọc bài thi của ngài Vạn Hạnh Thiền Sư:

*“Nước biếc non xanh một chiếc đò
Ai qua bến giác lão đưa cho
Bao nhiêu hành lý xin chừa lại
Chỉ chở Hà Đồ với Lạc Thor”.*



Lòng tôi ước mơ, một ước mơ gần như hoang tưởng, là giá mà hồi đó mình gặp ngài Vạn Hạnh Thiền Sư đưa đò thì hay biết mấy, giờ chắc đã nhẹ gót đường mây: “sớm chơi biển bắc chiều về non nam”, có đâu còn lặn hụp chốn bụi hồng, với nhiều mệt mỏi và trần trở của thân tâm.

Tôi rất thích 4 câu thánh giáo này, có thể nói là một loại “bí cấp” luyện đạo gối đầu giường. Nhưng nếu mà “Bao nhiêu hành lý xin chừa lại” thì gia đình không có gì để bán lấy gì sinh sống. Cho nên câu này chỉ đúng cho những người xuất gia tứ đại giai không, trong đó có huynh đệ tử muội của hai dòng tu Bảo Thọ và Trí Huệ, đã vứt bỏ tất cả, trên đường đi qua bên giác, chỉ mang theo Hà Đồ và Lạc Thư thôi. Hai danh từ này hơi cao xa và khó hiểu nhưng lại chứa đựng tinh hoa của đạo học đông phương nên người tu cần học, hiểu và hành. Chúng ta đừng sợ mấy danh từ đạo học có vẻ: “đạo to búa lớn” này mà ngày xưa chỉ có những bậc “thế ngoại cao nhân” tầm tiên ở núi non mới nói đến. Ngày nay, nhờ phương tiện truyền thông, nhờ sách vở và dịch thuật và nhờ Chư Tiên, Phật chỉ dạy qua cơ bút, nên những danh từ cao siêu khó hiểu này đã được giải thích mà những người bình dân đều hiểu được. Ở đây, tôi không muốn bàn sâu

về Hà Đồ và Lạc Thư vì không phải là chủ đích của bài này. Với lại tôi cũng chẳng hiểu gì nhiều. Nói một cách đơn giản và bình dân cho dễ hiểu thì Hà Đồ tượng trưng cho những gì thuộc về tiên thiên con người thọ lãnh từ trời trước khi sinh ra như là tánh và tiên thiên ngũ khí (Ngươn thần, ngươn khí, ngươn tinh, ngươn tánh và ngươn tình). Còn Lạc Thư tượng trưng cho những gì con người có được sau khi sinh ra và tiếp xúc với thế trần chẳng hạn như là hậu thiên ngũ hành (còn gọi là ngũ vật): trược tinh, thức thần, du hồn, qui phách và vọng ý. Ngũ vật này sinh ra ngũ tặc: buồn (ai), vui (lạc), mừng (hỷ), giận (nộ), muốn (dục). Dưới đây là lời giải thích về Hà Đồ và Lạc Thư theo sách: “Châu Dịch Xiển Chơn”:

HÀ ĐỒ: Hình tròn, âm dương hiệp nhưt làm một, năm hành chung một khí là đạo tự nhiên vô vi. Hình tròn tượng trưng cho trời, là một khí lưu hành, hoàn toàn là thiên lý, không tu, không chứng, đặt mình vào trong thái cực, cốt để tu tánh. Vô vi nghĩa là thuần dương chưa bị phá. Người thượng căn (thượng đức) tu theo đó. (Ghi chú: Kinh Bát Nhã lấy ý từ Hà Đồ: “*Vô vô minh diệt vô vô minh tận*”: Không có vô minh thì cần gì phải chấm dứt vô minh).

LAC THƠ: Hình vuông có năm hành khắc chế nhau, là đạo biến hóa hữu vi nghịch vận. Hình vuông tượng trưng cho đất, có hai nghi (âm dương) biến hóa. Trời người hiệp phát – cốt để tu mạng tức luyện mạng. Hữu vi nghĩa là tiên thiên đã giao với hậu thiên. Người bậc trung và hạ căn tu theo đây.

Tóm lại, nói cho đơn sơ, bình dân dễ hiểu thì đây là hai pháp tu:

1) Người thượng căn thuần tiên thiên, thì tu theo Hà Đồ, tức tu tánh.

2) Người trung căn và hạ căn, đã nhiễm hậu thiên (tức nhiễm thế gian) thì tu theo Lạc Thư, tức vừa luyện mạng vừa tu tánh (vì luyện mạng không thôi không có thành).

Đó là tinh yếu của đạo học đông phương đã được tóm tắt vào bốn câu thơ của Vạn Hạnh Thiền Sư.

Hà Đồ và Lạc Thư không phải chỉ có trong Kinh dịch của Trung Quốc mà Phật đạo và Thánh đạo cũng có Hà Đồ và Lạc Thư được

diễn tả dưới hình thức khác:

Về Thánh đạo, chuyện ông Adong và bà Eva, trong Kinh thánh Cựu Ước, lúc còn ở Vườn Địa Đàng (thuần túy tiên thiên) là Hà Đồ; sau khi rời Vườn địa đàng là Lạc Thơ (tiên thiên đã nhiễm hậu thiên). Lý do ông Adong và bà Eva rời Vườn Địa Đàng không phải là phạm vi của bài này, chỉ xin đề cập sơ rằng cái lý do đó có liên hệ đến ý niệm nhị nguyên (cái ý niệm phân biệt tốt/xấu, đúng/sai, hay/dở).

Ý niệm nhị nguyên này là một chướng ngại lớn, cũng là một bức tường thành chắn ngang trước mặt hành giả trên đường giải thoát và giác ngộ. Và từ khi ông Adong và bà Eva rời Vườn Địa Đàng, chúng sanh triền miên sống trong thế giới nhị nguyên. Mà chủ nhân ông đứng đằng sau ý niệm nhị nguyên là cái “NGÃ”, được nói nhiều trong các nền tôn giáo và đạo học. Đức Bác Nhã Thiền Sư (Minh Lý Thánh Hội) đã diễn tả câu chuyện Vườn Địa Đàng bằng 4 câu thánh giáo trong bài: “Đại Thừa Đốn Nhập Không Môn”:

*“Đất tâm thức mọc lên cây “NGÃ”
Kết trái bông cành lá ngổn ngang
Phạm ăn trái cấm Địa Đàng
Ông đổ cho nàng, nàng đổ Sa-Tăng”*

*(Đàn ngày 19/6 năm Mậu Ngọ -
Tâm Pháp Đại Thừa - Minh Lý Thánh Hội)*

Trong Phật đạo, câu chuyện bài thơ của hai ngài Huệ Năng và Thần Tú là biểu tượng cho Hà Đồ và Lạc Thơ.

Bài thơ của Thần Tú:

*“Thân thị bồ đề thọ
Tâm như minh cảnh đài
Thời thời thường phát thức
Vật sử nhạ trần ai”*

Dịch tiếng Việt là:

*“Thân là cội bồ đề
Tâm như đài gương sáng
Thường thường phải lau chùi
Đừng để cho bụi dính”.*

Bài thơ của Huệ Năng:

*“Bồ đề bốn vô thọ
Minh cảnh diệt phi đài
Bốn lai vô nhứt vật
Hà xứ nhạ trần ai”.*

Dịch tiếng Việt là:

*“Bồ đề vốn không cội
Gương sáng cũng không đài
Xưa nay không một vật
Bụi dính vào đâu đây”.*

Một ngài thì nói cần phải lau chùi thì gương mới sáng. Một ngài thì nói không cần lau chùi gì cả. Vậy thì ai đúng, ai sai? Hoặc cả hai đều đúng, hoặc cả hai đều sai? Câu trả lời là cả hai đều đúng. Thơ ngài Huệ Năng nói về bậc thượng căn, còn thuần tiên thiên (Hà Đồ), chưa nhiễm hậu thiên tức phiền não, khổ đau của thế trần nên không có gì phải tu sửa, lau chùi cả. Với lại trong Hà Đồ, âm dương hiệp nhứt làm một, phiền não và bồ đề là một cho nên có phiền não đâu mà loại bỏ. Thơ ngài Thần Tú nói về bậc trung căn và hạ căn (Lạc Thơ) đã nhiễm hậu thiên của thế gian (bụi ở đây tượng trưng cho phiền não và động loạn). Bài thơ nói lên ý niệm nhị nguyên giữa chủ thể là con người và khách thể là phiền não tức là bụi (do trần cảnh tạo ra) là 2 thực thể khác nhau nên cần phải tu sửa, lau chùi. Lấy một thí dụ cụ thể như có một món đồ đem gói lại cát vào trong tủ, để trong nhà (thuần túy tiên thiên) thì có bụi đâu mà lau. Nếu món đồ đó đem để ngoài sân nên bám đầy bụi bặm (nhiễm hậu thiên) thì cần phải lau chùi.

Tôi xin kể thêm một câu chuyện nữa có liên hệ đến dòng sông và ông lão lái đò. Số là vào thập niên 60s, tôi vào trọ học tại Quy Nhơn, một thành phố nhỏ nhỏ, xinh xắn, hiền hòa, nằm sát trên bờ Thái Bình Dương. Cuộc chiến trên quê hương đang lúc tàn khốc, cảnh tang tóc bao trùm đất nước như lời ca: “Tổ quốc vẫn khăn tang”. Ngày ngày đi bộ đến trường, mùa đông mưa phùn gió bắc ở quê mình, xe hơi, xe nhà binh chạy qua tạt nước bùn đen lên người, chợt nhớ đến lời ca: “lối nhỏ đường mưa trơn lối về” (Nhạc phẩm: Nỗi buồn gác trọ).

Chiều chiều lên ngôi trên sườn núi (gọi là núi Bà Hỏa) trông ra biển, nhìn những con tàu đang đậu để chờ vào bến xuống hàng. Cuối tuần, thỉnh thoảng ra ngôi bãi biển dưới bóng những cây dừa nghiêng sà xuống gần sát đất bên cạnh những ngôi nhà lợp và che bằng lá của xóm dân chài. Hồi đó tôi có thuê sách Kiếm hiệp và mua một vài sách khác về đọc. Có một quyển sách làm tôi nhớ đến giờ. Đó là quyển: “CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG”, dịch từ quyển: “SIDDHARTHA” của văn hào người Đức Hermann Hesse. Thời đó quyển sách này rất nổi tiếng và rất được những người mê sách hâm mộ. Sách kể chuyện một ông lão lái đò, nhờ nghe tiếng nước chảy của dòng sông mà đạt đạo (giác ngộ). Ông lão lái đò này không chừng là Vạn Hạnh Thiền Sư tái sanh. Người ta hỏi ông làm thế nào chỉ nghe tiếng nước chảy của dòng sông mà giác ngộ. Ông trả lời: *“Tôi không biết cách nói chuyện, không biết cách dạy người khác, nhưng tôi biết cách lắng nghe, tôi nghe một cách lặng yên, không khen mà cũng không chê”*. Ông lão lái đò quả là đã thâm hiểu về Kinh Bát Nhã: *“bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm”*. Nhờ quyển sách này mà Hermann Hesse được trao giải Nobel Văn chương vào năm 1946. Đây là một giải thưởng cao quý nhất về Văn chương hằng năm trên thế giới.

Tôi xin nói sơ về giải Nobel này. Alfred Nobel là một nhà bác học người Thụy Điển (một nước thuộc miền Bắc Âu Châu). Ông sinh năm 1833 và từ trần năm 1896. Ông là người phát minh ra chất nổ. Sau khi phát minh ra chất nổ, Alfred Nobel cảm thấy ray rứt vì ông biết chất nổ sau này sẽ làm hại con người. Ông cảm thấy hối hận và đã quyết định dùng hết tài sản của mình để trao giải thưởng hằng năm cho những người có công đóng góp vào hòa bình và cải thiện cuộc sống của nhân loại trên thế giới. Ông Nobel giàu có, nên số tiền khá lớn và hằng năm Chính phủ và Hàn lâm viện Thụy Điển dùng tiền đó đầu tư và bỏ tiền vào thị trường chứng khoán để sinh lời, nên tiền chẳng những không hết mà càng ngày càng tăng. Giải Nobel bắt đầu vào đầu thế kỷ 20s, khoảng năm 1901 hoặc 1902 gì đó. Hiện tại có các giải Nobel sau đây: Hòa Bình, Y khoa, Vật lý, Hóa học, Kinh tế và Văn chương.

Trên đây là những chiếc đò tục. Giờ tôi kể đến những chiếc đò tiên. Tác giả Nguyên Phong, từng viết và dịch nhiều các sách đạo học về Tây

Tạng, Ấn Độ và Trung Hoa, có viết một quyển sách rất hay với tựa đề: “ĐUÒNG MÂY TRÊN ĐẤT HOA”. Quyển sách này đã được đọc trên mạng. Truyện kể về cuộc đời của Hòa thượng Hư Vân, một cao tăng đắc đạo của Trung Quốc thời cận đại. Chuyện thì dài dòng lắm, tôi chỉ kể vắn tắt đoạn cuối của cuộc đời ngài. Năm 1949, Hòa thượng Hư Vân gặp nhiều khó khăn, thử thách và bệnh hoạn. Trong lúc hôn mê bất tỉnh, chơn thần (hồn) của ngài xuất ra, phưởng phất đến một đạo tràng rất trang nghiêm. Ngài Hư Vân không biết đây là đâu. Trong đạo tràng đó, giống như một giảng đường, người nào cũng tiên phong đạo cốt, khí độ thoát trần, an nhiên thanh tịnh. Ngài nhìn thấy có những hòa thượng ngày xưa cùng tu với ngài và từng trụ trì một số chùa tại Trung Quốc. Tất cả các ghế đều có người ngồi, chỉ còn một ghế trống. Cử tọa chỉ ngài ngồi vào ghế trống đó. Đây là trời Đâu Suất và hôm đó Phật Di Lạc giảng đề tài: “Duy thức định”. Nghe xong thời pháp, ngài Hư Vân bạch cùng đức Phật Di Lạc rằng: trong những năm tháng gần đây ngài chịu quá nhiều đau đớn về thể xác lẫn tinh thần đến độ không chịu nổi nữa, ngài xin đức Phật Di Lạc cho ngài ở lại và không muốn trở về lại thế gian nữa. Phật Di Lạc trả lời: *“Thuyền từ bơi trong biển khổ, sen mọc từ bùn lầy, có Phật đà ngồi trong đó, nguyện của con chưa hoàn thành, con hãy về lại thế gian”*. Hòa thượng Hư Vân trở về và dặn đệ tử ngài hãy kể câu chuyện này cho người khác nghe. Hòa Thượng Hư Vân mất năm 1959, hưởng thọ 119 tuổi. Cốt tủy của câu chuyện này là: *“thuyền từ bơi trong bể khổ”*, câu này rất đúng với chị em trong dòng tu Bảo Thọ, đã từng trải qua biết bao nhiêu cảnh khổ, khó khăn, thiếu thốn, thử thách. Xin tỉ muội đừng quên phần cuối câu nói của đức Phật Di Lạc: “Có Phật đà ngồi trong đó”.

Trong thánh giáo Ôn Trên dạy, cũng có nhiều bài nói về con đò pháp rước khách hồng trần. Tôi xin trích ra đây một đoạn nói về con đò pháp trong quyền “ĐẠO HỌC CHỈ NAM” của Minh Lý Thánh Hội: *“Pháp lại dính liền với con người, với hoàn cảnh xã hội. Pháp là con thuyền, là hàng vạn con thuyền nhỏ, to lớn bé, đưa con người qua bến giác. Nhưng bốn mục xin nhắc trước ở đây, những hữu hình vẫn phục vụ cho hữu hình, những giả cảnh chỉ khởi đầu và kết thúc trong giả cảnh. Chính vì thế, con thuyền pháp cũng chỉ đưa hành giả đến*

bến đạo cụ thể chứ không đủ điều kiện đưa hành giả đến bến đạo giải thoát. Cái bến đạo giải thoát vẫn là cái bến đạo đi sau bến đạo cụ thể, mà con người không thể dùng con thuyền pháp hiện thực. Chính thực phải dùng con đò pháp vô vi. Hãy tập bay đi, con chim sẽ bé bỏng kia, trước khi tung trời lướt gió, lướt dặm băng ngàn vui thú”.

Giờ ta nói về những chiếc đò, người lái đò thế tục mang ít nhiều tươi mát và lãng mạn của thơ phú nhân gian. Nhân đọc bài: “XUẤT GIA - XUẤT GIÁ” của đạo muội Trần Thị Thu Minh trong tập kỷ yếu 60 năm ngày thành lập dòng tu Bảo Thọ, trong đó đạo muội có trích câu thơ của Tố Hữu: “*Bâng khuâng đứng giữa hai dòng nước*”, tôi chợt nhớ đến những vần thơ diễn tả những chiếc thuyền lênh đênh trên hai dòng nước đó:

- Một là bốn câu thơ của nhà thơ Nguyễn Bính nói về xuất giá:

*“Bỏ thuyền bỏ lái bỏ dòng sông
Cố lái đò kia đi lấy chồng
Vắng bóng cô em từ dạo ấy
Đẽ buồn cho những khách sang sông”.*

- Hai là con đường của sư Thiền Tâm, nguyên là Viện trưởng Phật học Viện Huệ Nghiêm tại Sài Gòn, đã từ chức Viện trưởng vào thập niên 60s, một mình đơn thân độc mã lên núi rừng Đại Ninh, tỉnh Lâm Đồng, lập am tranh ẩn tu. Lúc nhỏ sư Thiền Tâm có chí nguyện xuất gia nhưng cha mẹ không đồng ý nên ngài trốn nhà đi. Khi qua bến đò Bình Xuân, hình như thuộc tỉnh Gò Công, ngài làm một bài thơ trong đó có bốn câu:

*“Đã chết đường đời trong nẻo đạo
Cùng bóng từ quang tỏa ánh ngời
Bác lái đò ơi qua cho kịp
Rước kẻ hồng trần bỏ cuộc chơi”.*

Đại Ninh, nằm gần Quốc lộ 20, giữa Di Linh và Đức Trọng, ngày nay được coi là đất Phật với rất nhiều chùa, thất, am, cốc, tịnh viện.

Giới nữ lưu bị thách thức giữa hai con đường:

*“Nữ giới hồi ai người trí giả
Phu nhân há sánh với bản ni”*

Và kết cuộc thì sao? - Đại đa số nữ lưu, tự ngàn xưa đến ngàn sau, đã chọn con đường làm “phu nhân”, con đường mà tôi gọi là “cuốn theo chiều gió” (Thiên hạ sao tui vậy) vì con đường “phu nhân” này có nhiều hoa gấm và quyền rũ hơn, con đường mà cuối tuần cùng phu quân đi tắm biển, ăn mực khô, hột vịt lộn, uống bia ở ven sông, ăn ở nhà hàng năm sao; những chuyến nghỉ hè nơi những thành phố hiện đại nhất, trong và ngoài nước ở khách sạn năm sáu sao có máy điều hòa không khí. Còn con đường “bần ni” thì sao? - xin thưa là rất ít khách vẫn lai vì nó quá khó, đòi hỏi “bần ni” phải một mình độc đạo xuyên sơn, khếp mình dưới mái đạo viện, nơi những làng quê heo lánh, rừng núi xa xôi, trước mặt mình là ngọn đèn thái cực và bên cạnh là những trang tôn kính. Muốn làm “bần ni” phải đi qua một nơi mà văn sĩ Andre Gide gọi là “KHUNG CỬA HẸP”, chẳng những hẹp mà là quá hẹp chỉ có những người có đại căn, đại hùng và đại nguyện mới đi qua lọt.

Ta lại tiếp tục chuyện một ông lão lái đồ khác có liên quan đến thể thao. Số là trong những năm gần đây, về già, về hưu và về sống ở Việt Nam nhiều hơn, nên tôi bắt đầu hội nhập vào những sinh hoạt của cuộc sống ở đây, cùng anh em bằng hữu bên tách trà, ly cà phê, nước dừa, nước mía, gặp lại những người mà dân gian thường gọi là “cổ nhân”, bàn chuyện thời sự, đạo sự, thơ văn và thể thao. Đề tài được nhiều người ưa chuộng trong vài năm gần đây là môn bóng đá. Từ ngày có được huấn luyện viên mới người Hàn Quốc, ông Park Hang Seo thì bóng đá Việt Nam có nhiều khởi sắc như là đoạt giải Á quân (Hạng 2) giải U23 (Cầu thủ 23 tuổi trở xuống) của châu Á hồi tháng 1 năm 2018 và giải vô địch Đông Nam Á vào cuối năm 2018. Nhìn xem hình ảnh khách mộ điệu khắp nước, cờ xí rợp trời, xuống đường ăn mừng sau những cuộc tranh tài, mình cũng cảm thấy vui lây. Thường thì sau những trận thắng, người hâm mộ chỉ để ý, ca ngợi cầu thủ và huấn luyện viên chứ ít ai để ý đến những người có công đứng đằng sau. Trường hợp bóng đá Việt Nam phải nói đến một người có công không nhỏ trong các thành tích thắng lợi hồi gần đây. Đó là ông bầu Đức, tên thật là Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai. Chính ông bầu Đức đã đích thân sang Hàn Quốc ba lần để mời huấn luyện viên trưởng Park Hang Seo và tự bỏ tiền túi mỗi tháng 800 triệu đồng để trả lương cho huấn luyện viên

và những chi tiêu liên hệ trong vòng 2 năm. Nhờ vậy mà bóng đá Việt Nam đã có những thắng lợi vượt bậc hồi gần đây trong các cuộc tranh tài quốc tế. Tôi còn nhớ có một lần coi trên mạng, sau khi Việt Nam đoạt giải vô địch Đông Nam Á người ta gọi ông bầu Đức là “người hùng thầm lặng”. Ông Đức đã khiêm nhường trả lời: *“Tôi chỉ là người đưa đồ thầm lặng”*. Chính người đưa đồ thầm lặng này đã mang về niềm hãnh diện và vinh quang cho bóng đá Việt Nam và niềm vui, niềm hy vọng và tự hào cho hàng triệu người hâm mộ trên khắp nẻo đường đất nước.

Nhân câu chuyện này, tôi lại nghĩ đến những người đưa đồ thầm lặng khác.

Vào thập niên 60's, tôi vào trọ học ở Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, tôi có nghe kể lại rằng tại thành phố Quy Nhơn có một bệnh viện cùi gọi là trại cùi Qui Hòa và có rất nhiều nữ tu công giáo (gọi là Masoeur hay Di Phước) người Pháp sang làm việc ở đây. Họ ở trong bệnh viện mà không hề sợ lây bệnh. Vào thập niên 80's, tôi có cơ duyên làm việc tại một bệnh viện cùi tại nước Bolivia miền Nam Mỹ 2 lần, mỗi lần vài ba tháng. Đây là một bệnh viện của một dòng nữ tu gốc người Mỹ, gọi là dòng St. Vincent. Nữ tu làm việc và ở trong khuôn viên của bệnh viện, cứ mỗi 3 năm về Mỹ thăm gia đình một lần. Những Di Phước đến đây làm việc lúc họ còn rất trẻ, có người đã làm việc ở đây trên 30 năm. Ngoài việc điều trị và săn sóc cho người cùi, các Soeurs còn khám bệnh, trị liệu cho dân chúng ở các xóm làng lân cận mà cuộc sống rất nghèo nàn, y tế thiếu thốn. Ở một nơi mà giá trị vật chất được tôn sùng, đầy dẫy cám dỗ của phù hoa như nước Mỹ, mà có những thiếu nữ trẻ tuổi dám từ bỏ, để khép mình sống lặng lẽ và làm việc trong một bệnh viện cùi miền núi rừng Nam Mỹ để xóa bớt khổ đau của nhân thế. Họ là những “NGƯỜI ĐƯA ĐỒ THẦM LẶNG”.

Giờ nói sang đến chuyện của Phật Đạo. Hồi thập niên 90's, tôi có dịp sang làng Hồng, miền Nam nước Pháp, để tu học với thầy Nhất Hạnh. Làng Hồng tọa lạc tại một miền quê xa xôi hẻo lánh thuộc miền Nam nước Pháp. Dân chúng bản xứ ở đây chuyên trồng nho để làm rượu. Muốn đến làng Hồng, phải đến thủ đô Paris của nước Pháp, rồi từ đó đi xe lửa về một miền quê xa xôi ở miền Nam, xuống tàu ở ga, liên lạc với làng để các sư hoặc các ni ra đón. Sư đón khách nam, các

ni đón khách nữ. Từ ga về làng cũng khá xa, mất khoảng 20 đến 25 phút xe hơi. Tín hữu đến làng Hồng để tu học, để nghe thầy Nhất Hạnh giảng kinh, thuyết pháp và thực tập ngồi thiền. Nhưng làng Hồng còn những dịch vụ khác cần lo cho tín hữu như ăn, ở, nghỉ ngơi. Những dịch vụ này thường là do những tu sĩ xuất gia thường trực ở đây đảm trách. Ngoại trừ một vài vị đại đệ tử cao tuổi của thầy Nhất Hạnh, tất cả tu sĩ đều phải tham gia công tác ẩm thực, chợ búa, cả tu sĩ Việt Nam lẫn ngoại quốc. Có những nhà sư người Pháp, tuổi độ 50 đến 60, đã từng tu học tại các thiền viện ở Tích Lan, Ấn Độ, Nepal, giờ về đây ở tu với thầy Nhất Hạnh. Họ cũng được chia nhóm để tham gia việc đi chợ, ẩm thực, dọn vệ sinh. Chợ ở đây chắc là rất xa vì chung quanh làng không thấy làng mạc nhà dân gì hết, chỉ toàn là nông trại. Vào các mùa tu, nhiều lúc đạo hữu từ khắp nơi về rất đông không đủ chỗ ngủ, quý thầy và quý sư cô phải cắm trại ngoài vườn cho đạo hữu ngủ. Cho nên quý tu sĩ của Làng Hồng đã đóng góp và tạo thuận duyên cho đạo chúng ở xa đến tu học. Họ là những “NGƯỜI ĐƯA ĐÒ THẦM LẶNG”.

Giờ chúng ta trở về với cây nhà lá vườn, gần với chúng ta nhất là dòng tu BẢO THỌ và nhà tu TRÍ HUỆ của Hội Thánh Truyền Giáo đã đi vào lịch sử như là những dòng tu xuất gia đầu tiên của nền tân pháp kỳ ba. Nhà tu Trí Huệ, vừa mới thành lập, còn non trẻ, tu sĩ đang trong thời kỳ tu học. Xin chúc mừng anh Giáo hữu Thuần và nhà tu Trí Huệ. Cầu chúc những tu sĩ trẻ tuổi, tài hoa sớm bước lên thuyền, làm “NGƯỜI ĐƯA ĐÒ THẦM LẶNG” cùng ngài Vạn Hạnh Thiền Sư, đưa khách thiện duyên qua bên kia bờ giác.

Riêng dòng tu Bảo Thọ, sau 60 năm, tử muội đã đồng mãnh, kiên cường trên con đường phước huệ song tu. Sáu mươi năm qua, hình ảnh chiếc áo trắng giản dị với cuộc sống đơn sơ, đạm bạc đã hiến thân lập công tại các Thánh thất, Thánh tịnh, Tu xá, Tịnh xá đã lưu lại những dấu ấn sâu đậm trong lòng đạo chúng. Bước chân của tử muội đã đi qua trên khắp nẻo đường đất nước, từ miền phù sa của đồng bằng Nam Bộ đến miền rừng núi của Trường Sơn, từ những cồn cát vàng miền duyên hải đến những cánh đồng lúa xanh tươi miền Trung, từ những con đường nhựa của phố thị với muôn ánh đèn màu đến những lối mòn đầy sinh lý của những thôn xóm xa xôi, tử muội của dòng tu, với gương

mặt hiền hòa, an lạc, đã cùng với nữ phái trong chương trình lưu động, đã đem lại cho các thánh sở địa phương một luồng gió mới với những bài giáo lý, những bài đạo ca, ngâm thánh giáo hòa quyện cùng những nụ cười rạng rỡ, những tâm tình được trao gửi và chia sẻ giữa người xuất gia và cư sĩ tại gia đã mang lại niềm vui, niềm hy vọng, tin yêu đạo pháp. Cho nên những “đạo cô” của Dòng tu đã nổi gót ngại Vạn Hạnh Thiền Sư làm “NGƯỜI ĐƯA ĐÒ THẦM LẶNG”.

Cuộc sống của nữ tu luôn gặp nhiều khó khăn, thử thách đòi hỏi hy sinh, chịu đựng. Tôi xin trích ra đây một đoạn nói về cuộc sống của nữ tu trong bài “KÝ ỨC NGÀY VỀ” của đạo muội Võ Thị Thống: *“Vì kinh tế tự lập nên mỗi chị đều phải tìm việc để có thêm thu nhập. Chị Liên từ thánh thất Trung Đắc vào chở theo nào cối xay bột, dụng cụ tráng mì quảng, bánh tráng, bành bèo..., nhưng tính đi tính lại cũng quá khó vì ở đây có nhiều người đã làm nghề này. Chị Thúy thì đi học đan thủ công mỹ nghệ, học được rồi nhưng ngồi làm đau lưng vẫn không ra tiền, đến làm hương, làm tương vẫn không đủ sống. Chị Thúy đành quay về lại Đà Lạt. Cô Hai và chị Liên trụ lại, được cô Sáu Quì ở Từ Vân xuống phụ làm tương. Bốn đạo gần xa mua ủng hộ và hằng ngày vô bịch đem xuống chợ nhờ chị Sự người sống ở cô nhi viện Ngọc Trác ngày xưa bán*



giùm, mỗi ngày được bao nhiêu tùy nghi tiền chợ để tương rau qua ngày. Chị Liên lo lắng sinh bệnh nên chưa được 2 năm chị trở về lại Mespu". Đọc đoạn văn trên tôi cảm thấy buồn ngủ chẳng biết nói gì, chỉ nhớ lại lời ca trong nhạc phẩm "Thói đời" (Trúc Phương): *"Đường thương đau đầy ải non gian, ai chưa qua chưa phải là người"*.

Nói đến dòng tu Bảo Thọ, ta phải nói đến công đức của một vị lái đò thầm lặng vĩ đại nhất của dòng tu, đức Bảo Thọ Thánh Nương. Ngài sinh năm 1912 tại làng An Tráng, Phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, tục danh là Trần Doãn Cơ. Vào lứa tuổi đôi mươi, ngài đã lén gia đình đem lễ hỏi trả lại cho nhà trai để đeo đuổi lý tưởng: "nuôi chí lớn, phát nguyện độc thân, dâng trọn đời mình phụng sự nhân sinh".

Nhân lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập dòng tu Bảo Thọ, để tưởng nhớ công đức của vị tiền bối và cũng để ôn lại trang sử của dòng tu thuở ban đầu, chị em nữ tu đã trình diễn hoạt cảnh về đức Bảo Thọ trong đêm hồi hương. Hoạt cảnh đưa ta về thăm lại một làng quê Việt Nam, làng An Tráng. Phải nói rằng đạo diễn đã có tài dàn dựng, chẳng biết lấy hình ảnh từ đâu, một ngôi nhà nghèo nàn mộc mạc, lợp lá, vách dùng bằng những thanh tre, quá nên thơ và quá đẹp. Xin có lời khen ngợi. Đức Bảo Thọ, lúc bấy giờ là một thiếu nữ trẻ tuổi Trần Doãn Cơ, phải làm công việc đồng áng như bao nhiêu dân làng để sinh sống. Hình ảnh người thiếu nữ tóc xõa bờ vai, cuốc đất trồng khoai, lấy nón quạt và đưa tay áo lên lau mồ hôi trên trán rất là cảm xúc và sống động mà người dân quê trong đó có rất nhiều đạo hữu, ngồi dưới khán đài, trong đó có tôi, đã từng nếm trải. Hoạt cảnh nhắc lại việc ngài Trần Doãn Cơ, đầu đội nón lá, vai mang đồ đạc được gói trong một chiếc khăn, đến nhà trai trả lễ hỏi. Hoạt cảnh còn diễn lại sinh hoạt của hội Bạch Liên, vốn là tiền thân của dòng tu Bảo Thọ, với những cuộc hội họp, do hai ngài Võ Phi Yến và Trần Doãn Cơ tổ chức để trao đổi học hỏi về giáo lý và văn hóa giúp nâng cao trình độ của nữ giới, giúp họ vươn tầm trên nấc thang xã hội như lời nhạc của đạo muội Nguyễn Thị Hòa: *"Nhận trao sứ mạng đạo trời, dắt đoàn nữ giới thoát đời khổ đau"*. Đạo muội đóng vai bà Điểm diễn xuất thật hay khiến cử tọa đồng vỗ tay. Giây phút thiêng liêng và độc đáo nhất có lẽ là giờ phút qui tiên của đức Bảo Thọ. Sau khi ngài nhắm mắt buông tay, nữ

tu mặc áo trắng cầm đèn đi quanh giường trong sự trang nghiêm, linh thiêng và lặng lẽ, thì nhạc khúc “vòng tay đã khép” cất lên: *“thế là lúc đường tiêu dao nhẹ bước, bờ nhân gian dấu cỏ động sương buồn”*. Tiếng nhạc trầm buồn, linh thiêng và dịu vợi, thấm sâu vào tâm hồn, để những cảm xúc trào dâng, lòng bùi ngùi thương tiếc tiễn biệt “người đưa đò thâm lặng” về cõi vĩnh hằng. Tiếp theo là nhạc phẩm “Nhớ ơn đức Bảo Thọ”: *“Nguyện cùng nhau noi gương người đi trước, cho nữ đoàn giải thoát được lưu danh”*.

Nhìn chung thì hoạt cảnh đã thành công xuất sắc (xin thưa đây là ý kiến cá nhân có phần chủ quan). Xin có lời chúc mừng và khen ngợi đạo diễn và các diễn viên mà tôi muốn được gọi là những “minh tinh màn bạc” Bảo Thọ. Với tôi, hình ảnh ngài Trần Doãn Cơ đưa tay áo lau mồ hôi trán và tiếng nhạc du dương, trầm buồn: *“thế là lúc đường tiêu dao nhẹ bước, bờ nhân gian dấu cỏ động sương buồn”* còn sống mãi trong tôi lâu lắm.

Sau ngày lễ, tôi được tin là cuộn Video quay đêm hồi hướng không ghi lại một hình ảnh nào hết. Sao lại lạ vậy. Tôi moi trí tưởng tượng của tôi để tìm câu trả lời: Có lẽ đức Bảo Thọ muốn nữ tu đi vào giác ngộ và giải thoát bằng những trang kinh vô tự nên ngài không muốn để lại một dấu vết gì hết dù là trên phim ảnh hay màn bạc.

Nhân đề cập đến kinh vô tự này tôi chợt nhớ đến bốn câu thơ của ngài Thanh Sĩ (Ghi chú: Ngài Thanh Sĩ là đệ tử của đức Huỳnh Giáo Chủ Phật giáo Hòa Hảo)

*“Kinh tự lật từ trang tới cuối
Rồi bỗng nhiên ngọn gió lướt qua
Quyển kinh lần lượt bay xa
Chỉ còn để lại đóa hoa sen vàng”*

Xin dâng tặng đóa sen vàng này lên đức Bảo Thọ và những nữ tu của dòng, dĩ nhiên trong đó có những “siêu sao” màn bạc đã trình bày hoạt cảnh về Đức Bảo Thọ.



GIẢI THÍCH NHƯ THẾ NÀO VỀ SỰ TÔN THỜ THƯỢNG ĐẾ CHÍ TÔN VÀ ĐIỀU TRÌ KIM MẪU

Huệ Minh

Trong đạo Cao Đài ngoài sự tôn thờ một đấng cao trọng tuyệt đối là Thượng Đế Chí Tôn, Giáo Chủ nền đạo, chúng ta còn có thêm sự kính ngưỡng long trọng khác đối với Đức Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn, tức là Mẹ Linh Hồn của chúng ta.

Do đó, mỗi năm cứ đến ngày mừng 9 tháng giêng thì toàn đạo đồng cử hành Thánh Lễ dâng lên Chí Tôn và đến ngày Rằm tháng 8 thì cử hành Thánh lễ dâng lên Mẹ Điều Trì, đó là hai ngày lễ lớn quan trọng nhất nhì trong đạo.

Với 2 ngày lễ lớn có một sắc thái tín ngưỡng đặc biệt như trên, mọi người chúng ta có bốn phận phải sưu tầm nghiên cứu chu đáo

để có thể phát huy chân lý và tránh được những lầm lẫn có thể có tai hại cho tư tưởng đạo lý.

Trước hết, chúng ta hãy nói qua một vài quan niệm sẵn có đối với các sự tôn thờ nói trên.

Là theo quan niệm thông thường thì cho rằng Đức Thượng Đế là Cha linh hồn, vì Thượng Đế là Thái Cực Thánh Hoàng, Đấng sinh ra muôn vật, chương quản kiền khôn, còn Đức Điều Trì Kim Mẫu là Mẹ, vì theo kinh Kim Bàn Ngọc Lộ thì từ thuở an bài vũ trụ, Đức Điều Trì Kim Mẫu đã cho xuống thế 96 ức nguyên nhân để tạo thành thế giới nhân loại. Như quan niệm này thì hai Đấng ấy chẳng khác gì song thân của mình tại thế gian. Người ta đã

tôn 2 Đấng này là Cha và Mẹ với một tinh thần kính ngưỡng thiêng liêng. Nhưng ở đó, người ta ý niệm như là một ông cha và một bà mẹ có sự phân ngôi định vị rõ ràng y như cách suy tưởng thông thường.

Một quan niệm thứ hai thì cho rằng, khi Trời đất chưa phân thì ngôi Vô Cực có trước, và ngôi Thái Cực sinh sau, nghĩa là có Vô Cực rồi mới có Thái Cực, có Thái Cực mới có âm dương hoá sinh Trời đất và muôn vật.

Vì vậy, quan niệm này cho rằng: Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Từ Tôn là Mẹ của tất cả, vì Vô Cực có trước vũ trụ. Do đó mới có sự phân biệt như thờ Đức Vô Cực ngôi trên và thờ Đức Thượng Đế ngôi dưới, lấy nghĩa là Vô Cực sanh Thái Cực, mà Thượng Đế là Đấng Thái Cực Thánh Hoàng.

Với hai quan niệm kể trên, thiết tưởng sự tín ngưỡng có vẻ mơ hồ bất nhất, làm sao sáng tỏ được chân lý?

Nay thử đặt câu hỏi:

Con người là phạm phu thì làm sao có thể phân ngôi định vị cho Đức Thượng Đế và Đức Diêu Trì Kim Mẫu là phẩm thiêng liêng cao trọng tuyệt đối.

Dựa vào yếu tố nào để phân

biệt một cách quả quyết rằng Thượng Đế là Cha và Diêu Trì là Mẹ.

Nếu không phân định được thì quyền năng chủ tể tại đâu, sự thống ngự Càn Khôn hóa sinh muôn vật do đâu và phẩm vị tôn thờ phải như thế nào?

Chúng ta hãy lần lượt tìm trong các luận cứ sau đây những chân lý khả dĩ thích đáng cho tín ngưỡng của chúng ta, hầu giải đáp những thắc mắc kể trên.

Trước hết, thấy cần phải nắm vững đầu mối tư duy về đạo sinh hoá và cái lý chủ tể của đạo ấy.

Sinh, nghĩa là khai sinh, tức là nói về nguyên lý khởi thủy. Hoá, nghĩa là trưởng thành, tức là nói về công đức hoá dục.

Tóm lại, là “sinh thành vũ trụ, hoá dục quần linh”.

Theo quan niệm Dịch Học thì Vô Cực nhi Thái Cực, nghĩa là ở thời kỳ hỗn mang chưa phân định Trời đất thì trong cõi Thiên Không này vốn là một trạng thái mờ mờ mịt mịt, bát ngát mênh mông chưa có dấu hiệu hoặc hình tích gì cả, nên gọi là Vô Cực.

Vô là không, Cực là tuyệt mức, một cái không tuyệt mức lặng lẽ thênh thang dày đặc bao quát. Từ



trạng Thái Vô Cực đó bỗng nhiên có sự biến động để tác thành trạng thái hiện hữu. Hiện hữu là hình tích của sự khởi thủy, cho nên gọi là Thái Cực. Thái là to lớn, cao tột đầu tiên, Cực là tuyệt mức. Một cái có đầu tiên, to lớn tuyệt mức gọi là Thái Cực. Thế rồi từ đó mà phân định các hình tích tương đối xung động và đi đến hình thành vũ trụ vạn vật.

Theo luận cứ trên đây, ta thấy rằng: Vô Cực không phải là Đấng Vô Cực. Từ ngữ Vô Cực là sự hình dung về trạng thái chưa hiện hữu. Nhưng nếu nói Vô Cực là hư không giống như trạng thái vô ký thì càng không đúng. Vì nếu quả như thế thì tất nhiên không thể có

trạng thái hiện hữu đầu tiên gọi là Thái Cực được.

Cũng thế, Thái Cực cũng không phải là Đấng Thái Cực. Bởi vì, cả trong Vô Cực và Thái Cực đều đã có một Tự Hữu chủ quan, cho nên, ta có thể miễn cưỡng mà nói là: Ngôi Vô Cực hay Ngôi Thái Cực. Vì tiếng Ngôi tạm thời diễn tả cho từng giai đoạn của mỗi trạng thái, còn về bản thể thì Vô Cực và Thái Cực là Một, đó là tánh thể Chơn Như.

Thật vậy, trong cái bản thể Vô Cực đã sẵn có cái Có. Do cái Có đó mà khởi thủy, mệnh danh là Thái Cực. Có Thái Cực mới có phân định và hóa sinh Kiền Khôn Vũ Trụ.

Vậy thì, Cái có bằng lặng bất động im lìm trong Vô Cực để rồi có trong khởi thủy của hiện hữu vốn là Một vậy.

Vậy thử hỏi cái CỐ đó là gì? Giống như trong thuật ngữ của nhà Phật hai trạng thái này là “Chơn không diệu hữu”.

Chơn không tức là hình tích tuy không, nhưng trong ấy có cái Có chơn thật, im lìm mật nhiệm nhưng hiển hóa vô cùng, nên gọi là diệu hữu. Nếu chưa đến lúc hiện hữu thì Tự Tánh im lìm lặng lẽ. Nhưng khi đã đến lúc hiện hữu thì hình hiện và biến hóa vô cùng. Cái Chơn không Diệu hữu đó tức là cái Có của Tự tánh giữa Vô Cực và Thái Cực. Cái Có đó tuy được diễn tả ở 2 trạng thái, nhưng vẫn đồng một thể. Thể này tức là Lý Tánh Chủ Tể, là năng lực khởi đầu của sinh hoá.

Đạo Cao Đài quan niệm về cái CỐ đó là Thủy Tổ Vô Đối, Chủ Tể toàn năng khởi đầu của sinh hoá, cho nên tôn vinh là Thượng Đế Chí Tôn, cai quản toàn diện vũ trụ vạn vật.

Vậy, khi chúng ta tưởng niệm về công đức khai sinh nguyên thủy thì tụng lên tiếng CHA. Còn khi tưởng niệm về công đức hàm tàng hoá dục thì tụng lên tiếng MẸ. Hai tiếng Cha và Mẹ chỉ là sự biểu lộ lòng ngưỡng vọng vô biên đối với công đức sinh thành hóa dục. Công đức đó là cái “Có uy linh duy nhất” trong bản thể Lý Tánh nói trên.

Vì hai tiếng Cha và Mẹ là 2 từ riêng biệt của thể gian, nhưng trong nguyên lý siêu việt vẫn là Một mà thôi.

Cho nên thể tánh chân như không có 2 Ngôi hay 2 Đấng, mặc dù trong danh xưng có hai tiếng, do ý niệm phân biệt bởi 2 cách suy diễn của tâm tư con người.

Tóm lại, trong danh xưng tuy phân biệt là Cha và Mẹ, Thái Cực và Vô Cực, nhưng trong ý nghĩa siêu việt của Chân lý thì cha và mẹ là một, hay Thái Cực và Vô Cực cũng là một. Một bản thể chân như Tự tánh, Chí Cực, Chí Tôn, Tự hữu và Hằng hữu.



HỌC NGHIỆM VỀ CÂU CHUYỆN “Đạo” ở nơi đâu của Khổng Thánh

TRƯƠNG DUY

Trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, môn sinh của Đấng Cao Đài luôn xưng tụng Đức Khổng Tử là: Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Khổng Tử Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn. Ngài là một trong ba Đấng Giáo Chủ có mỗi Đạo được Đức Chí Tôn lấy cựa giáo, góp phần làm nền tảng cho nền Tân Pháp Kỳ Ba. Xem ra, vị trí của Ngài là vô cùng quan trọng, xứng đáng là “bậc Thầy” trong lòng những người tin Đạo, học Đạo và sống Đạo.

Vậy, “Đạo” ở nơi đâu, “Đạo” là gì và như thế nào mà ta phải nhọc lòng đến thế?

Khó nhỉ!

Khó, vì Đức Lão Tử đã dạy “Đạo khả Đạo phi thường Đạo...”, Hơn nữa. trong Kinh Cúng Tứ Thời mà chúng ta hằng tụng có các cụm từ “Đạo pháp trường lưu”, “Đạo pháp bao la”. Đến thế thì huynh đệ mình đành chịu “bó tay” rồi phải không?



Xin thưa, hễ bó được thì mở được!

Trong vấn đề này, Đức Khổng Tử đã gợi mở cho chúng ta bằng câu chuyện “Đạo ở nơi đâu”, mà đệ xin được trích kể sau đây:

“Một hôm, buổi sáng Khổng Tử giảng giải cho đệ tử về truyền thống văn hóa lễ nghi, buổi chiều cho đệ tử tập luyện ở sân, diễn tập các nghi lễ cổ. Trời chập choạng tối lúc nào không biết, bỗng từ ngoài có tin báo có một người là Nho Bi muốn tới cầu kiến Khổng Tử. Khổng Tử bảo một đệ tử ra nói rằng mình bị ốm. Nhưng khi người truyền tin đưa Nho Bi đến cửa lớn thì Khổng Tử lại mang đàn ra gảy, lại còn hát đệm theo, có ý để Nho Bi nghe thấy.

Nho Bi nghe thấy, ngó người ra một lát nhưng sau đó lại mỉm cười, vờ như không có chuyện gì xảy ra rồi lui về.

Chẳng ngờ việc này đã làm cho các đệ tử cảm thấy mơ hồ. Tất cả đều nhìn Khổng Tử, bán tín bán nghi.

Khổng Tử thấy thế liền gợi ý cho họ: “Sự giao lưu giữa tư tưởng và tình cảm vì sao nhất định phải thông qua ngôn ngữ để biểu đạt? Trời xanh trên đầu chẳng phải suốt đời im lặng đó sao! Bốn mùa thay đổi, sự sinh tồn của vạn vật chẳng phải là một biểu hiện của đạo trời đó sao? Đâu có gì phải giấu giếm. Điều này há chẳng nói rõ ràng giới khoáng đạt vô tư của đạo trời hay sao?”.

Khổng Tử nói đến đây, thần sắc của một số đệ tử mới trở lại bình thường, nhưng một số khác vẫn nhúu mày nhăn trán không hiểu ra sao.

Khổng Tử nói tiếp: “Các trò cho rằng ta có điều gì giấu giếm đối với vị khách vừa đến thăm ư? Hay là cho rằng bình thường ta dạy dỗ các người không đủ, cũng có điều gì giấu giếm chăng? Thực tế, tư tưởng, lời nói và hành động của ta chẳng có điểm nào là không phơi bày ra trước mặt các người! Bình thường ta đều mang hết tâm huyết ra để dạy dỗ, đó chính là bộ mặt vốn có của ta! Ngoài điều đó ra, ta còn gì nữa đây?”

Vâng, về nội dung và phương pháp dạy của “bậc Thầy” thì chẳng còn gì nữa cả; Vì, nhờ giáo lý, học thuyết bất hủ của Ngài nên đã mang lại trật tự, nề nếp và sự thịnh vượng cho toàn xã hội lúc bấy giờ; Thuở ấy, tuy nền giáo dục còn sơ khai mà thủ pháp của Ngài đã có cả dạy lý thuyết lẫn thực hành, có cả giáo cụ trực quan, làm mẫu, tham quan, vấn

đáp, nêu gương, làm thí nghiệm... (như chuyện “Chiếc Y Khí” chẳng hạn), lại còn có cả phương pháp “thân giáo” mà cho đến ngày nay Đạo Cao Đài mới văn tự hóa phương pháp. Thế mới là tuyệt vời chứ! Tuy nhiên, vẫn còn một vài việc “...*làm cho một số (học trò) khác nhũm mày nhăn trán, không hiểu sao...*”. Sao vậy? Vì theo thông lệ thì mỗi khi có khách đến nhà, việc giao tiếp đầu tiên là phải trình trọng, thân ái, vui vẻ mời khách vào, mời ngồi, mời nước..., rồi sau đó mới đến việc hàn huyên, trò chuyện... Vậy mà đằng này, “*Khổng Tử mang đàn ra gảy, lại còn hát đệm theo...*”. Huynh đệ mình nghĩ sao? Hành động này nhằm nói lên điều gì? Có phải là Khổng Tử đã coi thường Nho Bi lắm không? Theo đệ thì không. Không, vì với người bình thường thì Đức Khổng Tử phải thực hiện đủ lễ nghi của đời thường; Còn Nho Bi là bậc thượng trí chỉ cần nhìn thoáng là biết ngay tâm thanh tịnh mà Đức Khổng đã ưu ái dành riêng cho mình rồi. Bằng chứng là “*Nho Bi nghe thấy, ngó người ra một lát, nhưng sau đó lại mỉm cười, vờ như không có chuyện gì xảy ra rồi lui về*”. Chúng ta để ý đến các động thái của Nho Bi: “*ngó người*”, “*mỉm cười*”, “*vờ như không có chuyện gì xảy ra*”, “*lui về*” đấy! Từ “*ngó người*” là để chỉ cho trạng thái thay đổi tâm lý khi đã hiểu ra vấn đề một cách đột ngột, mà trước đó cứ ngỡ rằng mình không tài nào biết được. Vậy là chuyển cầu kiến của Nho Bi đã đạt mục đích rồi! Từ việc nghe đàn hát, ông ấy đã hoàn toàn lãnh hội được điều cần biết nên đã tỏ vẻ thỏa mãn; Có thỏa mãn thì mới “*mỉm cười*” chứ! Còn việc “*vờ như không có chuyện gì xảy ra*” và “*lui về*” thì đã bộc lộ phong thái nho nhã, đĩnh đạc khéo léo và vô cùng tế nhị của Nho Bi. Ông làm như thế để cho Khổng Tử biết rằng sự giao lưu giữa tư tưởng và tình cảm của cả hai người đã diễn ra hoàn toàn tốt đẹp và hữu ích! Vâng, Nho Bi đã ngoan ngoãn “*lặng lẽ*”, “*quay trở về*”. Chẳng phải ông ấy đã biểu đạt sự am tường về lời dạy của Khổng Tử trong sách Luận Ngữ rồi đó sao? Lời dạy về “*lặng lẽ mà nhận thức*” là:

“Hãy lặng lẽ mà nhận thức nó, học mà không bao giờ chán, dạy người không biết mệt, lẽ nào không phải là việc của ta?”

Lời dạy về “*Hãy quay trở về*” là:

“Hỡi các bậc hiền nhân! Hãy quay trở về. Một bát cơm, một chén nước, sống trong ngôi nhà nhỏ chẳng phải lo nghĩ gì. Hỡi các hiền nhân! Hãy quay trở về”.

Huynh đệ mình đã thấy rõ rồi đó, chẳng phải riêng gì Đức Không Tử không thông qua ngôn ngữ để biểu đạt sự giao lưu giữa tư tưởng và tình cảm, mà Nho Bi cũng thế. Sự “*mỉm cười*”, “*lặng lẽ*”, “*quay trở về*” như một hiền nhân là minh chứng!

Thế còn việc “*Không Tử bảo một đệ tử ra nói mình bị ốm...*” thì sao? Ngài đang hướng dẫn các đệ tử luyện tập, diễn tập ở sân kia mà! Có bệnh gì đâu? Không phải Ngài đã từng bảo rằng tư tưởng, lời nói và hành động của mình chẳng có điểm nào là không phơi bày ra trước mặt học trò, không giấu giếm gì cả rồi đó sao? Hơn nữa, Ngũ thường là một trong những nội dung quan trọng của tư tưởng Nho giáo, vậy mà trong chuyện này Ngài đã bảo đệ tử ra nói dối với Nho Bi rằng mình bị ốm, há không sợ mất chữ “*tín*” hay sao? Chính Ngài đã từng nói rằng: “*Người ta không trọng chữ tín thì không thể biết mình như thế nào*”; Ngài không trọng chữ tín với Nho Bi thì làm sao biết được chính mình? Mà, thầy không biết được chính mình thì chẳng lẽ dám đệ tử kia có thể hiểu dùm cho thầy được chăng? Vậy thì “*một số đệ tử khác vẫn nhủu mày nhăn trán không hiểu sao*” là đúng rồi! Có lẽ họ không hiểu sao thầy của mình lại có cách sống mâu thuẫn với phần lý thuyết đã nêu trên!

Huynh đệ mình giải thích vấn đề này làm sao đây?

Mà khoan, chúng ta hãy thư giãn một tí đã!

Sau đây là câu chuyện có thể làm giảm bớt sự căng thẳng, đồng thời có tác dụng gợi mở cho việc mạn đàm với các câu hỏi ở trên. Chuyện này đệ đã đọc trong BỘ SÁCH KEEP CALM với tựa đề “*Cha và con trai*”:

“*Có một cậu bé lớn lên dưới sự nuôi dưỡng của một người cha. Cha cậu là một thương gia giỏi và thành đạt. Ông chừng năm mươi với mái tóc nâu đậm và đôi mắt rậm mày. Ông ăn mặc lịch sự nhưng lại hiếm khi mỉm cười. Ông nghiêm nghị, thiếu kiên nhẫn, dễ nổi nóng và nhiệt tình. Tất cả những đức tính này góp phần làm nên sự thành công của ông trong kinh doanh, nhưng cũng chính những tố chất đó lại khiến ông trở thành một người cha không mấy dễ chịu. Ông lái chiếc Mercedes đời mới nhất và diện những bộ vét lịch lãm nhất. Ông rất giàu có. Vì ông đi công tác liên tục nên rất ít có thời gian bên cạnh cậu bé. Đổi lại, cậu bé được bù đắp bằng những món quà đắt tiền và được*

học ở trường tư. Đó là cách mà người cha thể hiện tình yêu thương dành cho con trai. Cậu bé thường có bất cứ những gì cậu muốn.

Rồi cậu bước qua tuổi hai mươi hai, chuẩn bị tốt nghiệp đại học. Nhiều tháng trước, cậu đã nhắm một chiếc xe hơi thể thao màu đen tuyệt đẹp. Biết cha có thể kham nổi, cậu ngỏ ý với cha. Ngày nào cậu cũng ghé phòng trưng bày ngắm xe. Cậu lái thử, ngửi mùi da của ghế, tưởng tượng cảm giác lần đầu tiên được lái xe về nhà. Cậu chụp nhiều hình chiếc xe và dán lên tường.

Rồi ngày tốt nghiệp đến, chàng thanh niên chờ tín hiệu rằng cha cậu sẽ tậu chiếc xe cho cậu. Cậu tràn đầy háo hức như một đứa con nít. Cậu chẳng hề lo rằng mình sẽ không có chiếc xe như ý muốn. Cuối cùng, sau những ngày chờ đợi tưởng hết kiên nhẫn, vào sáng tốt nghiệp, người cha gọi cậu vào phòng làm việc của ông. Ông bảo cậu ngồi xuống chiếc ghế da nâu và nhìn sâu vào mắt con trai “Ba rất tự hào khi có một đứa con trai như con” và lần đầu tiên ông nói “Ba yêu con”. Cậu con trai thậm chí không nghe hết lời vì mãi nôn nóng chờ đợi món quà của cha. Cậu đã quen với việc nhận những món quà đắt tiền nên việc cha cậu thể hiện tình cảm với cậu dường như quá xa lạ. Cuối cùng, người cha đưa cho con trai một chiếc hộp được gói rất đẹp. Cậu con trai như nín thở khi mở hộp quà. Giấc mơ chiếc xe hơi như nhảy nhót trước mắt cậu. Mở hộp ra, cậu thấy một cuốn sách có tựa “Hãy thử nghiệm ước mơ”. Quá thất vọng đến mức bị sốc, cậu ném cuốn sách xuống sàn nhà. Tức giận, cậu nói như quát vào cha mình: “Với tất cả tiền của ba, ba tặng cho con cuốn sách này ư?”. Rồi cậu lao nhanh ra khỏi nhà, bỏ lại cuốn sách. Cậu lập tức rời nhà và đi theo con đường của cậu.

Nhiều năm trôi qua, chàng thanh niên ấy trở thành một doanh nhân thành đạt như cha cậu. Cậu cũng nghiêm khắc và thiếu kiên nhẫn với con cái như cha cậu đối với cậu. Cậu có một ngôi nhà xinh xắn ở miền quê.

Ngày nọ, cậu bỗng nhận ra rằng cha cậu đã già và có lẽ cũng nên về thăm cha. Cậu không gặp lại cha kể từ ngày tốt nghiệp. Họ không trao đổi với nhau lời nào từ dạo ấy. Thậm chí cha cậu còn chưa nhìn được mặt cháu. Dù người con trai quyết định phải gặp cha nhưng cậu cứ chần chừ. Nhiều lần cậu bước tới bên điện thoại, nhắc lên, ngồi xuống chiếc ghế sofa bằng da trong phòng khách, quay máy, nín thở

và run. Nhưng trước khi chuông reng, cậu lại tắt máy. Chuyện này cứ lặp lại nhiều tuần cho đến một ngày cậu nhận được bức điện tín báo rằng cha cậu đã mất, để lại toàn bộ gia tài cho cậu. Cậu cần phải về nhà để giải quyết mọi chuyện.

Khi đến trước cửa nhà cha, tự dưng một nỗi buồn và hồi tiếc xâm chiếm lấy cậu. Cậu bước vào phòng làm việc của cha, nơi lần cuối cùng hai cha con nói chuyện. Cậu bồi hồi nhớ lại những lời cuối cùng của cha, rồi bắt đầu lục tìm những thứ giấy tờ quan trọng. Bất ngờ, trong một ngăn kéo, cậu thấy cuốn sách ngày nọ vẫn còn mới tinh nằm đó. Cậu ngồi xuống chiếc ghế mà cậu đã ngồi trong nhiều năm trước đây, nhớ lại tình huống đã làm chia ly hai người. Nước mắt lăn dài trên má, cậu đọc tựa sách: *Hãy thử nghiệm ước mơ*. Rồi cậu mở cuốn sách ra, bắt đầu lật từng trang. Sau trang thứ ba, cậu thấy một lỗ hổng có chứa chiếc chìa khóa xe hơi. Chìa khóa đó có đỉnh tên đại lý, giống tên đại lý sở hữu chiếc xe thể thao màu đen mà cậu ước mơ ngày nào. Trên đó cũng ghi rõ ngày tháng cậu tốt nghiệp, cùng với dòng chữ:

“Với tất cả tình thương dành cho con trai yêu quý mà ba rất tự hào hôm nay”.

Vâng, có những tình thương được biểu đạt không cần phải thông qua ngôn ngữ như thế, và có những ước mơ cần được thử nghiệm bằng sự kiên nhẫn để những thành tựu mang lại sự tốt đẹp, sáng tươi, mở ra một chân trời xán lạn, như lời của Exupéry:

“Đừng bao giờ mất đi kiên nhẫn, đó là chìa khóa cuối cùng mở được cánh cửa”.

Rất tiếc, cậu bé trong chuyện này không được như thế, nên phải đón nhận món quà ước mơ của mình trong tình cảnh nước mắt đầm đìa, ngậm ngùi và hồi tiếc, vì trước đây cậu thiếu sự thử nghiệm nó bằng sức kiên nhẫn. Đóa hoa ước mơ ngày nào của cậu không còn tươi thắm, ngát hương vì những năm tháng nông nổi dài đằng đẳng!

Đó! Tác hại của việc thiếu kiên nhẫn để thử nghiệm ước mơ là thế đó!

Dĩ nhiên là Nho Bi đến cầu kiến Không Tử thì trong lòng phải mang theo một ước mơ nào đó; Như muốn biết “Đạo” ở nơi đâu chẳng hạn. Và, phải Chẳng Đức Không cố tình tạo cơ hội cho Nho Bi có đủ thời

gian kiên nhẫn để thử nghiệm ước mơ? Vì trong tình huống này, nếu Nho Bi không kiên nhẫn thì làm sao gặp được Khổng Tử mà cầu Kiến? Huynh đệ mình có thể khẳng định là: Đức Khổng Thánh không phạm giới cấm thứ năm của Phật giáo và Cao Đài, cũng là đạo thường thứ năm của Ngài. Vì sao? Thưa, vì hai vị đã “rành” tính nết và phong cách của nhau lắm rồi! (Như dẫn chứng ở trên). Nho Bi vẫn “...*đã đến cửa lớn*” và Khổng Tử vẫn “...*lại mang đàn ra gảy, lại còn hát đệm theo, có ý để Nho Bi nghe thấy*”. Đó là việc làm có chủ đích rõ ràng, nên chúng ta có thể nhận ra rằng: một Nho Bi nổi tiếng với kiến thức uyên thâm, một Khổng Tử có trí tuệ siêu việt, thì không đời nào lại có những việc làm ngớ ngẩn như thế! Phải không? Chẳng qua đó là thủ thuật tạo tình huống để “*giao lưu giữa tư tưởng và tình cảm*” mà không cần phải “*thông qua ngôn ngữ để biểu đạt*” đó thôi!

Trong cuộc sống chúng ta có những trường hợp giao lưu phi ngôn ngữ nhưng lại hiệu quả vô cùng như chuyện Bá Nha và Tử Kỳ, như lời của Païet: “*Điều gì xuất phát từ trái tim sẽ tới được trái tim*”, như câu chuyện mà đệ xin trích kể sau đây:

“*Khổng Tử mời nhạc sư Sư Tương dạy nhạc cho mình, học mười ngày mà chỉ luyện một khúc nhạc. Lỗ Sư Tương nói với Khổng Tử: “Ngài đã học được khúc nhạc này rồi, có thể học sang khúc nhạc mới”.*

Khổng Tử đáp: “Tuy khúc điệu của nhạc đã học được, những kỹ xảo chơi nhạc vẫn chưa học được”

Được ít ngày, Lỗ Sư Tương lại nói: Kỹ xảo đã học được rồi, có thể chuyển sang khúc nhạc mới”.

Khổng Tử đáp: “Tôi vẫn chưa thể nhận được ra tác giả khúc nhạc là ai và phong cách của tác giả!”.

Một lúc sau, Khổng Tử ngẩng đầu lên nói: “A, tôi nhận ra phong cách của tác giả! Ngoài Chu Văn Vương, ai có thể viết được thế này nữa!”.

Sư Tương vội vàng đứng dậy vái Khổng Tử mà rằng: “Đúng rồi, khi dạy tôi bản nhạc này, thầy giáo nói tên bản nhạc là “Văn Vương thao”.

Tiếp đó Khổng Tử nói lên cảm nhận của mình về âm nhạc: “Nhạc chính là một loại cảm xúc của con người, là tình cảm tự nhiên, không thể ép buộc hoặc xóa bỏ. Vì vậy một nhạc khúc chân chính là sự bộc lộ

nội tâm của tác giả. Vì là tình cảm nội tâm của con người nên âm nhạc có thể lay động được lòng người, cảm hóa con người và có tác dụng giáo dục tự nhiên. Một người quân tử chân thành có trình độ thì lời nói việc làm của bản thân người ấy giống một khúc nhạc có giai điệu hay, có thể thâm lắng ảnh hưởng đến người khác, cảm hóa được người khác! Chu Văn Vương chẳng phải là vị quân tử như vậy hay sao?”

Qua đây, chúng ta có thể nói Khổng Tử là tri âm của Chu Văn Vương! Mà, kiêu tri âm này thuộc mô-tuýp phi ngôn ngữ đấy! Cũng vậy, Nho Bi là tri âm của Khổng Tử; nên nụ cười của ông ta vô cùng mãn nguyện; Ở đó, nó còn ẩn chứa một triết lý sâu sắc. Triết lý gì vậy? Đó chính là điều Khổng Tử đã nói đến: *“Nếu một người làm cho thiên nhiên và sự chân thành hòa quyện vào nhau thì cuộc đời người ấy chính là một khúc nhạc tuyệt mỹ!”*.

Vâng, “Thuận thiên giả tồn”, “Trời xanh trên đầu chẳng phải suốt đời im lặng đó sao!”; Vậy thì sao chúng ta không để cho tâm mình luôn thanh tịnh để thường hằng được huyền đồng cùng Thượng Đế Chí Tôn?

Vâng, “Bốn mùa thay đổi”, thời tiết, khí hậu cứ im lìm, lặng lẽ đi qua, đi qua... Có ai đi giữa mùa Xuân mà hay cúi xuống nhặt lá vàng? Đâu phải Lưu Trọng Lư “...không nghe rừng thu Lá thu kêu xào xạc Con nai vàng ngơ ngác Đạp trên lá vàng khô...”? Và, chẳng có người nông dân nào lại không cảm nhận được hiện tượng chuyển biến của thiên nhiên:

*“Chuồn chuồn bay thấp thì mưa,
Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm”.*

Vâng, những sự việc, trạng thái và hiện tượng thiên nhiên cứ tuần tự diễn ra trong yên lặng, không một lời nào nhưng mang lại một trật tự nhiệm mầu. Điều này cũng được Juvenal cảm nhận:

“Thực sự chưa bao giờ thiên nhiên nói một lời nào. Và sự khôn ngoan cũng thế”.

Sự im lặng đầy sự sáng tạo, hài hòa từ không thành có này đã được Giuse Đắc Thịnh, C.Ss.R diễn đạt trong bài Chúa Cha sáng tạo thế giới với Lời và Thánh Thần:

“Kinh Thánh diễn tả, trong công cuộc tạo dựng, Thần Khí Thiên Chúa “bay là là trên mặt nước” (St 1,2)... Đây là một hình ảnh cho

thấy sự hiện diện của “Hơi Thở sự sống” của Thiên Chúa. Chính nhờ “Hơi Thở Thánh” này mà mọi sự có sinh khí và sống động; cái gọi là “đất còn trống rỗng” chưa có hình dạng, bóng tối bao trùm vực thẳm (St 1,1) thì nhờ “Hơi Thở Thánh” mà có sự sống, ánh sáng tỏa lan và muôn loài sinh sôi nảy nở.

Nói cách khác, chính nhờ “Lời được phán ra” trong “Thần Khí bay lượn” mà mọi sự từ không thành có, từ hư vô thành hiện hữu, trong một trật tự hài hòa hiệp nhất nhưng lại phong phú phát triển không ngừng. Đó là nguồn gốc của thế giới tạo thành như lời Thánh Vịnh tụng ca: “Một lời Chúa phán ra làm chín tầng trời, một hơi Chúa thổi tạo thành muôn tinh tú” (Tv33,6) và “lạy Đức Chúa, sinh khí của Ngài, Ngài gửi tôi, là chúng được dựng nên, và Ngài đổi mới mặt đất này” (Tv 104,30).

Hơn nữa, Thần Khí không ngừng bao trùm vũ trụ và hiện diện tác động trong vũ trụ như là sự sống và quyền năng của Thiên Chúa, nhưng trong việc tạo dựng con người, Thần Khí còn hoạt động, thấm nhập vào bên trong, biến xác thể bùn đất vô tri và bất động thành thân thể sinh động”.

(...)

Dấu chấm lửng trong ngoặc đơn vừa ghi trên, huynh đệ mình có thể ngầm hiểu với nhau rằng: Sự huyền nhiệm của Đạo Trời còn nhiều lắm, kể sao cho xiết! Có lẽ ở ngay ý này, chúng ta phải diễn đạt như vị Quảng Đức Chơn Tiên trong Đàn cơ 07-6 Đ Đ. 56 tại Tam Tông Miếu thì có tác dụng gợi mở hơn:

“Đạo Trời huyền nhiệm mênh mông,
Mất tai hạn hẹp ngắm trông sao cùng”.

Sự mênh mông đó cũng là vẻ bao la không giới hạn mà Ngài đã dạy trong Đàn cơ hôm ấy:

“Đạo không Nam Bắc Đông Tây,
Một bầu không khí tràn đầy bao la...”.

Vậy thì nơi đâu không có sự huyền nhiệm? Và sự huyền nhiệm đến từ nơi đâu? Huynh đệ mình tìm câu trả lời trong Kinh Thánh với lời dạy sau:

Nhờ Ngôi Lời, vạn vật được tạo thành, và không có Người, thì chẳng có gì được tạo thành”.

Ga 1:3

Và, tìm trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển thì thấy có nhiều lời dạy chẳng khác! Chẳng hạn:

“Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra, hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là Cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của Thầy không cùng tận”.

(NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ, Đàn năm Mậu Thân-1928)

Hoặc:

“Tất cả là Thầy, của Thầy, đâu đâu cũng do một Đạo. Đạo là Thầy hay Thầy là Đạo. Thầy với vạn vật vũ trụ là một. Ta với Thầy là một”.

(QUAN ÂM BỔ TẤT, Đàn 13-9 Đ Đ 30)

Trong Kinh sách thì cũng có nhiều câu như thế! Nhưng, có lẽ chỉ cần bấy nhiêu thôi cũng đủ để nói lên sự huyền nhiệm của Đạo Trời! Nói cách khác, sự huyền hiệm là chí linh; mà chí linh là Thầy. Thầy là Đạo, Đạo là Thầy. Vô vi là Đạo, Đạo là vô vi. Thầy trong tất cả, Đạo trong tất cả, Điều này chúng ta không phải bàn bạc nhiều, mà cần nghiệm sâu hơn lời dạy của Đức Cao Đài Tiên Ông trong Đàn cơ 15-7 Quý Hợi, ĐĐ 58, tại Huyền Quan Đàn:

*“Đừng mong những chuyện hữu hình
Vô vi là Đạo chí linh là Thầy”.*

Hoặc là:

“Các con phải nhiều công lao khó nhọc khuya sớm ngồi nhìn thấy Thầy ở trong mỗi con, đọc lấy bản Kinh vô tự mà chứng lấy quả Đạo chơn không”.

CAO ĐÀI TIÊN ÔNG

(Huyền Quan Đàn, 14-10 Nhâm Thân, Đ Đ 67)

Kinh vô tự thì làm sao dùng thị lực mà đọc? Không đọc được thì biết đường nào mà tu?

Đừng lo! Đọc lời dạy của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế sau đây thì có được câu trả lời ngay thôi mà!

“THẤY chỉ sơ cho các con tưởng chổ Đạo.

Đạo THẤY là vô vi thì dấu cho sự chi cũng dùng vô vi mà chuyển hóa. Cái tâm pháp bí truyền của Tam Giáo Thánh Nhơn xưa kia với cái tâm pháp bí truyền ngày hôm nay cũng một, nhưng cái nền tảng giáo

lý xưa kia rất cao siêu tuyệt diệu, để khẩu truyền tâm thọ cho những người thượng đạt, kẻ hiền nhân, chớ những hạng trung trí, hạ ngu có để gì truy tầm cơ nguyên của Đạo...”

(ĐTCG tr 133, 2011)

Như vậy huynh đệ mình đã hình thành được khái niệm từ tiểu thừa đến đại thừa rồi đây! Sau đây là lời dạy rất cô đọng của Đức Cao Đài Giáo Chủ, chúng ta có thể dựa vào đó để đúc kết những gì đã học nghiệm được trong câu chuyện “Đạo ở nơi đâu” của Đức Không Thánh:

“Người muốn làm Tiên Phật, hay là các vị Tiên Phật đã đại giác, đại ngộ, thành Đạo đều phải tu từ bậc tiểu thừa rồi mới đến đại thừa.

Tiểu thừa là Nhơn Đạo. Người tu theo bậc tiểu thừa phải chịu dần thân vào khuôn khổ tôn giáo. Tiểu thừa thì chỉ dạy về hữu hình. Con người giữ cho tròn theo giới luật đó tất cũng như mượn con đường hẹp ấy mà nương chơn đi lần đến con đường lớn rộng mênh mông là đại thừa vậy.

Người mới tu, đạo hạnh phải giữ cho hoàn toàn trước về Nhơn Đạo cho xong, rồi sau bèn học đến Thiên Đạo là tầm cơ siêu thoát ra khỏi thế giới vật chất mà đến cõi thế giới tinh thần.

Bậc đại thừa dạy về vô hình, nên cần tu tánh luyện mạng, muôn việc có như không có. Xưa kia KHÔNG THÁNH cũng đã rõ thông chí lý về đại thừa trong lúc HẠNG THÁC truyền trao, nên sau mới thành đến bậc Đại Thành Chí Thánh. Nhưng phần nhiều truyền dạy cho đời là chỉ về đường Nhơn Đạo, cứ lo rộng mở cho con người biết luân thường đạo lý. Còn về phần tâm pháp thì dạy cho có một phần rất ít trong đệ tử mà thôi. Cho nên đời sau tưởng lầm rằng KHÔNG THÁNH không hề tu luyện đến Thiên Đạo, chớ kỳ trung sao sao cũng phải rõ thông cơ Tạo Hóa, hòa hiệp máy âm dương mà luyện thành kim đơn thì mới thành Đạo đặng...”

(ĐTCG Tr 109, 2011)

Từ đó, huynh đệ mình mới thấy chỗ rốt ráo của hành giả là:

*“Đạo đâu? Đạo ở nơi tâm
Thì đâu có phải kiếm tầm nơi xa”.*

(CAO ĐÀI GIÁO CHỦ, ĐTCG Tr 22, 2011)



ĐẠO TRƯỞNG HUỆ LƯƠNG: *quang sáng thân giáo*

(Trích tham luận của GS Thượng Văn Thanh
tại Hội thảo tháng 10-Đinh Hợi-2007 về Đạo Trưởng Huệ Lương)



“**T**âm huyết hay chí hướng của Đạo trưởng đã được Thiêng liêng ghi nhận. Một số trong quý đạo huynh, đạo tỷ ở đây hẳn cũng cảm nhận trực tiếp khi gần gũi với Ngài. Tác giả tham luận này không trực tiếp cận sâu và nhiều để hiểu biết đầy đủ về tâm huyết của Đạo trưởng mà chỉ được biết một phần về nhân cách của Ngài như một nhà mô phạm và một bậc hướng đạo. Sự hiểu biết ấy tuy ít nhưng đủ để gây tạo

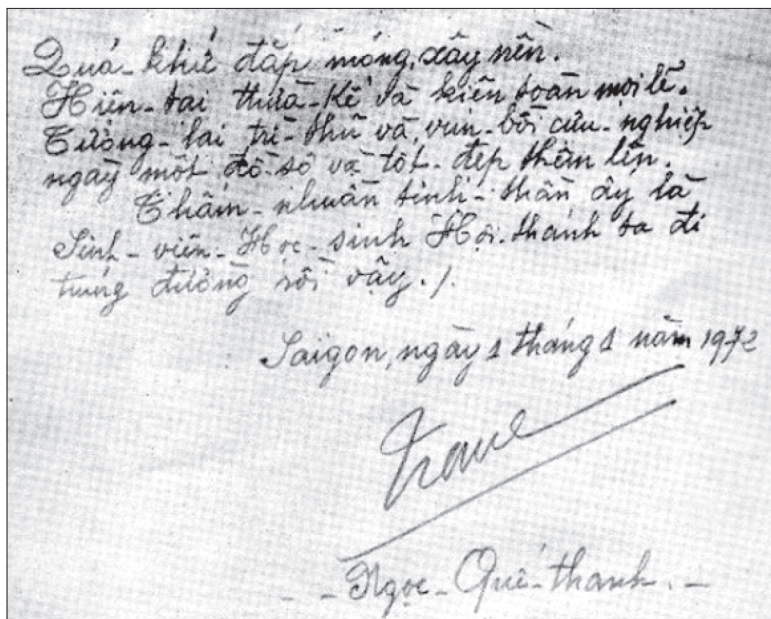
lòng tin cậy, kính trọng và giữ lại trong lòng mình như một ân phước mang tính nhắc nhở.

Giảng bài cho sinh viên, xuất hiện trong các lễ nghi long trọng hoặc trò chuyện với nhân sinh đồng đạo lúc nào ngài cũng tỏ ra nghiêm cẩn nhưng khoan hòa, dung dị. Chuông báo giờ vào giảng đường vừa reo xong thì liền thấy Giáo sư Trần Văn Quế trên bục giảng với bộ complet trắng, trở về nhà đạo thì bộ bạch y của Ngài có thể thay đổi khác nhau khi

dâng lễ, khi giảng đạo, khi tiếp khách nhưng từ con người cao lớn ấy luôn tỏa ra sự ôn tồn, điềm đạm, giọng nói đưa vào lòng người sự ấm áp, tin cậy.

Chắc hẳn quý Đạo trưởng và một số huynh tỷ cao niên ở đây nhận ra nơi Ngài nhiều đặc trưng quý báu. Phần tệ đệ vẫn giữ mãi hai dấu ấn tiêu biểu về Ngài: sự đúng giờ và tính điềm đạm. Ngài đến các lễ hội đúng giờ, Ngài tiếp các sinh viên đúng hẹn. Chẳng hề thấy Ngài nghiêm khắc hay nóng giận, thế mà mỗi lần tổ chức lễ gì, ban tổ chức phải chia nhau nhắc nhở mọi người phải đến đúng giờ vì lễ này có Cụ Chủ trưởng đến dự! Thời bấy giờ, bọn đạo thường quen gọi Đạo trưởng là cụ Chủ trưởng. Những lần nào sinh viên được cụ hẹn tiếp tại nhà thì vừa lên hết cầu thang đã thấy cụ chờ sẵn với khăn đóng, áo dài, có khi là áo dài đen, và một bộ khay trà.

Tệ đệ thấy cụ lột vỏ những củ



Quả khiếp đáp mông, xây nền.
 Bên tại thừa - Kì và khiến soạn mới lễ.
 Bên tại tư - Thủ và vùn - Bờ cầu - nghiệp
 ngày một đồ - số và - tốt. đẹp thêm lên.
 Bên - nhân - nhân - nhân - nhân - nhân - nhân
 Sinh - viên - Học - sinh - Học - sinh - Học - sinh
 tưởng tưởng rồi vậy. /

Saigon, ngày 1 tháng 1 năm 1972

Trần

Ngọc - Quý - thanh

Di bút của Đạo Trưởng Huệ Lương gửi sinh viên học sinh

khoai lang luộc để dùng điểm tâm. Tệ đệ thấy người con nuôi (hay cháu) hót tóc cho cụ mà vì anh ấy nhỏ tuổi hay vô ý đã đẩy chiếc tondeuse làm da đầu của Đạo trưởng dòn lại và nổi lên nhiều nếp. Đây là những hình ảnh của đạm bạc hay kham khổ của một nhà giáo, nhà tu ở đẳng vị lãnh đạo? Một thành viên của hội thảo hôm nay khi còn trẻ đã hỏi Đạo trưởng rằng: “Thưa Đạo trưởng, khi về Thầy, Đạo trưởng muốn làm việc gì?” Đạo trưởng đáp: “Đức Chí Tôn cho qua làm việc gì, qua làm việc đó”. Thực đơn giản mà đạo hạnh biết bao.



Đỗ Phú Quốc

HĐ Từ Vân - Phú Nhuận

Tín đồ của Hội Thánh Truyền Giáo ai cũng biết sứ mạng của Hội Thánh là Trung Hưng Chánh Pháp; và Phước Huệ song tu là một phần tất yếu trong sứ mạng ấy. Thế nhưng từ trước tới nay việc phát triển tu Huệ chưa rộng khắp các tín hữu trong Hội Thánh. Nay chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu các lời Thiêng Liêng đã chỉ dạy về bảo pháp luyện châu để giúp chúng ta vững chí tiến tu.

Đa số chúng sanh ai cũng đều muốn tu để cầu Phước có mấy ai cầu Huệ và ngay cả chúng ta ai cũng biết rằng mục đích cuối cùng của việc tu là “thiên đạo giải thoát” mà mấy ai trong chúng ta thực hiện tu huệ để cầu giải thoát luân hồi. Mỗi sáng ai cũng “*Cầu xin Thầy ban Phước cho con*”. (Kính mai)

Là tín đồ Cao Đài giáo chúng ta cùng suy ngẫm lại từ đâu chúng ta sanh ra trên cõi trần này khi chết đi chúng ta sẽ đi về đâu? Đọc lại Thánh ngôn thánh giáo Thiêng liêng dạy rằng: Mỗi con người trên quả địa cầu 68 này ai cũng có một chơn linh do Đức Thượng Đế ban tặng,

một chơn thân do Đức Mẹ Diêu Trì Kim Mẫu ban tặng và một nhục thể do Cha Mẹ thế gian tạo nên. Khi chết đi thì nhục thể sẽ bị hủy hoại nhưng chơn thân và chơn linh chúng sẽ đi về đâu?

Đàn cơ 15 tháng 11 năm Bính Dần:

Thầy dạy:

Các con đã sanh ra tại thế này, chịu khổ não tại thế này, rồi chết cũng tại thế này, Thầy hỏi: Các con chết rồi các con ra thế nào? Các con đi đâu?

Chẳng một đũa nào hiểu đặng cơ mầu nhiệm ấy. Thầy dạy: Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm; loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn năm, muôn muôn lần, mới đến địa vị nhơn phẩm. Nhơn phẩm nơi thế này lại còn chia ra phẩm giá mỗi hạng. Đứng bậc Đế Vương nơi trái địa cầu này, chưa đặng vào bậc chót của địa cầu 67. Trong địa cầu 67, nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp dường ấy. Cái quý trọng của mỗi địa cầu càng tăng thêm hoai, cho tới Đệ nhứt Cầu, Tam Thiên Thế Giới; qua khỏi Tam Thiên Thế Giới thì mới đến Tứ Đại Bộ Châu; qua Tứ Đại Bộ Châu mới vào đặng Tam Thập Lục Thiên; vào Tam Thập Lục Thiên rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa, mới đặng lên đến Bạch Ngọc Kinh, là nơi Đạo Phật gọi là Niết Bàn đó vậy.

Vậy Thầy lại dặn các con: Nếu kẻ không tu, làm đủ phận người, công bình chánh trực, khi hồn xuất ra khỏi xác thì cứ theo đẳng cấp gần trên mà luân hồi lại nữa, thì biết chừng nào đặng hội hiệp cùng Thầy; nên Thầy cho một quyền rộng rãi, cho cả nhơn loại Càn Khôn Thế Giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng; mà... hại thay!... mất Thầy chưa đặng hữu hạnh hoan lạc, thấy đặng kẻ ấy.

Vậy Thầy dặn: Đạo là nơi các con nên quý trọng đó vậy.

(TNHT-I.Bài 55 P.75bản in 1972)

Ngày 23-12-Bính Dần,

Thầy dạy:

Sự thác vô tình sẽ đến mà về cuộc sanh ly, pha màu tử biệt, làm cho sự vui vẻ giàu sang danh vọng, đều thành ra một giấc huỳnh lương, rồi đây vĩnh biệt ngàn năm, tội tình muôn kiếp. Đài Nghiệt Cảnh là nơi

rọi sáng các việc lỗi lầm, bước luân hồi sẽ dẫn vào nơi u khổ cùng sâu mà đọa đầy đời kiếp kiếp. Ấy là buổi chung qui của khách trần đò.

(TNHT-I.Bài 67,P.90 bản in 1972)

Qua lời Thánh giáo trên sau khi thoát xác linh hồn hoặc sẽ phải luân hồi đọa đầy kiếp kiếp hoặc biết ngộ một đời tu cũng có thể trở về hội hiệp cùng Thầy. Vậy tu làm sao để trở về hội hiệp cùng Thầy?

Buổi đầu mở Đạo Thầy đã mở con đường Trung đạo có hai nhánh là Tây Ninh công truyền và Chiêu Minh vô vi.

- Tín đồ thuộc Tòa thánh Tây Ninh sau khi xong phần phổ độ công nghiệp đủ đầy thì mới vào tịnh thất luyện đạo.(lo phần thế đạo xong mới lo phần Thiên đạo)

- Tín đồ phái Chiêu Minh thì sẽ thọ truyền pháp tu tâm pháp. Sau khi đắc Đạo mới lo cứu độ chúng sanh (những tín đồ tu theo Chiêu Minh đã có được nghiệp lành trong tiền kiếp).

Tịnh Đường Tý thời, ngày 01 - 01 năm Đinh Mùi 1967.

Thầy dạy:

Nên Thầy mở con đường Trung Đạo, để chủ thể hai mối cực đoan, đó là Chiêu Minh Vô Vi, Tây Ninh Công Truyền mà điều hòa cho Càn Khôn thế giới phục lại nguyên thủy thanh bình.

(TTTHGP-II.Bài.122 P.378 bản in năm Tân Mùi 1991)

Ở Hội Thánh chúng ta thì được Thầy ban cho một ân phước rất lớn là Phước Huệ song tu. Nghĩa là vừa tu Phước vừa tu Huệ. (chúng ta không phải lo phần công nghiệp xong rồi mới lo phần tâm pháp có khi không kịp chuyển đồ, và phần duyên nghiệp thì không phải ai cũng có duyên lành).

Trước khi Tứ linh đồng tử truyền đạo về Trung Thầy đã minh định cho con đường của Hội thánh chúng ta là qui nhứt hai nhánh công truyền và tâm pháp hay nói cách khác là phước huệ song tu:

Thánh tịnh Đại Thanh, ngày 24-07- Giáp Tuất. 1934

NGỌC chỉ ban ra dạ nghẹn ngừng.

HOÀN(G) cầu thế giới vẫn Trời chung.

THƯỢNG cờ qui nhứt minh Chơn Đạo.

ĐỂ mạng chừ ai gánh vác cùng.

(TTTH.I,Bài 1. P.01)

Tại Tịnh Đường, ngày 24 - 02 năm Quý Mẹo 1963,

Đức Lý Thái Bạch dạy:

Con đường Chánh Pháp của Thầy Kỳ Ba này có phần khác hơn các lần khác, nghĩa là lần này Thầy muốn tận cứu nên dung hòa cả tâm lẫn vật, nên chi người hướng đạo theo đường lối tu hành là cả hành đạo và tịnh luyện.

Hết giờ lập đức bồi công

Đến giờ nhập định tâm không tịnh bình

(TTTHGP-I Bài.33 P.190 bản in năm Tân Mùi 1991)

Tại Tịnh đường Dậu thời 23/8 Nhâm Dần. 1962,

Đức Vô Lượng Thọ Quang dạy:

Các trò nên biết rằng, kỳ đại xá lần ba này Thầy Trời đã dùng đủ Pháp môn phương tiện để độ đời, tùy theo căn cơ của mỗi người mà dẫn dắt, chỉ có kẻ nào chống trái hay bất tín, thì mới lọt ra ngoài sự cứu độ mà thôi. Hoặc có kẻ tu chứng rồi mới ra độ đời, cũng có kẻ lập công trước rồi sau mới nhờ duyên lành mà đắc đạo. Cũng có kẻ vừa tu kỷ vừa độ tha, nhưng dù phương tiện nào cũng cốt ở tâm thành ý nguyện.

(TTTHGP-I Bài 24P.134 bản in năm Tân Mùi 1991)

Theo lời Thánh giáo trên dạy chúng ta hai phần:

Công truyền tức lập công bồi đức. Để lập đức thì lấy bố thí làm phương tiện. Bố thí gồm thí tài, thí pháp và vô úy thí.

Tâm pháp tức công phu luyện đạo.

Chúng ta thử hỏi nếu chỉ lo phân lập công bồi đức thì có được thoát khỏi luân hồi và về với Thầy Mẹ không?

Trong TTTH Giáo pháp, Đức Lý Giáo Tông dạy:

Hiện nay con người của chư Hiền có hai con đường phải đi. Một là Công truyền, hai là con đường Trung Hưng Chánh Pháp, con đường theo tôn chỉ mục đích của Thầy là công tâm tương đắc.

Con đường Công Truyền nếu có gia công tu học cuối cùng cũng chỉ xử xong thế đạo. Nếu có công mà không tu luyện, thì còn ở trong vòng lục đạo, không tội mà chỉ được hưởng phước mà thôi. Theo con đường Trung Hưng Chánh Pháp tu hành chứng ngộ được đạo pháp vô vi của

Ngô Tôn Sư thì sẽ được về cùng Thầy một cách chắc chắn. Con đường ấy Thầy đã vạch từ lâu, sở dĩ người chưa làm được là vì duyên nghiệp còn nặng, công quả còn non.

(TTTHGP-I.Bài 71 .P470 bản in năm Tân Mùi 1991)

Nguyễn Tuệ Minh, nguyên tín đồ TT.Trung Thành về cơ, bày tỏ:

Xét kỹ lại kẻ tu hành thì nhiều, nhưng người thực hành theo Chánh giáo thì có được mấy, họ chỉ biết có việc ăn chay làm lành, lập công bồi đức, chứ mấy người rõ thấu con đường Chánh Pháp Kỳ Ba là gì?

Tệ Thân không hiểu tại làm sao có người tu hành đã nhiều năm mà không hiểu con đường tu của mình sẽ ra sao. Chánh Pháp của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do đâu mà có? Ta phải đi đến đâu mà được về cùng Thầy? Cứ lẩn quẩn loanh quanh trong việc quỳ hương cúng nước lập công, mà không thấy đó chỉ là bước tu hạ thừa mà thôi, dù công chất bằng núi mà không gặp được chơn truyền Chánh Pháp, thì bất quá là hưởng hồng phúc kiếp sau mà thôi, chớ làm sao qui hồi cựu vị được.

(TTTHGP-I.Bài.19P.105 bản in năm Tân Mùi 1991)

Đức Quan Thánh Đế Quân dạy trong TTTHGP:

Dù ta có làm nên sự nghiệp giúp đạo giúp đời to lớn mấy chẳng nữa mà không gặp được Chánh Pháp cũng là công dã tràng xe cát mà thôi. Khi ta biết được con đường Chánh Pháp rồi, dù cho thân danh sự nghiệp thế gian này bị mất đi, ta cũng vui sướng là đã đắc ngộ con đường về với Thầy, thì có chi đâu mà lo ngại, vì tất cả hữu tướng đều là giả dối.

(TTTHGP-I.Bài.19P.110 bản in năm Tân Mùi 1991)

Theo lời chỉ dạy ở trên nếu chỉ lo phần tạo phước thì chúng ta chỉ được hưởng phước về sau mà thôi chứ không thể thoát khỏi luân hồi mà trở về hội hiệp cùng Thầy Mẹ được (luật nhân quả nên tu Phước thì hưởng Phước).

Như vậy chỉ lo phần lập công bồi đức không thì không thể thoát khỏi luân hồi lục đạo được, không thể về hội hiệp cùng Thầy được.

Biết rõ điều này nên các đấng Thiêng liêng đã nhiều lần giảng cơ khuyên chúng ta phải lo phần công phu tịnh luyện. Nếu tự chúng ta không ra công tu luyện thì không một ai có thể giúp chúng ta thoát khỏi luân hồi và trở về cùng Thầy Mẹ được.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu dạy:

Bây giờ Mẹ muốn cứu độ cho các con. Không phải vì lòng thương mà bỗng ẵm các con lên cũi Tiên Phật được, mà chỉ dùng Pháp môn phương tiện, dẫn dắt cho các con thấy rõ con đường về cùng Mẹ, là phương pháp tu luyện. Phương pháp tu luyện ấy là một bộ chìa khóa để cho các con mở cửa Trời mà đi vào cũi Niết Bàn tịch diệt.

(TTTHGP-I.Bài.52.P.323 bản in năm Tân Mùi 1991)

Hàm Chương Trần Đạo:

*Này chư huynh tỷ ơi! Nền Chánh Pháp đã thị hiện rõ ràng lắm rồi, cái ân phước mà chúng ta đã được thọ lãnh, mọi người chưa có còn đang thềm thuồng khao khát. Rất lấy làm lạ nơi Họ Đạo chúng ta cũng còn lắm người từ chối, không chịu thọ nhận, thật vô duyên phước biết chừng nào, hèn chi Phật tổ nói” Phật pháp nan văn, Đạo tràng nan ngộ” là chí lý lắm vậy. Người đời thường nói: **Ở miệng giếng mà có khi chịu khát nước.***

(TTTHGP-I.Bài.44.P.273 bản in năm Tân Mùi 1991)

Đến đây chúng ta đã hiểu rõ được là muốn về được với Thầy Mẹ, được thoát khỏi luân hồi lục đạo chỉ có con đường duy nhất là phải công phu tịnh luyện. Nhưng tại sao chúng ta chưa gắng sức thực hành, ví như chúng ta biết chắc rằng qua sông phải sử dụng thuyền nhưng chúng ta hiện đã được Thầy cho ngồi trên thuyền rồi mà không chịu chèo thì làm sao qua được bờ giác đây? Chúng ta cho rằng phần thế đạo còn nặng nề nào gia đình vợ chồng, con cái, cha mẹ... rồi kinh tế, chuyện quan hệ xã hội v.v.. làm sao tu? Mà không tu thì làm sao lánh khỏi lục đạo. Không khó lắm như chúng ta nghĩ hãy sắp xếp thời gian thọ pháp tu châu theo tầng bậc thấp nhất là Pháp Hồi Hướng Linh Châu ngày hai thời vào giờ thuận tiện cho bản thân là sẽ được Thầy Mẹ đưa về cùng Ngài.

Hãy dành một phút nhìn lại bản thân mình có phải khi chúng ta muốn thì chúng ta tìm cách và khi không muốn thì tìm lý do.

Chúng ta hãy nghiệm lại lời **Đức Di Lặc Bồ Tát** đã dạy sau đây sẽ rõ điều này:

Muốn cùng Thần Thánh kết tri âm.

Chiều sớm linh châu mãi niệm thầm (hai buổi)

Mắt để vào trong điều khí tức.

Tai ngoài chẳng lóng hiện linh tâm.

(TTTHGP-I.Bài.76.P.502 bản in năm Tân Mùi 1991)

Tại Tịnh Đường Tý thời, ngày 13-3- Tân Hợi. 1971.

Thầy dạy:

Song còn ban cho các con nhiều pháp môn trực ngộ nhập Thánh siêu phàm, như hồi hướng Linh Châu là một pháp môn đệ nhất con đường tắt về Thầy, dầu hạng đại ngu hay người trí cũng đều tu được, pháp môn ấy các con cho thường, các con cầu pháp cao hơn không ngờ pháp đó là nguồn gốc dựng nên Trời Đất sinh linh. Rồi Trời đất sinh sinh cũng nương đó mà hiệp nhất cùng Thầy .

(TTTHGP-II.Bài.142.P.510 bản in năm Tân Mùi 1991)

Đức Hón Chung Ly dạy:

Ai có lòng tin đặt mình trong ơn Từ bi thì được độ. Song sự hồi hướng phải tối thiểu quy định một pháp môn, mọi người còn ở thế gian nương đây mà tiến bước. Một pháp môn gọi là hồi hướng Linh Châu đặt trong vòng Hà Đồ Bát Quái lấy 54 hạt để tượng thể thành số của âm dương. Lão sẽ hộ trì và đưa đường dẫn lối. Pháp môn này chỉ có một yếu khuyết còn nửa số 108 phiên nào để phá chương duyên, không cần dụng hô hấp mà cần định thần chuyển thân tâm theo vòng Đạo Pháp .

(TTTHGP-I.Bài.66.P.422 bản in năm Tân Mùi 1991)

Các lời dạy trên cho chúng ta biết rằng vì chúng ta sinh ra giữa thời hạ ngươn mặt kiếp, may duyên gặp Kỳ Ba tận độ nên chỉ cần tu pháp môn hồi hướng Linh châu ngày tối thiểu hai thời Thầy Mẹ sẽ cứu vớt thật là một ân phước to lớn vô cùng. Tại sao chúng ta còn chần chừ... Có người cho rằng nghiệp mình còn nặng quá làm sao tu chứng cho được.

Tịnh đường Tý thời 13-3 Giáp Thìn.1964.

Đức Hà Tiên Cô dạy:

Phải thấy rằng nghiệp lớn như tảng đá Thái Sơn mà có thuyền bè chở được, thì chuyển sang bờ giác khó gì. Tội dầu nhỏ như cây kim mà thả xuống nước nó cũng phải chìm, vì không được pháp môn che chở.

(TTTHGP-I.Bài.66.P.420 bản in năm Tân Mùi 1991)

Về lợi ích trong việc tu châu, về mặt đạo pháp,

Đức Lý Thiết Quả dạy:

Một giờ thanh tịnh bằng một kiếp làm phước làm nhơn. Thật vậy! Các Hiền cố gắng tin Lão chứng lời Phật “Cắt một trăm ngôi chùa Phật, chẳng bằng cứu một người sống, cứu người sống khắp mười phương thiên hạ, chẳng bằng một ngày ngồi tu tâm” (Kinh Ma ý)

Đời các Hiền một kiếp làm được mười cái chùa không? Chừng nào làm được trăm ngôi chùa, mà trăm ngôi chùa cũng chẳng bằng cứu một người sống? Các Hiền một đời cứu được bao nhiêu người sống? Chừng nào cứu sống người trong mười phương thiên hạ, chắc vô lượng vô biên kiếp, hoặc có thể A tăng tỷ kiếp chưa làm xong. Dem bao nhiêu kiếp đó lập công cứu đời bằng nhân bằng nghĩa, đổi lấy một thời công phu có khó không.

Dầu làm phước làm nhơn đến bao nhiêu kiếp, hay mài xác vét tủy cứu giúp chúng sanh cũng không quan hệ bằng một thời công phu. Vì công quả để trả đền nghiệp xưa đã tạo hưởng lấy phước báu về sau, chớ chưa hòa đồng với Trời Đất một tự tánh, một tinh thần, thì dầu công quả đến đâu cũng không khỏi tách rời.

Chớ ngôi công phu là thần khí được nối liền cùng Tạo Hóa, hỗn hiệp với quần Tiên, tự tánh thanh tịnh, duy nhất trong cơ màu nhiệm, thì nguồn sống được bắt mầm chỗi dậy, nghiệp thức lần lần nhượng chỗ cho bản thể hồi sinh. Vậy tu là lựa chọn tốt nhất.

(TTTHGP-I.Bài.66.P.426 bản in năm Tân Mùi 1991)

b.- Về y học:

Khi công phu khí thở điều hòa giúp lưu thông khí huyết. Trí não được nghỉ ngơi giúp tinh thần phấn chấn, trí óc minh mẫn....Nên có các lợi ích sau:

1. Tim mạch:

Thiền định mang tới sự bình tĩnh và khả năng ứng phó với stress tốt hơn. Rất nhiều công trình nghiên cứu đã chứng minh rằng: thiền định có thể giúp làm giảm cơn đau tim đến một nửa.

2. Huyết áp:

Huyết áp của bạn sẽ hạ xuống một cách tự nhiên chỉ đơn giản bằng

cách thiền định hàng ngày. Đây là điều đã được kiểm chứng và ghi nhận.

3. Giảm trầm cảm và tăng cường năng lượng:

Năng lượng, hệ miễn dịch và sức khỏe tổng quát của bạn sẽ được cải thiện và tăng cường bằng việc thiền định hàng ngày. Đó là lúc nó làm giảm sự hoạt động của hệ thần kinh giao cảm; từ đó hạ thấp nồng độ của các hóc môn gây trầm cảm và tình trạng mệt mỏi mãn tính.

4. Tăng cường trí thông minh:

Một nghiên cứu từ trường ĐH California, Los Angeles cho thấy: thiền định làm tăng lượng chất xám trong vỏ não vốn có mối liên hệ mật thiết với trí thông minh toàn diện.

5. Khả năng tự nhận thức và suy ngẫm:

Các công trình nghiên cứu tương tự tại Massachusetts và Đức cho thấy: sự thay đổi của não tương ứng với cảm giác có được từ sự cải thiện về cảm giác thanh bình và tự tại chỉ sau 8 tuần thiền định hàng ngày...

Kết luận:

Chúng ta biết đời là vô thường không biết ngày mai ra sao, do vậy không chần chờ gì nữa chúng ta hãy tìm phương mà thọ pháp tu châu để ngày ngày nuôi dưỡng phần tâm linh ngay trong thời kỳ tận độ này để hưởng được ân phước của Thầy Mẹ. Pháp tu đã bày sẵn, Thầy Mẹ cùng các đấng Thiêng Liêng đã căn dặn chỉ bày đừng để ngồi trên đồng thóc mà chịu chết đói, ngồi bên bờ suối mà chết khát thì vô phúc lắm thay.

Chúng ta có được thọ pháp tu Linh Châu không?

- Theo Tân Luật: Chương II. Điều thứ mười ba: Trong hàng hạ thừa, ai giữ trai kỳ từ mười ngày sắp lên được thọ truyền Bửu pháp, vào tịnh thất có người chỉ dẫn luyện Đạo.

- Theo Bảo pháp luyện châu của Tòa Pháp chánh Hội thánh Truyền Giáo Cao Đài ban hành năm 1998 cũng quy định như sau: Chiếu theo Tân luật chương II điều 13, tín đồ Nam Nữ giữ trai kỳ 10 ngày trong tháng, với thời gian tối thiểu 6 tháng (nghĩa là đã ăn chay 10 ngày được 6 tháng trở lên), được thọ truyền bảo pháp Hối hướng Linh Châu.

- Mong rằng quý Huynh Tỷ nào chưa thọ pháp thì ngay bây giờ sắp



xếp thời gian mà lo nuôi dưỡng chơn linh của mình bằng pháp tu Hồi hướng Linh Châu nhằm hưởng được ân phước của Thầy Mẹ trong kỳ ba đại xá này.

Xin mượn mấy vần thánh thi của Đức Di Lặc để kết thúc.

Long Hoa đã sắp đến đây rồi

Mọi việc thế tình bớt bớt thôi

Chọn lấy trong ngày giờ rảnh rồi

Linh căn bảo pháp luyện khi ngồi.

*(TTTHGP-I.Bài.76.P.502
bản in năm Tân Mùi 1991)*





Ý nghĩa về Nhật - Nguyệt Trong “NGỘ CHƠN THIÊN”

Hùng Vạn

(Minh Lý Thánh Hội)

Trong thiên “Ngộ Chân Trục Chỉ”, nói gọn là “Ngộ Chơn Thiên” (16 bài, quyển thượng) của Trương Bá Đoan, tổ sư phái Tử Dương của Nam Tông, có hai câu (bài 8):

*Đàm để nhật hồng âm quái diệt,
Sơn đầu nguyệt bạch dược miêu tân.*
(潭底日紅陰卦滅
山頭月白藥苗新)

Dịch:

*Đáy vực Nhật hồng âm quái diệt,
Đầu non Nguyệt bạch dược nảy mầm.*

Nghĩa:

*Nhật chiếu đáy hồ, âm tuyệt quái,
Nguyệt soi đầu núi, thuốc sanh mầm.*

Hai câu trên ở từng phương diện có nhiều ý nghĩa khác nhau, đặc biệt là về mặt Đạo học.

I/ NGHĨA TỰ NHIÊN

*** Nhật là ánh sáng, hồ là ao đầm.**

- *Nhật chiếu đáy hồ âm tuyệt quái*, nghĩa là ánh sáng mặt trời chiếu xuống ao đầm, tạo sự quang hợp làm thoát khí ở bề mặt, diệt mọi vi khuẩn có hại và hòa tan yếm khí ở đáy ao, đồng thời cung cấp dưỡng khí (Oxy) trong nước làm cho nước trở nên trong sạch.

*** Nguyệt là ánh trăng, đầu núi là đỉnh núi.**

- *Nguyệt soi đầu núi thuốc sanh mầm*, nghĩa là ánh sáng trăng soi xuống đỉnh núi làm tăng thêm sinh khí giúp cho cây cỏ, hoa lá hấp thụ, nảy mầm và phát triển. Cây cỏ hoa lá chính là các dược thảo trong thiên nhiên mà con người thường tìm ở các đỉnh núi cao để tinh chế thành thuốc chữa bệnh.

Ý rằng dương khí và âm khí là hai năng lượng siêu nhiên (khí hạo nhiên) trải khắp không gian, thấm nhuần khắp chốn để vạn vật trên mặt đất thụ bẩm nảy mầm và phát triển tốt tươi.

II/ NGHĨA ĐẠO HỌC

*** Nhật là Đạo, đáy hồ là Tâm.**

- *Nhật chiếu đáy hồ âm tuyệt quái*, nghĩa là khi tâm được chiếu rọi bởi Đạo pháp thì tam độc Tham - Sân - Si sẽ được khử trừ, không còn vọng động, mọi tình thức đều bị xua tan. Con người trở nên nhân từ, cảm thông, an lạc và buông bỏ mọi chấp ngã, tức là sở đắc tứ vô lượng tâm: Từ, Bi, Hỷ, Xả (phàm tâm diệt, Đạo tâm sinh).

*** Nguyệt là Đức, đầu núi là Trí.**

- *Nguyệt soi đầu núi thuốc sanh mầm*, nghĩa là khi con người được học tập đạo lý, biết trau dồi nhân cách, rèn tài luyện trí thì phẩm chất thanh cao, thần sắc tinh anh, trí tuệ minh mẫn. Bản thân hiển lộ đức hạnh trong sáng, cao quý nên mọi người hết mực tôn kính (Đức trọng quý thần kinh).

Ý rằng Đạo và Đức là nền tảng căn bản để hình thành nên con người toàn vẹn về Tâm và Trí để trở nên bậc Hiền triết, Thánh nhân hầu độ thế giúp đời.

III/ NGHĨA ĐẠO GIÁO

*** Nhật là nguyên thần, đáy hồ là thức thần.**

- *Nhật chiếu đáy hồ, âm tuyệt quái*, nghĩa là khi nguyên thần hiển lộ thì thức thần tự vong nên mọi kiến chấp, ngã chấp của bản năng không còn, tức là chơn tánh đã hồi phục.

*** Nguyệt là nguyên khí, đầu núi là vọng ý.**

- *Nguyệt soi đầu núi, thuốc sanh mầm*, nghĩa là khi nguyên khí đã hưng thịnh thì vọng ý tự suy thoái nên lục căn trở nên yên tĩnh, tức là chơn mạng đã phục nguyên.

Theo phép luyện đơn của Đạo giáo, đó là tu Tánh và luyện Mạng hay *Tánh Mạng song tu*, nghĩa là chuyển khí Hậu thiên về lại Tiên thiên.

IV/ NGHĨA DỊCH HỌC

*** Nhật là Kiền**, Kiền vi Thiên (sáng). Hồ là Đoài, Đoài vi Trạch (tối) và *Nhật chiếu đáy hồ* là thượng Thiên hạ Trạch, là quẻ Lý (Thiên Trạch Lý). Lý là Đạo, là lẽ thật.

- *Nhật chiếu đáy hồ, âm tuyệt quái*, nghĩa là khi lòng đã được soi sáng thì con người thấy được lẽ thật, trở nên minh định, thuần lương, hướng thiện, sống thuận theo tự nhiên và hợp lẽ Đạo.

*** Nguyệt là Khôn**, Khôn vi Địa (tĩnh). **Núi là Cấn**, Cấn vi Sơn (dừng) và *Nguyệt soi đầu núi* là thượng Địa hạ Sơn, là quẻ Khiêm (Địa Sơn Khiêm). Khiêm là Đức, là cân bằng chính mình.

- *Nguyệt soi đầu núi, thuốc sanh mầm*, nghĩa là khi lòng đã tĩnh định thì mọi thái quá hay bất cập không còn do sự cảm dỗ của dục vọng. Phẩm chất trở nên thanh cao, nhân hậu, hòa ái và an nhiên, tự tại trong hoan lạc.

Ý rằng: *Trời có Đạo (Lý) - Người có Đức (Khiêm)*, nếu Đạo Trời và Đức Người tương ưng, nghĩa là *Thiên - Nhân hiệp nhất* thì con người trở nên thuần lương, trụ vững trước mọi hoàn cảnh và không đánh mất chính mình.

V/ NGHĨA THEO ĐẠO ĐỨC KINH

*** Nhật - Nguyệt ở trên cao, tượng cho Thiên.**

*** Hồ - Núi ở dưới thấp, tượng cho Địa.**

Tất cả hồ ao đều ngưỡng lên trên và núi đều hướng thẳng lên không, ví như Đất luôn hướng về Trời, nên *Nhật chiếu đáy hồ - Nguyệt soi đầu núi* cũng là ý: *Địa pháp Thiên*, trong câu: *Nhơn pháp Địa - Địa pháp Thiên - Thiên pháp Đạo - Đạo pháp tự nhiên* trong Đạo Đức Kinh của Lão Tử.

Ý rằng: Trong vòng Trời - Đất, muôn vật, mọi sự ở thế gian đều phải tuân theo và vận hành đúng theo lẽ tự nhiên, nghĩa là phải có tính trật tự và ổn định thì mới trường cửu và hằng thường.

VI/ KẾT

Qua các ý nghĩa trên thì Nhật - Nguyệt biểu thị cho hai lực lượng: Trời - Đất; Dương - Âm, Sáng - Tối, Ngày - Đêm, ... trong tự nhiên; biểu trưng cho hai năng lượng: Thần - Khí, Tâm - Trí, Tánh - Mạng, ... trong mỗi người. Đó là khí hạo nhiên trong vũ trụ mà mỗi người thụ bẩm và chính khí tự thân cần phát huy để lợi lạc về tinh thần và thể nhập “Chân lý tuyệt đối” như mục đích và tôn chỉ của phép luyện đơn là: “*Trực chỉ chơn tâm*” mà Phật gọi là *Minh Tâm Kiến Tánh*, Đạo gọi là *Tánh mạng song tu*, Khổng gọi là *Cùng lý tận tánh*.



Tìm hiểu ý nghĩa **KINH NAM / NỮ TỬ THÀNH NHÂN**

Tùng Nguyễn

1. KINH VĂN:

KINH NAM TỬ THÀNH NHÂN

*Cõi trần từ có thân ra,
Xuân thu thấm thoát nay đã thành non.
Cuộc đời bao việc thua hơn,
Bắt đầu công nghiệp vào con thiệt hành.
Nghe lời dạy bảo đàn anh,
Tâm thân sửa trị tánh tình giò trau.
Mọi bề tính trước lo sau,
Quyền còn Thân, Phó chưa hầu xử phân.
Nay vào nghĩa vụ quốc dân,
Trong lo gia thất, ngoài phần nước non.
Hiếu, trung hai gánh lo tròn,
Mây râu chó phụ người con nước nhà.
Thiên luân trong đạo tề gia,
Tang bồng nợ cũ, sơn hà gánh chung.
Mong sao nên đáng anh hùng,
Lập thân hành đạo hầu mong độ đời.
Hư nên trên cũng có Trời,*

*An ư sở ngộ không dòi lòng son.
Vun bồi nhơn hậu gia môn,
Quế hòe tươi tốt tử tôn thảo hiền.
Chúc cầu thọ phước trường miên,
Nam sơn, Đông hải vẹn tuyền hòa hai.
Ngày xuân trông hỡi còn dài,
Tiền trình vạn lý chớ phai Đạo Thầy.*

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT
(Niệm 3 lần)
(3 lạy, mỗi lạy 4 gật, mỗi gật niệm danh hiệu Thầy)

KINH NỮ TỬ THÀNH NHÂN

*Thêm lan từ nức hương Trời,
Thành nhân nay đã đến thời cập kê.
Bấy lâu cửa kín phòng khuê,
Trau giòi ngôn, hạnh chăm bề công, dung.
Lễ nghi rõ nghĩa tam tòng,
Ba xuân tác cở quạt nồng ẩm chắn.
Giữ lòng trong suốt hồ băng,
Hoa xuân phong nhụy, vầng trăng bóng tròn.
Tiết trinh thắm một màu son,
Tơ hồng đợi mối đào non kịp thì.
Mai dầu định chữ vu qui,
Sông Ngô kết nghĩa, non Kỳ vầy duyên.
Trước sau mong đặng như nguyên,
Vợ hiền hào kiệt, mẹ hiền quốc dân.
Nói dòng đức phụng sinh lân,
Trong bèn thế phổ, ngoài phần nước non.
Chúc cho phước thọ vương tròn,
Nữ trung Nghiêu, Thuần tiếng còn bền dai.*

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT

(Niệm 3 lần)

(3 lạy, mỗi lạy 4 gật, mỗi gật niệm danh hiệu Thầy)

2. TÌM HIỂU Ý NGHĨA CÁC CÂU KINH NAM TỬ THÀNH NHÂN

Cõi trần từ có thân ra,

Xuân thu thấm thoát nay đã thành nhơn.

Cuộc đời bao việc thua hơn,

Bắt đầu công nghiệp vào con thiệt hành.

Nghe lời dạy bảo đàn anh,

Tâm thân sửa trị tánh tình giỏi trau.

Xuân thu thấm thoát chỉ thời gian trôi qua.

Thành nhơn là thành người khôn lớn, đến tuổi trưởng thành.

Nghiệp hiểu là nghề nghiệp hoặc sự nghiệp. *Công nghiệp* hiểu là sự nghiệp lâu dài.

Thiệt hành là thực hành.

Thua hơn ở đây nên hiểu là hai sự việc đối lập ở đời như: Thiện ác, phải trái, đúng sai, được mất, v.v.

Cuộc đời bao việc thua hơn, nghĩa là trong đời sống có nhiều việc thiện ác, phải trái, đúng sai mà con người phải dùng trí tuệ mới biết được.

Đoạn kinh trên hiểu: Con người từ lúc sinh ra trên cõi đời đến nay đã đến lúc trưởng thành, chính thức bắt đầu thực hành những công việc trong sự nghiệp của mình. Cuộc sống ngoài xã hội mọi việc đều có thiện ác, phải trái, đúng sai, vì vậy phải nghe lời dạy bảo đàn anh tâm thân sửa trị tánh tình giỏi trau để sống cho đúng.

Mọi bề tính trước lo sau,

Quyền còn Thân, Phó chưa hầu xử phân.

Nay vào nghĩa vụ quốc dân,

Trong lo gia thất, ngoài phần nước non.

Thân hay rõ hơn là *hai thân* chỉ cha mẹ. Ca dao có câu: *Anh em hòa thuận hai thân vui vầy.*

Phó là thầy dạy.⁽¹⁾

Hầu là hầu cho, đặng cho.

Nước non là đất nước.

Đoạn kinh trên hiểu: Lúc nhỏ trong gia đình mọi việc lo tính có cha mẹ và thầy dạy, mình chưa tự quyền quyết định việc gì. Nay đã vào nghĩa vụ quốc dân, trong phải lo cho gia đình ngoài lo cho đất nước hay xã hội.

Hiếu, trung hai gánh lo tròn,

Mày râu chó phụ người con nước nhà.

Thiên luân trong đạo tề gia,

Tang bồng nợ cũ, sơn hà gánh chung.

Hiếu, trung là hiếu thảo với cha mẹ, trung thành với đất nước.

Mày râu chỉ người đàn ông.

Phụ là bội bạc, vong ơn.

Thiên luân là đạo cang thường cũng gọi là nhơn luân.⁽²⁾

Tang bồng là cách nói tắt của *Tang hồ bồng thi*. *Tang* là dâu, *hồ* là cung, *tang hồ* là cung bằng gỗ cây dâu. *Bồng* là cỏ bồng, *thi* là cây tên bản, *hồ thi* là cây tên bằng cỏ bồng. *Tang hồ bồng thi*, nghĩa là cung làm bằng gỗ dâu, tên làm bằng cỏ bồng. Tục truyền, ngày xưa ở Trung Quốc, hễ sinh con trai thì dùng loại cung tên này bắn sáu phát; bắn bốn phát ra bốn hướng, một phát lên trời, còn một phát xuống đất.⁽³⁾ Ngụ ý của việc làm này là sau này trưởng thành, người con trai sẽ mang chí lớn *hai vai gánh vác sơn hà*, tung hoành dọc ngang giữa trời đất. Nguyễn Công Trứ từng nói lên ý này trong bài thơ *Chí làm trai*:

Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,

Nợ tang bồng vay trả, trả vay.

⁽¹⁾ Từ điển Hán Nôm Trần Văn Chánh

⁽²⁾ Huình Tịnh Paulus Của, Đại Nam quốc âm tự vị. Tuy nhiên chúng ta không nên đồng nhất thiên là nhơn.

⁽³⁾ Có sách chỉ nói bắn ra 4 phương Đông, Tây, Nam, Bắc.

*Chỉ làm trai Nam, Bắc, Đông, Tây,
Cho phí sức vầy vùng trong bốn bể.*

Tóm lại, đoạn kinh trên có nghĩa: Người con trai trưởng thành phải sống đúng đạo lý cương thường, trong phải lo cho gia đình, ngoài lo cho đất nước.

*Mong sao nên đáng anh hùng,
Lập thân hành đạo hầu mong độ đời.
Hư nên trên cũng có Trời,
An ư sở ngộ không đòi lòng son.*

An là yên tĩnh, yên lành, an toàn, hoàn cảnh thư thái, thích nghi, đời sống ổn định.

Ư là ở, tại, ở tại, vào lúc.

Sở là sợ hãi, đau đớn, khổ sở.

Ngộ trong trường hợp này hiểu bị sự gì nó làm lụy, hay việc gì nó làm hại mình.⁽⁴⁾ Cũng có thể là viết tắt của từ *ngộ biến* nghĩa là gặp việc xảy ra bất thường. Như gia đình Thúy Kiều đang bình yên thì gặp cảnh vu oan. Khi bán mình chuộc cha Kiều nói: *Sao cho cốt nhục vẹn tuyền, Trong khi ngộ biến tòng quyền biết sao*. Sau này khi đoàn tụ gia đình, Kim Trọng muốn nối lại duyên vợ chồng với Kiều, Kiều từ chối: *Thiếp từ ngộ biến đến giờ, Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa*.

Lòng son hay son sắt là lòng chung thủy trước sau như một của con người. Trong bài Kinh Mai có câu: *Chỉ thành một dạ sắt son, Thờ Thầy giữ Đạo phận con đó mà*.

An ư sở ngộ không đòi lòng son, nghĩa là: Khi ở vào lúc an lành tốt đẹp có đời sống ổn định, cũng như lúc khổ sở, thậm chí có lúc gặp cảnh sợ hãi, bất trắc tâm chí của con người không thay đổi.

Lời dạy của câu kinh này cũng như lời dạy của Ngài Mạnh Tử: *Người quân tử là người phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất*. Nghĩa là dù sống trong cảnh giàu sang phú quý mà tâm trí không mê loạn, nghèo hèn không làm tiết tháo thay đổi, bị người dùng vũ lực nhưng không khuất phục. Đó là người quân tử.

⁽⁴⁾ Từ điển Hán Việt Thiều Chửu.

Đoạn kinh có nghĩa: Ước mong nên người có ích cho đời, trong cuộc sống dù gặp hoàn cảnh nào đi nữa thì tâm chí vẫn không thay đổi, vì trên đã có Trời.

*Vun bồi nhơn hậu gia môn,
Quế hòe tươi tốt tử tôn thảo hiền.*

Tử là con, tôn là cháu. Tử tôn là con cháu những đời sau.

Quế hòe. Cây quế và cây hoè, hai loài cây quý thường được trồng ở nhà quan, chỉ nhà quyền quý.⁽⁵⁾ Ngoài ra *quế hòe* cũng chỉ con cái đông đảo và thành đạt. Trong truyện Kiều, khi nói về con cháu nối dõi cho Kim Trọng, Nguyễn Du viết: *Thừa gia chẳng hết nàng Vân, Một cây cù mọc một sân quế hòe.*

Hai câu kinh có nghĩa là: Lo xây dựng gia đình tốt đẹp.

*Chúc cầu thọ phước trường miên,
Nam sơn, Đông hải vẹn tuyền hòa hai.*

Trường miên là đảo ngữ của *miên trường* nghĩa là lâu dài.

Chúc cầu phước thọ trường miên là chúc cho các nam tử thành nhân được nhiều phúc đức và sống thọ.

Nam sơn, Đông hải vẹn tuyền hòa hai là bổ nghĩa cho câu trên. Ý của câu kinh này lấy từ câu đối về chúc phúc - thọ: *Phúc như đông hải, thọ tĩ nam sơn.* Phước đức nhiều như nước ở biển Đông, sống thọ như núi Nam.

Hai câu kinh là lời chúc tốt đẹp dành cho các em nam tử thành nhân.

*Ngày xuân trông hời còn dài,
Tiền trình vạn lý chớ phai Đạo Thầy.*

Ngày xuân trông hời còn dài, nói bóng tuổi trẻ hoặc tuổi đời của các em còn dài.

Tiền trình là bước đường phía trước.

Lý là một đơn vị đo độ dài cũng gọi là dặm, 1 dặm bằng 5029 m.

Hai câu cuối bài kinh là lời nhắn gửi tâm huyết nhất đến con em nhà đạo khi làm lễ Thành nhân. Đời sống của các em còn lâu, cuộc đời phía

⁽⁵⁾ Từ điển Hán Nôm, Nguyễn Quốc Hùng.

trước còn dài, dù chi đi nữa các em chớ quên Đạo Thầy. Phải nhớ mình là con Đạo dòng - *An ư sở ngộ không dời lòng son.*

3. TÌM HIỂU Ý NGHĨA CÁC CÂU KINH NỮ TỬ THÀNH NHÂN

*Thêm lan từ nước hương Trời,
Thành nhân nay đã đến thời cập kê.*

*Bấy lâu cửa kín phòng khuê,
Trau dồi ngôn, hạnh chăm bề công, dung.*

Thêm lan hoặc *thêm hoa* chỉ nơi ở của người con gái. Có thể từ này được lấy ý từ Truyện Kiều. Khi giấc mơ của Thúy Kiều về Đạm Tiên vừa dứt, Nguyễn Du viết: *Thêm hoa khách đã trở hải, Nàng còn cầm lại một hai tự tình.* *Thêm hoa* chỉ nơi ở của Thúy Kiều.

Thêm lan từ nước hương Trời, nói bóng người con gái từ lúc sinh ra. *Cập kê* từ dùng để chỉ người con gái đến tuổi lấy chồng.

Khuê là viết tắt của từ *khuê các* chỉ nơi ở của con gái nhà quyền quý.

Công, dung, ngôn, hạnh là bốn đức tính tốt đẹp của người phụ nữ, còn gọi là *tứ đức*. *Công*: Nghề nghiệp, bán trái, thuê thửa, vá may cùng những nghề thực tế. *Dung*: Dung mạo đoan trang cho ra tư cách con người chẳng phải chải chuốt hào nhoáng mới dung. *Ngôn*: Nói năng nghiêm chỉnh, giữ tánh dè lời. *Hạnh*: Nết na đằm thắm, đi, đứng, nằm, ngồi phải xem trước ngó sau.

Đoạn kinh trên có nghĩa: Người con gái từ lúc sinh ra đến nay đã lớn sắp lấy chồng, bấy lâu ở nhà lo trau dồi lời ăn tiếng nói, đức hạnh, học hỏi về công dung.

*Lễ nghi rõ nghĩa tam tùng,
Ba xuân tác cỏ quạt nồng ẩm chăn.*

Tam tùng là tùng phụ, tùng phu, tùng tử. *Tùng phụ* là lúc nhỏ ở với cha mẹ phải vâng lời cha mẹ. *Tùng phu* là lúc có chồng phải giữ khuôn phép nhà chồng, thờ kính cha mẹ chồng, chỉ thờ một chồng. *Tùng tử* là lỡ như chồng chết thì ở vậy mà nuôi dạy con cái.

Ba xuân chỉ cha mẹ.

Tác cở chỉ người con, ở đây muốn nói con gái.

Nghĩa của hai từ *ba xuân* và *tác cở* có thể dựa theo ca dao và truyện Kiều. Trong truyện Kiều, khi Kiều bán mình chuộc cha, Kiều tự ví mình là *tác cở*, cha là *ba xuân* qua hai câu thơ:

*Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,
Liều đem tác cở quyết đền ba xuân.*

Ba xuân tác cở quạt nồng ẩm chăn là lúc ở nhà chăm sóc cha mẹ thật chu đáo.

Nghĩa của hai câu kinh trên là: Lúc nhỏ ở nhà với cha mẹ phải học cho biết đạo tam tòng và chăm sóc cha mẹ thật chu đáo.

*Giữ lòng trong suốt hồ băng,
Hoa xuân phong nhụy, vầng trăng bóng tròn.
Tiết trinh thấm một màu son,
Tơ hồng đợi mối đào non kịp thì.*

Hồ băng là hồ đóng băng thành tuyết trắng.

Giữ lòng trong suốt hồ băng là giữ tấm lòng trong trắng, không nghĩ điều gì xấu. Để nói về tâm hồn trong sạch của con người, trong Việt văn hay dùng từ: *Tuyệt tinh thần*. Truyện Kiều dùng các câu như: *Tuyệt tinh thần*, *Thối nhà băng tuyết* để chỉ những con người trong gia đình Thúy Kiều có lối sống và tâm hồn tốt đẹp.⁽⁶⁾

Hoa xuân phong nhụy, vầng trăng bóng tròn là nói bóng về việc giữ tiết trinh trong đạo vợ chồng. Người con gái khi lấy chồng phải còn trong sạch như hoa phong nhụy, phải không có khuyết điểm như trăng rằm. Khi gia đình đoàn tụ, Kiều nói với Kim Trọng:

*Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
Hoa thơm phong nhụy trăng vòng tròn gương.*

Son là viết tắt của từ *son sắt* và có nghĩa là có lòng trung trinh bền vững. Từ này đồng nghĩa với từ *lòng son* ở trên. *Tiết trinh thấm một màu son* là nói bóng người con gái trước lúc có chồng phải giữ trinh tiết.

Tơ hồng là sợi chỉ đỏ, dùng để tượng trưng cho tình duyên do Trời

⁽⁶⁾ Mai cốt cách tuyết tinh thần, hay Thối nhà băng tuyết chất hằng phi phong.

định.

Đào non chỉ người con gái đến tuổi có chồng. Từ này lấy ý từ trong Kinh Thi.⁽⁷⁾

Kịp thì là kịp thời, đúng thời.

Tơ hồng đợi mối đào non kịp thì, người con gái đến tuổi có chồng và gặp duyên do Trời định thì có chồng cho kịp thời. Nghĩa của câu kinh này có lẽ lấy ý từ truyện Kiều. Trong truyện Kiều có câu: *Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì*, và chú giải như ý vừa nêu.

Đoạn kinh vẫn có nghĩa: Trước khi có chồng người con gái phải giữ trong sạch và khi gặp duyên do Trời định thì có chồng cho kịp thời.

Mai dầu định chữ vu qui,

Sông Ngô kết nghĩa, non Kỳ vầy duyên.

Trước sau mong đặng như nguyên,

Vợ hiền hào kiệt, mẹ hiền quốc dân.

Vu qui là người con gái đi lấy chồng.

Ngô là một nước thời Tam Quốc ở Trung Quốc. *Sông Ngô* nói bóng nơi xa xôi.

Kỳ là tên một ngọn núi ở tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. *Non Kỳ* nói bóng nơi xa xôi.

Hào kiệt là người có tài năng và chí khí hơn hẳn người bình thường.

Đoạn kinh trên có thể hiểu: Ngày sau dù phải có chồng ở nơi xa xôi, cách trở thì trước sau cũng giữ lời nguyện *tùng phu* giúp chồng xứng đáng là hào kiệt, sinh ra và nuôi dạy những người con thành anh hùng hào kiệt thì mình là vợ hiền hào kiệt, mẹ hiền quốc dân.

Nổi dòng đức phụng sinh lân,

Trong bên thế phổ, ngoài phân nước non.

Nổi dòng đức phụng sinh lân, nói bóng sinh ra những người con tài đức.

Thế là nổi đời.⁽⁸⁾

Phổ là viết tắt của từ *phổ hệ* chỉ mối ràng buộc giữa những người

⁽⁷⁾ Dựa theo Truyện Kiều chú giải, Lê Văn Hòe, Hà Nội, 1952.

⁽⁸⁾ Từ điển Hán Việt Thiệu Chửu.

cùng họ, theo các đời.

Thế phổ chỉ việc nối dõi dòng giống.

Hai câu kinh ý nói người phụ nữ trong gia đình lo nuôi dạy con cái nên người, ngoài lo cho xã hội.

Chúc cho phước thọ vương tròn,

Nữ trung Nghiêu, Thuần tiếng còn bền dai.

Vương tròn là cách người Việt nói về sự viên mãn, tốt đẹp. Như bà mẹ khi vừa sinh xong, hai mẹ con mạnh khỏe, mọi người thường nói: *Mẹ tròn, con vương*. Khi Đức Ngô tu với Đức Cao Đài được ba năm tại Phú Quốc, lúc sắp đổi về Sài Gòn, Đức Cao Đài khen việc *tu kỹ, Đạo phát, lắm công phu* của Ngài:

Ba năm lòng sáng như son

Trèo non xuống biển vương tròn công phu.⁽⁹⁾

Nữ trung Nghiêu, Thuần tiếng còn bền dai. Câu kinh này nhắc lại điển tích hai người con gái của vua Nghiêu là Nga Hoàng và Nữ Anh giúp chồng là vua Thuần cai trị đất nước thái bình, tiếng còn để lại đời sau.

Nga Hoàng và Nữ Anh được vua Nghiêu gả cho Diêu Trọng Hoa là người trên hiếu kính với cha mẹ, dưới hòa thuận với anh em. Về sau vua Nghiêu nhường ngôi cho Diêu Trọng Hoa làm vua, ông xưng là Đế Thuần. Hai bà giúp chồng xử lý triều chính lúc chồng đi tuần thú nơi xa. Tương truyền khi vua Thuần cai trị đất nước chỉ ngồi gảy khúc Nam Phong cũng gọi là khúc âu ca mà nhân dân an cư lạc nghiệp xã hội thanh bình, nhà không đóng cửa, ngoài đường không ai lượm của rơi.

Về sau vua Thuần nhường ngôi cho Hạ Vũ thì ông vẫn tiếp tục công việc đi tuần thú chỉ đạo dân cày cấy, trong những lúc này thì Nga Hoàng và Nữ Anh đều đi theo giúp đỡ chồng.

Trong lần vua Thuần tuần thú đến đất Thương Ngô bên bờ sông Tương thì ngã bệnh qua đời. Hai bà thương khóc chồng ngồi cạnh mộ bên bờ sông Tương khóc ròng rã suốt bảy ngày bảy đêm. Chỗ

⁽⁹⁾ *Lịch sử Quan Phủ Ngô Văn Chiêu, in lần thứ 5, 1962.*

nước mắt của hai bà rơi xuống mọc ra bụi trúc nên người đời gọi đó là Tương phi trúc. Sau khi khóc than thì hai bà trẫm mình xuống sông Tương để tuần tiết theo chồng.⁽¹⁰⁾

Hai câu kinh *Chúc cho phước thọ vương tròn, Nữ trung Nghiêu, Thuấn tiếng còn bền dai*, chúc cho nữ tử thành nhân nhiều phúc đức, sống thọ làm được nhiều công việc tốt để tiếng thơm về sau.

Theo Kinh Tân Độ, trai đến 18 tuổi, gái 16 tuổi là tuổi đã hội đủ điều kiện Thành nhân. Đến tuổi này đã trở thành một công dân của đất nước, một tín đồ của Đại Đạo, phải đảm đương trách nhiệm gia đình và xã hội. Kinh Nam Tử Thành Nhân có câu: *Nay vào nghĩa vụ quốc dân, Trong lo gia thất, ngoài phần nước non*.

Vậy, ngày Thành nhân là một ngày rất quan trọng của đời người, vì sẽ đặt mình vào phận sự nói trên dù nam hay nữ.

Trai gái đúng tuổi qui định, cha mẹ trình Đầu Hộ Đạo định ngày đem con đến Thánh thất làm lễ Thành nhân và ghi tên vào hàng tín đồ chính thức.⁽¹¹⁾

⁽¹⁰⁾ Wikipedia.

⁽¹¹⁾ Hiện nay một số Thánh thất làm lễ Thành nhân cho các em khi đủ 18 tuổi, dù nam hay nữ.



Mời đèn tiếp lửa

Cao Hoài Nhân



Tháng Sáu năm nay anh em hạnh sinh dưới mái nhà chung Hưng Đức sẽ có cuộc hội ngộ chung sau gần 30 năm kể từ ngày khóa Hạnh đường đầu tiên, khóa thể nghiệm ra đời. Chắc có lẽ khá nhiều người trong chúng ta đang có cái cảm xúc của sự đợi chờ, nôn nao, lo lắng... mặc dù ai cũng muốn đạt đến chỗ thanh tịnh như lời nghi thức thường hành năm ấy *“An nhiên trước mọi biến thiên trong cuộc sống”*. Theo thư mời của Ban tổ chức, thông điệp và chủ đề truyền tải trong dịp hội ngộ này là *“Mời đèn tiếp lửa”*. Thông điệp quả thực đã để lại nhiều suy tư. Có thể mỗi người sẽ có những suy nghĩ khác nhau về chủ đề này, nhưng có lẽ sẽ cùng hiểu chung là dùng hình ảnh ẩn dụ của đèn, lửa để nói

đến đức tin và tinh thần phụng sự. Chúng ta cùng hội ngộ để động viên nhau, hun đúc nhau về tinh thần, tình cảm và cả sách tấn để có thêm động lực trong tu học bản thân và cao hơn là nguyện lực dẫn thân phụng sự. Đọc lại thư mời của Ban Tổ Chức thì thấy mục đích đúng là như vậy. Cùng trong chuỗi cảm xúc nôn nao, lo lắng như đã trình bày lúc đầu trước thêm sự kiện, bài viết xin phép được trình bày những suy nghĩ cá nhân về bốn chữ *Mời đèn tiếp lửa*.

MỜI

Bỏ qua những ngữ nghĩa khác, MỜI ở đây xin được hiểu theo chính nghĩa *“đốt tiếp bằng cách cho chạm sát vào vật đang cháy”* (Tự điển Tiếng Việt – Trung Tâm Tự Điển Học Vietlex). Vật đang

cháy là vật đã có và cháy sẵn. Vậy ai là người mồi? Mồi như thế nào cho hiệu quả, bởi chạm vào một vật đang cháy mà không khéo thì không những không làm nó cháy thêm mà còn mờ đi hay thậm chí tắt luôn. Có phải quý Anh Chị Lớn, quý chức sắc bề trên sẽ mồi, hay quý hạnh sinh mồi cho nhau, hoặc chính mỗi hạnh sinh qua dịp hội ngộ này sẽ mồi cho chính mình? Câu trả lời có lẽ ý nào cũng đúng.

Mồi từ quý chức sắc là cái mồi của sự sách tấn, bảo ban; cái mồi của sự gửi trao và tin tưởng. Quý vị cần cho đàn em thấy tất cả những điều ấy chứ không chỉ có sách tấn hay lời nói chung chung mà sau đó đâu vẫn hoàn đấy. Sách tấn làm sao mà người sau thấy được điều đang chỉ dạy, đang bảo ban là đúng, là cần. Đúng ở đây không chỉ cho người nghe mà cả người dạy theo tinh thần nói được làm được hay làm được thì mới nói. Xin phép dừng và để lại suy nghĩ này ở đây cho quý bậc bề trên.

Mồi từ quý anh chị em hạnh sinh cho nhau là cái mồi của sự tin cậy, mồi của tình yêu thương. Cái mồi này không thể và không hề chứa sự ganh đua hay tị hiềm,

khó chịu. Trên con đường tu học, phụng sự, xuất phát điểm của mỗi chúng ta đều giống nhau là dưới mái nhà chung Hưng Đức, nói về bằng cấp là cùng tốt nghiệp Hạnh Đường (có thể căn cơ, nền tảng mỗi người không giống nhau). Sau đó trên bước đường tu học, tùy vào công hạnh, nguyện lực, thời gian, hoàn cảnh và cả nhu cầu của giáo hội, nhơn sanh, mỗi người bây giờ có thể đảm nhiệm ở những vị trí khác nhau: là chức sắc, là chức việc, là chuyên viên hay chỉ tín đồ. Điều đó âu cũng bình thường, không có gì đặc biệt trong một tập thể lên đến con số gần 350 thành viên. Điều đáng lo nếu có, chỉ ở chỗ công hạnh và đặc biệt là hạnh bởi chúng ta mang trên mình cái mác hạnh sinh, mà đã là hạnh sinh thì phải có hạnh. Như vậy cái cốt lõi để mồi trong tập thể hạnh sinh với nhau là tin cậy và yêu thương. Đàn em nhỏ hơn mình, có được những bước tiến trong tu học, được mọi người tin cậy, chúng ta tin và mừng cho người đó. Đàn anh lớn hơn mình thọ phong giáo phẩm cao hơn, xin chúc mừng quý anh và không hề làm phép so sánh đến bản thân, có chăng chỉ lấy đó làm tấm gương học hỏi. Mồi của hạnh sinh cho

nhau còn là sự hỗ trợ giúp đỡ. Sự giúp đỡ này có thể là tinh thần, cũng có thể là vật chất. Sẽ chia cho nhau để cùng học, cùng tu là cái mối hữu hiệu bởi người xưa thường nói “*Học thầy không tày học bạn*” mà.

Mỗi của mỗi bản thân hạnh sinh chính là nguyên lực. Nguyên lực không tự nhiên mà có cho dù chúng ta không hề phủ nhận giá trị của tha lực. Nguyên lực đến từ xác quyết trong lập nguyện của bản thân, không o ép, không cưỡng điệu, không bốc đồng. Cũng xin nói thêm, phương thức tổ chức hay phương thức thực hiện đóng vai trò rất quan trọng bên cạnh yếu tố ý chí và lý tưởng để dẫn đến thành công. Triết học phương Tây có người cho là vô thần, không phù hợp với văn hóa Đông phương nhưng chính nó mang lại một phương thức quản trị hiệu quả có thể áp dụng cho bất cứ môi trường nào, cho dù là tôn giáo hay đạo học. Cái mối của mỗi hạnh sinh phải có sẵn. Dịp hội ngộ chỉ mang tính kích hoạt hay thêm động lực để nguyên lực kia bắt đầu khởi động hay vận hành mạnh hơn thôi. Theo suy nghĩ cá nhân, đa phần quý huynh tử hạnh sinh chúng ta đều đang ở

trạng thái thứ hai, nghĩa là chỉ cần thêm động lực.

ĐÈN

Đèn đơn giản là cái đèn, là nguồn năng lượng có thể cháy sau khi mối để đáp ứng công năng tỏa sáng, soi lối, xua màn đêm. Trong kinh sách Cao Đài, cái đèn có khi được ví như đức tin:

Đức tin như cái đèn dầu

Đèn mà không cháy tại dầu khô khan
(Đại Thừa Chơn Giáo)

Cho dù hiểu ở nghĩa nào, cái đèn đều vô giá trị nếu nó không cháy, không sáng. Đèn là giáo hội, là nhơn sanh. Dưới góc độ hạnh đường, đèn là Ban quản lý, là hạnh sinh. Chính mỗi tổ chức hay cá thể vừa nhắc là những nguồn năng lượng sẽ bùng cháy nếu châm đủ dầu và mối đúng cách. Mục đích của đèn tạo ra là để cháy, để sáng. Giáo hội cần cháy sáng để dẫn dắt nhơn sanh. Nhơn sanh cháy sáng để cứu chính mình và làm chứng nhân cho đức tin đã chọn. Ban quản lý và hạnh sinh cháy sáng để tô bồi việc tu học của chính bản thân và góp sức mình vào việc hệ trọng của Giáo hội, nhơn sanh. Vậy cái đèn của chúng ta đã cháy chưa, hay đúng hơn là còn cháy không? Hay đó

chỉ là cái cái đèn vô giá trị bởi nó đã tắt từ lâu rồi? Tự hỏi để rồi ai cũng phải công nhận những mệnh đề xác định dưới đây là đúng:

- Chúng ta có ĐÈN.

- ĐÈN của chúng ta đã cháy và vẫn còn cháy.

- ĐÈN đang cháy hiện nay sáng thế nào là tùy thuộc bản chất trạng thái cháy của nó và cũng tùy thuộc vào trạng thái nhận định của người đánh giá.

Ba nhận định này rõ ràng phù hợp với chủ đề *“Mỗi đèn tiếp lửa”*, bởi chúng ta *mỗi đèn* chứ không *thấp đèn* vì là đèn đang cháy. Cách riêng về phía những cựu hạnh sinh tham dự, cái đèn của mỗi người chắc chắn đang cháy. Nếu không, huynh đệ chúng ta sẽ không về. Nói như vậy không có nghĩa những người không về là đèn không cháy bởi còn nhiều lý do, hoàn cảnh và điều kiện khác nhau, như lời của một cựu hạnh sinh thuở ban đầu *“Không dám trách, không dám phê”*. Nói vậy, chỉ để khẳng định rằng, quý huynh tỷ đã về có ngọn đèn đang cháy. Tuy nhiên đèn đang cháy nhưng mức độ sáng như thế nào tùy thuộc vào mỗi hạnh sinh.

Đánh giá từ ngoại cảnh có thể tác động bởi nhiều yếu tố nhưng tự thân đánh giá là đáp án hoàn hảo nhất cho mỗi người bởi không ai có thể hiểu mình bằng chính bản thân mình. Cũng bởi nhận định đèn sáng thế nào còn tùy thuộc vào trạng thái của người đánh giá nên cũng cần bình tĩnh và sáng suốt để có những ứng xử và hành động phù hợp. Người viết xin để lại câu trả lời về trạng thái của ngọn đèn bản thân cho từng huynh tỷ chúng ta.

TIẾP LỬA

Tiếp có hiểu theo hai nghĩa trong ngữ cảnh này:

Thứ nhất: *“Đưa thêm vào cho có đủ, đảm bảo hoạt động liên tục”*

Thứ hai: *Tạo kết nối, truyền từ người này qua người khác.*

Nghĩa thứ nhất theo tự điển Vietlex, nghĩa thứ hai hiểu theo mục đích của thông điệp hội ngộ lần này.

Để hiểu theo nghĩa thứ nhất cần phải nghĩ đến cái mà chúng ta cần TIẾP ở đây là LỬA. Vậy để đưa thêm LỬA vào cho đủ, cho ĐÈN hoạt động liên tục thì người TIẾP cần phải có lửa. Nếu

ta không có thì lấy gì mà tiếp. Tiếp ở đây có nghĩa cùng với tiếp tế, tiếp trợ. Thực hiện điều này, mỗi người cần xem lại LỬA của mình đang như thế nào, đang cháy làm sao, chúng ta đã đủ lực để tiếp cho người khác hay cần hơn để người khác tiếp lửa cho mình. Cho dù ở trạng thái nào thì hành động tiếp lửa cũng đều tốt cho cả người tiếp lẫn người nhận nếu cộng đồng cùng nhìn về một hướng, cùng một cách thức đi đến đích vì sẽ tạo động lực cũng như tinh thần đồng đội chung. Tuy vậy, cách TIẾP cũng quan trọng như cách MỜI và nó cũng có thể xảy ra ở nhiều đối tượng: Anh lớn tiếp lửa cho đàn em; Hạnh sinh tiếp lửa cho nhau. Đã có người TIẾP thì phải có người NHẬN. TIẾP làm sao thể hiện được sự cậy tin, truyền trao và gửi gắm. NHẬN làm sao để người TIẾP có thể an tâm, kỳ vọng. Nói thì dễ, làm mới khó. Nên chẳng mỗi thành phần tự suy ngẫm và rút ra cách thức thực hiện phù hợp trên nền tảng thanh tịnh và tinh thần vì cái chung. Đi vào trạng thái tâm lý con người, hay triển khai mọi việc ở phạm trù lý tưởng, đức tin, thật ra có một số trường hợp không thể vạch ra hay xây dựng

những phương thức quản trị cụ thể kiểu quy trình hay quy định để đạt được mục tiêu như điều vừa trình bày vậy.

LỬA có thể hiểu là đức tin, là tinh thần tu học và nguyện lực phụng sự của chính mỗi người được thể hiện một cách cụ thể qua thái độ, hành vi và việc làm. Đây không còn là nguồn năng lượng tiềm ẩn bên trong có thể bùng cháy mà phải cháy thật, sáng thật. Nếu ĐÈN không cháy thì gọi là đèn tắt nhưng không cháy sáng thì không gọi là LỬA. Về công năng LỬA cháy sáng giúp soi đường dẫn lối trong đêm, sưởi ấm khi giá rét, nấu nướng thức ăn... Về ý nghĩa, LỬA mang tính tiên phong, đi đầu tạo động lực và liên kết mọi người. Vì vậy, LỬA thường được ví là hình ảnh của niềm tin, lý tưởng.

TIẾP LỬA cần có đầy đủ điều kiện để đạt được kết quả mong muốn từ người TIẾP lẫn người NHẬN như đã nói trên. Tuy nhiên, với huynh đệ hạnh sinh chúng ta, điều kiện đến từ nội tại nhiều hơn khách quan, bởi hầu hết người TIẾP và người NHẬN đều là hạnh sinh. Mở lòng sẽ có nhiều đồng cảm - Khép lại không chừng thấy thị phi, cho dù là cùng

một con người, một sự kiện; cho dù là chuyện của một người, hai người hay chuyện chung của chúng ta.

MÔI ĐÈN TIẾP LỬA

MÔI ĐÈN TIẾP LỬA là một thông điệp đẹp, có tính nhân văn và giá trị của thời cuộc, hoàn cảnh, của mục đích cần thiết theo nhu cầu. Tuy vậy, phải nói rằng, MÔI ĐÈN TIẾP LỬA chỉ thành công và có ý nghĩa khi có được sự đồng tâm và lan tỏa. Đồng tâm, lan tỏa không chỉ có tính chất sự kiện của ngày hội ngộ, bởi dù sao đó cũng chỉ là THỂ. Đồng tâm lan tỏa cần

thiết từ chỗ tâm thể sẵn sàng tham gia của mỗi thành viên và sức ảnh hưởng của ngọn lửa mang về sau khi được TIẾP để từ đó hiện thực hóa thành LỬA thông qua tiến trình tu học bản thân và nguyện lực phát tâm phụng sự. Đó chính là cái DỤNG vậy.

Vạn vật đa dạng, cuộc sống đa sắc, con người không ai giống ai. Cách nhìn trên mang tính chủ quan cao cần sự đồng cảm sẽ chia trên tinh thần huynh đệ. Mục đích của anh em chúng ta khi trở về hội ngộ để gặp gỡ, động viên và chắc chắn là để MÔI ĐÈN TIẾP LỬA. Điều ấy mong sao! ☯



LƯƠNG TÂM

Trần Quốc Huân

Có người bảo tôi: “Một tác giả dùng hình ảnh ‘quang phổ chúng sinh’ bao gồm từ bậc hiền nhân đến phường tội lỗi. Hãy suy nghĩ về ẩn dụ này.” Quả thật, cách diễn đạt hết sức độc đáo đó tạo nên một cảm hứng suy gẫm.

Khi ta chiếu ánh sáng trắng qua một lăng kính thích hợp, ta thấy một cầu vồng nhiều màu sắc. Hiện tượng này là sự tán sắc, do ánh sáng của các bước sóng khác nhau làm cho ánh sáng trắng trở thành nhiều màu sắc, trong đó nổi bật nhất là bảy màu: đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím. Ngoài ra, còn có những ánh sáng có bước sóng nằm ngoài phổ này mà mắt ta không thấy được, đó là các tia hồng ngoại và tử ngoại. Dải ánh sáng nhiều màu sắc ấy gọi là quang phổ.

Hình ảnh ẩn dụ “quang phổ chúng sinh” cho ta liên tưởng là dải ánh sáng nhiều màu sắc tượng trưng ức triệu chúng sinh với đủ mọi loại người, hạng người, người tốt – kẻ xấu; người sang – kẻ hèn; người hiền – kẻ dữ. Ánh sáng trắng trở thành cầu vồng bảy màu là Thượng Đế tạo ra chúng sinh đủ loại. Cái mấu chốt của phép ẩn dụ này là: nếu như ánh sáng trắng chiếu qua lăng kính mà trở thành nhiều màu sắc, thì cái gì, điều gì làm cho chúng sinh vốn đều được Thượng Đế tạo thành lại trở nên khác nhau: có người thánh thiện, đạo đức và có người hung ác, tội lỗi.

Cái làm mọi người khác nhau về mặt đạo đức, nhân cách là lương tâm của mỗi người. Lương là tốt lành. Tâm là lòng. Khuy-nh

hướng tiêu biểu của con người là hành động hướng thiện, mong muốn làm điều thiện và tự đánh giá, phán xử hành vi của mình. Có được những điều đó là nhờ có lương tâm. Lương tâm là thế giới nội tâm sâu kín bên trong, nó có tác dụng điều chỉnh ý thức, hành vi của con người. Nhờ có lương tâm mà đạo đức xã hội mới được bảo tồn và phát triển. Lương tâm giúp con người hối cải và điều chỉnh lỗi lầm. Người có lương tâm dù bất kỳ ở đâu và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng giữ được nhân cách tốt đẹp của mình. Lương tâm hướng con người đến những điều tốt đẹp và đấu tranh chống lại cái ác. Nếu người không có lương tâm thì họ không thể thực hiện tốt nghĩa vụ đạo đức, ngược lại sẵn sàng làm điều ác độc, tàn bạo.

Xét trên bình diện đạo đức học, lương tâm là ý thức trách nhiệm và năng lực tự đánh giá hành vi và cách cư xử của cá nhân trong đời sống xã hội dựa trên tình cảm đạo đức. Lương tâm được xem như một loại cảm xúc đặc biệt thể hiện ra như thước đo mức độ trưởng thành đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội. Lương tâm vừa là ý thức vừa là tình cảm của con người, càng có thiện tâm, thiện ý và

càng hành động tốt bao nhiêu thì lương tâm càng yên ổn bấy nhiêu và ngược lại. Do đó, lương tâm là ngọn nguồn của hạnh phúc.

Sự hình thành lương tâm là một quá trình phát triển lâu dài từ ý thức đến tình cảm đạo đức. Con người ý thức được cái cần phải làm vì sợ xấu hổ trước người khác và trước dư luận xã hội. Phát triển hơn nữa, con người ý thức được cái cần phải làm không chỉ vì sợ người khác và xã hội chê cười mà cơ bản là tự xấu hổ với chính mình. Đạt tới trình độ tự xấu hổ sẽ làm xuất hiện lương tâm. Sự hình thành cảm xúc lương tâm gắn liền với nhận thức về lẽ sống, lý tưởng, hạnh phúc của con người, đặc biệt là với ý thức nghĩa vụ đạo đức. Nghĩa vụ đạo đức là ý thức trách nhiệm trước xã hội và người khác, còn lương tâm là ý thức trách nhiệm trước bản thân mình. Có thể xem ý thức nghĩa vụ đạo đức là nền tảng, là cơ sở hình thành lương tâm của con người.

Lương tâm được biểu hiện ở hai trạng thái khẳng định và phủ định.

* Trạng thái khẳng định: đó là sự thư thái, là cảm giác trong sạch của lương tâm. Trạng thái

khăng định của lương tâm có vai trò nâng cao tính tích cực của con người, giúp con người tin tưởng vào bản thân trong quá trình hoạt động. Đó là niềm tin bên trong có ý nghĩa thôi thúc con người vươn tới cái thiện, cái tốt đẹp, đóng góp tích cực vào sự phát triển xã hội. Sự thư thái của lương tâm không đồng nhất với sự yên ổn tinh thần, mang tính thụ động, thậm chí thờ ơ với mọi giá trị đạo đức, không quan tâm gì đến cái thiện và ác. Sự thư thái của lương tâm gắn liền với hoạt động tích cực của con người vì hạnh phúc của xã hội và người khác.

* Trạng thái phủ định: đó là sự cắn rứt vì sự không trong sạch của lương tâm. Trạng thái phủ định của lương tâm gây cho con người cảm giác đau khổ, làm suy giảm hoạt động tích cực của con người, nhưng trạng thái này cũng có vị trí quan trọng trong hoạt động của con người. Bằng sự cắn rứt, đau khổ, trạng thái phủ định của lương tâm nhắc nhở, giúp các chủ thể hành động suy nghĩ lại và uốn nắn những hành vi sai trái của mình trở lại con đường đúng đắn.

Lương tâm là đặc trưng của cá nhân nên nó có tính chủ quan, nghĩa là lương tâm phụ thuộc vào

năng lực, khả năng, tình cảm và trí tuệ của mỗi con người. Vì vậy, có khi lương tâm một người lại đối lập với số đông, như Mahatma Gandhi đã nói: “Với lương tâm, quy luật của số đông không có tác dụng”, hoặc như phát biểu của danh tướng Douglas Mc Arthur: “Thế giới là mưu đồ triền miên chống lại kẻ can trường. Đó là cuộc vật lộn từ xa xưa: một bên là tiếng gào thét của đám đông, và bên kia là tiếng của lương tâm bạn.”

Thực ra, lương tâm còn có tính chất xã hội, như Walter Lippmann đã nói: “Lương tâm của chúng ta không phải là vật chứa của chân lý vĩnh cửu. Nó phát triển cùng với đời sống xã hội của chúng ta, và điều kiện xã hội thay đổi cũng dẫn tới sự thay đổi triệt để về lương tâm.” Đó là do những giá trị của thời đại như bình đẳng giới tính, màu da, đồng đẳng với người mắc bệnh phong hay bị nhiễm HIV vv... tác động đến tình cảm đạo đức của cá nhân.

Hơn nữa, lương tâm có tính nhân loại phổ biến do các giá trị như công bằng, bác ái, tự do vv... là phổ quát cho mọi người, mọi dân tộc, mọi thời đại. Nhà văn Nga Aleksandr Solzhenitsyn viết:

“Công lý là lương tâm, không phải lương tâm cá nhân mà là lương tâm của toàn bộ nhân loại. Những ai nhận thức rõ ràng giọng nói của lương tâm chính mình thường cũng nhận ra giọng nói của công lý.”

Lương tâm trong sạch khi hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức được xã hội công nhận, tức ý thức được sự lương thiện của mình và tạo ra cảm giác vững tâm về nhân phẩm, danh dự, tạo ra sự thanh thản cho tâm hồn. Khi cá nhân hành động không đúng chuẩn mực đã được công nhận, dẫn đến cảm giác lương tâm không trong sạch, đó chính là sự cắn rứt lương tâm. Tình cảm lương tâm là sự hài hòa giữa khát vọng hạnh phúc và tận tâm với nghĩa vụ. Thực hiện nghĩa vụ một cách trung thực là ngọn nguồn cơ bản của niềm vui hạnh phúc của con người. Nếu lương tâm cắn rứt, dẫn vật thì bất hạnh sẽ lớn hơn nhiều.

Kant cho rằng sự tự đánh giá của lương tâm như là sự xét xử trước tòa. Đối thoại nội tâm là cuộc đấu tranh giữa nhân vật hành động và nhân vật phán xử trong cùng một con người. Ngược lại, kẻ nào không có năng lực tự đánh giá hành vi, không kiềm chế được hành vi vụ lợi của mình mà chà

đạp lên tất cả thì đó là những kẻ vô lương.

Sự hình thành lương tâm phải là một quá trình phấn đấu rèn luyện bền bỉ, lâu dài. Lương tâm hết sức nhạy cảm, tinh tế và thường trực giúp con người cảm nhận nên còn được gọi là giác quan thứ 6. Người ta cho rằng lương tâm thường không mắc sai lầm, nhưng tiếng nói của nó nhiều khi lại hết sức yếu ớt đến nỗi con người có thể dập tắt nó không khó khăn. Vì vậy, vấn đề rèn luyện, giáo dục lương tâm phải là công việc thường xuyên, không ngừng nghỉ.

Ta cũng có thể tìm hiểu về lương tâm trên bình diện đức tin, như Platon, triết gia thời cổ đại, đã nói: “Lương tâm là sự mách bảo của thần linh thượng đế.”

Theo Tân Ước, lương tâm có tính cách cá nhân và liên quan đến ba chân lý chủ yếu. Thứ nhất, lương tâm là một khả năng mà Đức Chúa Trời ban cho con người để thực hành tự đánh giá. Thứ hai, Tân Ước mô tả lương tâm như một chứng nhân cho điều gì đó. Thánh Phao-lô nói những người ngoại có lương tâm thì làm chứng về sự hiện diện về luật pháp của

Đức Chúa Trời đã ghi trong lòng họ, mặc dù họ không có Luật Môi-se. Ông cũng yêu cầu lương tâm của mình như một nhân chứng là ông nói ra sự thật và với cả sự làm chứng của lương tâm nơi những người khác. Thứ ba, lương tâm là một đầy tớ của hệ thống giá trị cá nhân. Trong đời sống người tín hữu, do sự hiểu biết không đầy đủ về các chân lý của Thánh Kinh mà có thể tạo nên những cảm giác tội lỗi và xấu hổ không cân xứng với những vấn đề đang xảy ra. Sự trưởng thành trong đức tin làm mạnh mẽ lương tâm.

Một linh mục dòng Phanxicô Việt Nam có một bài giảng về bảy ơn Chúa Thánh Thần có thể giúp ta hiểu rõ hơn Thiên Chúa đã “ban” lương tâm cho con người như thế nào, mặc dù linh mục không nhắc đến từ “lương tâm” trong bài giảng của mình.

“Chúng ta sẽ không khởi đầu từ ơn thứ nhất là ơn khôn ngoan mà đi từ ơn thứ bảy, ơn dễ hiểu nhất để ngược lên tới ơn trên cùng là ơn khôn ngoan.

Ơn thứ bảy là ơn kính sợ Đức Chúa Trời. Đây là ơn mà đọc lên chúng ta hiểu ngay muốn nói gì. Kính sợ là một tâm tình mà ở trần thế này con người cần có thì

mới mong tránh loạn tặc. Khi một người nào đó ngang tàng, coi trời bằng vung, không biết sợ trời là gì, thì người ấy có thể làm mọi sự và thường là những điều tệ hại nhất.

Nhưng một ơn khác của Chúa Thánh Thần làm cho ơn kính sợ này trở nên tình yêu, đó là ơn thứ sáu, ơn đạo đức. Đạo đức chính là Đạo làm con. Một người con năng đến với cha là người con có hiếu. Và nếu cần dịch lại thì sẽ là ơn sùng hiếu. Ơn thứ 7 cho ta kính sợ Chúa, nhưng không phải kính sợ Chúa như một ông vua đầy uy quyền sát khí, một lời nói là đầu rơi, một chau mày là người chết. Ơn kính sợ Chúa cộng với ơn sùng hiếu này khiến ta kính sợ Chúa như người Cha của chúng ta. Đây phải là một ơn riêng của Chúa Thánh Thần khiến ta mới có thể dám xem Chúa là Cha của mình.

Ơn thứ năm là ơn mạnh bạo hoặc ơn mạnh sức. Đây không phải là sức khoẻ phần xác thôi, nhưng là sự dũng cảm của một người con Chúa can trường và vui vẻ thực hiện ý của Cha mình. Do đó có thể dịch ơn mạnh bạo là ơn dũng cảm. Thực vậy để thực hiện chứ không phải chỉ biết thôi - ý của Chúa - nhiều khi chẳng

dễ. Phải dũng cảm lắm mới được. Chúa Giêsu đã nói: “Từ ngày Gioan Tẩy Giả đến giờ, Nước Trời ở dưới sức cường bạo, và chỉ những ai mạnh bạo mới được vào Nước Trời.” Một chỗ khác, Chúa Giêsu nói: “Không phải cứ kêu ‘Lạy Chúa, lạy Chúa’ mà được vào Nước Trời, nhưng là thi hành ý của Cha Ta.” Móc nối hai câu này ta thấy phải dũng cảm lắm mới thực thi được ý Chúa để có thể vào Nước Trời.

Ơn thứ bốn là ơn lo liệu. Ơn thứ năm mạnh bạo cho ta sự dũng cảm để làm theo ý Chúa, nhưng chính ơn lo liệu này, dịch rõ hơn phải là ơn chỉ giáo, cho ta biết đâu là ý Chúa trong từng trường hợp cụ thể. Vì thế ơn lo liệu là ơn hiểu biết ý Chúa trong từng trường hợp cụ thể để ơn dũng cảm cho ta sức mạnh thi hành.

Ơn thứ ba là ơn thông minh hay ơn suy biết, nghĩa là suy từ thiên nhiên vạn vật mà biết có Chúa là Đấng Tạo Hóa. Cách biết Chúa bằng lối này Chúa Thánh Thần ban cho rất nhiều người. Nhìn trời đất muôn vật với trật tự diệu kỳ, ta suy ra có ông Trời là Tạo Hóa. Đây là cách biết Chúa sơ đẳng nhất: biết Chúa qua thiên nhiên, biết Tạo Hóa qua mọi thọ tạo.

Ơn suy biết là biết Chúa qua thọ tạo. Cách biết Chúa cao hơn là biết Chúa qua mạc khải. Đây chính là ơn thứ hai: ơn hiểu biết, hay đúng hơn, ơn thấu hiểu, ơn thông hiểu. Không phải là hiểu biết thường qua thọ tạo, nhưng là hiểu biết thấu đến chính Tạo Hóa đó đã tỏ mình ra với con người. Tiếng chuyên môn gọi là mạc khải. Nói rõ hơn, ơn này đòi hỏi ta phải tin nữa. Tin Thiên Chúa là Lời - Lời nói với con người - cụ thể là tin Kinh Thánh là Lời ngỏ của Chúa cho nhân loại. Ơn này cũng còn có nghĩa là hiểu lời ngỏ của Chúa nữa: nói nôm na là hiểu và giải thích Kinh Thánh. Các nhà chú giải Thánh Kinh có lẽ nhận được ơn này nhiều. Tất cả thuộc phạm vi của ơn thấu hiểu.

Và trên hết là ơn khôn ngoan hay là ơn thượng trí, tức là ơn “biết” Chúa thật sự. Ơn thượng trí cho ta biết Chúa thật sự bằng cách bay vút lên trời (thượng trí mà !) để sống thân mật, sống kết hợp, sống kề cận ở ngay bên Chúa, nếm được Chúa, cảm được Ngài: “Đức khôn ngoan hằng ở bên toà Chúa.”

Để dễ nhớ, ta gom các ơn theo từng cặp:

- Ôn kính sợ và sùng hiếu làm cho ta kính sợ Chúa như con kính sợ Cha

- Ôn dưỡng cảm làm cho ta dám thực hiện ý Chúa trong giây phút hiện tại mà ơn chỉ giáo cho ta biết đâu là ý của Ngài lúc này.

- Ôn suy biết cho ta biết Chúa qua thọ tạo thiên nhiên để rồi nhờ ơn thấu hiểu giúp ta biết Ngài ngỏ lời với con người.

- Cuối cùng, khi biết Chúa thì yêu Ngài (vô tri bất mộ): lúc

đó biết theo nghĩa thông thường trở thành “biết” theo nghĩa Kinh thánh, tức là yêu, là kết hợp với Chúa qua ơn thượng trí.”

Biết mở lòng ra để đón nhận Chúa, nhờ đó được biến đổi nhờ các ơn của Chúa Thánh Thần, thì như thánh Phao-lô đã nói: *“Tôi sống, nhưng không còn phải là tôi, mà là Đức Ki-tô sống trong tôi”* - tiếng nói của lương tâm chính là tiếng nói của Thượng Đế trong ta.



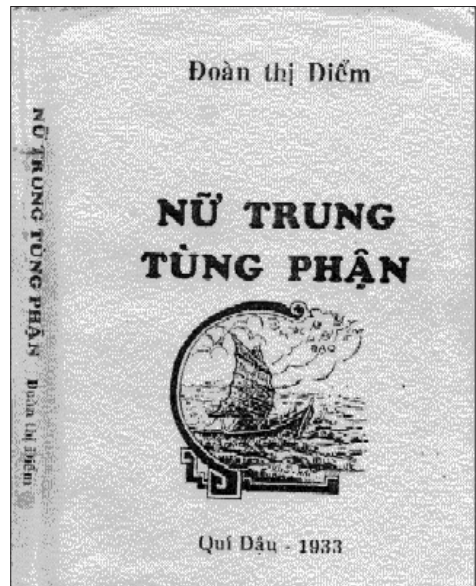
Những điều học hỏi từ **NỮ TRUNG TÙNG PHẬN**

NGỌC ANH

NỮ TRUNG TÙNG PHẬN là một tác phẩm quý giá trong kho tàng văn chương Việt Nam, có một không hai vì nó không do con người bằng xương bằng thịt sáng tác mà do một vị Tiên nữ nơi Thượng giới dùng cơ bút trong **CAO ĐÀI** giảng dạy. Đó là Nữ sĩ **Đoàn Thị Diễm** mà Chơn linh là một Vị Tiên Nương nơi **Điêu Trì Cung** của Đức **Điêu Trì Kim Mẫu**.

1. Tiểu sử Bà **Đoàn Thị Diễm**:

Bà **Đoàn Thị Diễm**, hiệu là **Hồng Hà Nữ sĩ**, biệt hiệu là **Ban Tang**, quê ở làng **Giai Phạm**, huyện **Yên Mỹ**, tỉnh **Hưng Yên**. Bà chính họ là **Đoàn**, nhưng vì bà lấy chồng họ **Nguyễn** (ông **Nguyễn Kiều**), nên có sách ghi là bà **Nguyễn Thị Diễm**. Bà sinh năm **Ất Dậu (1705)** thời **Lê Trung Hưng**. Bà là con gái ông hương cống **Đoàn Doãn Nghi**. Mẹ bà là người họ **Vũ** và là vợ hai của ông **Nghi**, nhà ở phường **Hà Khẩu**,



Thăng Long (phố **Hàng Bạc** ngày nay). Bà có một người anh trai là **Đoàn Doãn Luân** (sinh năm 1703). Từ nhỏ hai anh em bà theo mẹ về ở với ông bà ngoại là quan **Thái Lĩnh**, cả hai được dạy dỗ chu đáo, lầu thông **Tứ thư**, **Ngũ kinh**.

Bà **Đoàn Thị Diễm** là người có tài trí và nhan sắc hơn người. Năm 6 tuổi đã học rất giỏi. Năm 16 tuổi quan **Thượng thư Lê Anh Tuấn**,

vốn quen biết nhiều với Đoàn Doãn Nghi, mền tài văn chương và đức hạnh của bà nên nhận làm con nuôi. Từ đó bà về ở nhà của dưỡng phụ tại phường Bích Câu, kinh thành Thăng Long. Quanh đây toàn là dinh thự các quan lớn trong triều, các văn nhân thường hay lui tới nơi đây để tìm thầy và tìm bạn luyện tập văn bài, chờ khi ứng thí. Đó là dịp bà Diễm quen biết được nhiều người có danh vọng, có khoa bảng và nhờ đó tiếng tăm về tài ứng đối văn chương và hoa tay khéo léo của tài nữ họ Đoàn được đồn vang.

Trong thời gian ở nhà dưỡng phụ, bà Diễm có dịp đọc rất nhiều sách quý báu của quan Thượng Thư, nhờ vậy kiến thức trở nên rộng rãi hơn trước nhiều. Dưỡng phụ của bà muốn bà có dịp đem tài năng thi thố nên tiến cử bà vào cung chúa Trịnh để dạy cho các cung nữ, nhưng bà kiên quyết từ chối vì không muốn bị gò bó trong chốn triều đình.

Năm 1729, cha bà mất, gia đình chuyển về quê ở làng Hiến Phạm, Đoàn Thị Diễm xin với dưỡng phụ cho phép cùng về quê để chăm sóc mẹ già, giúp anh và chị dâu quán xuyến công việc gia đình. Về sau, gia đình dời về làng

Vô Ngại gần bên, tại đây Đoàn Thị Diễm cùng anh trai Đoàn Doãn Luân mở trường dạy học.

Nhưng ông Luân bị bạo bệnh đột ngột từ trần (năm 1735). Đoàn Thị Diễm lại đem gia đình lên Sài Trang. Ở đây bà mở tiệm xem mạch và hốt thuốc Bắc cho dân chúng quanh vùng, người đến xem mạch và hốt thuốc khá đông, nhờ vậy có đủ tiền nuôi mẹ, lo cho hai cháu cùng chị dâu được tươm tất.

Do tài năng và sắc đẹp cộng với tính hiếu thuận, lúc bấy giờ bà được nhiều người cầu hôn, nhưng nghĩ đến gia đình bà đành từ chối tất cả. Nhân có người tiến cử vào cung chúa Trịnh để dạy học, bà không từ chối như lần ở với dưỡng phụ mà nhận lời để khỏi phải lo đối phó với những người không xứng đáng đến cầu hôn. Nhưng khi ở trong cung, nhìn rõ những điều xấu xa trong đám quan lại, sự thối nát của triều đình, bà chán nản xin trở về quê nhà.

Khi ấy, giặc giã nổi lên đánh phá khắp nơi, bà đưa cả gia đình bỏ làng Vô Ngại, tản cư đến làng Chương Dương bên bờ sông Nhị Hà, gần Hà Nội.

Sống trong xã hội phong kiến, là nữ lưu nên dù có học hành tài

giỏi đến chừng nào cũng không được phép ra ứng thí để thi thố tài năng, bà mở trường dạy học như một lối thoát cho tinh thần.

Có thể nói bà là người phụ nữ đầu tiên mở trường dạy học, trường học của bà ở Chương Dương (nay là Thường Tín, Hà Nội).

Trong thời gian bà dạy học, Ông Nguyễn Kiều nhiều lần đến xin cầu hôn. Ông Nguyễn Kiều, hiệu là Hạo Hiên, người làng Phú Xã huyện Hoài Đức, 18 tuổi đậu Giải Nguyên, 21 tuổi đậu Tiến sĩ, là người có tài văn học lỗi lạc.. Bà chưa muốn đem mình vào cuộc hôn nhân muộn màng, nhưng mẹ già và cả gia đình đều muốn, nên bà chấp nhận kết hôn năm 1743, lúc đó bà được 39 tuổi... Bà sống với chồng rất tâm đầu ý hợp, khi rảnh thường hay xướng họa thơ văn. Nhưng chưa đầy một tháng sau, quan Thị Lang Nguyễn Kiều được lệnh vua làm Chánh Sứ sang triều cống nhà Thanh. Lệ thường đi sứ 2 năm thì về tới nhà, nhưng do giặc giã cắt đứt đường giao thông, nên hơn 3 năm xa cách, chồng bà mới đi sứ trở về.

Chuyến đi thành công, Nguyễn Kiều được vua khen thưởng và

cho thăng quan, bổ làm Tham Thị ở Nghệ An. Bà không muốn theo chồng vào Nghệ An, nhưng Nguyễn Kiều hết lời nài nỉ Bà đi theo. Bà chiều chồng, làm bổn phận người vợ tòng phu. Thuyền xuôi dòng sông Nhị Hà, theo cửa bể Thần Phù, để vào sông Chính đại. Lúc thuyền đến bến Đền Sòng, nơi thờ Công Chúa Liễu Hạnh, Bà bị cảm rất nặng và từ trần vào ngày 11-09 năm Đinh Mão, hưởng được 44 tuổi, bà chưa có con với Nguyễn Kiều.

2. Các tác phẩm của bà Đoàn Thị Điểm

Bà là một nữ sĩ nổi tiếng với nhiều giai thoại về khả năng xuất khẩu thành thí tài tình, khi nhân hạ bà thường ngâm vịnh với phụ thân, với anh trai và với chồng.

Bà có tác phẩm Bích Câu Kỳ Ngộ là một trong sáu truyện của tập truyện ký “Truyện Kỳ Tân Phả” được xếp vào những tác phẩm Việt văn thi ca ở triều Lê, sau đời Hồng Đức.

Nhưng nói đến nữ sĩ Hồng Hà là mọi người đều nghĩ ngay đến bản dịch Chinh Phụ Ngâm. Cùng với Truyện Kiều của Nguyễn Du, Cung Oán ngâm khúc của Nguyễn Gia Thiều, Chinh Phụ ngâm được

xem là tác phẩm ưu tú của nền thi văn trung đại Việt Nam.

Thế nhưng với người tín đồ Cao Đài nói chung, nữ phái Cao Đài nói riêng, còn một áng văn chương siêu phàm, được Đoàn Tiên Nương giảng cơ viết ra, đó là “Nữ Trung Tùng Phận” gồm 1401 câu thơ song thất lục bát, cùng thể thơ với tác phẩm Chinh Phụ Ngâm. Đó là lời thơ Việt Nam rất sở trường của bà..

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ viết Nữ Trung Tùng Phận bắt đầu vào đêm 26- 02 Quý Dậu (21-03-1933) tại Giáo Tông Đường Tòa Thánh Tây Ninh, sau đó bà yêu cầu 2 vị Phò loan là Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh tiếp tục phò loan mỗi đêm để bà tiếp tục viết cho xong tác phẩm.

Bà viết được khoảng 1000 câu thơ thì cơ không viết được nữa. Đức Hộ Pháp biết rằng Bà đã viết xong phần Đời (Thế), bắt đầu viết sang phần Đạo, cần phải có một vị Thời Quân chi Đạo phò loan thì Bà mới viết được. Quả thật, khi ngài Cao Tiếp Đạo từ Nam Vang về tới Hội Thánh, ngay tối hôm đó Ngài Cao Tiếp Đạo phò loan với Đức Phạm Hộ Pháp, Bà

viết tiếp Nữ Trung Tùng Phận cho đến hết, hoàn thành tác phẩm giá trị này.

Đức Chí Tôn giảng trần mở Đạo Cao Đài để cứu vớt chúng sanh trong thời Hạ ngươn mặt kiếp, lập nên 5 bước thang tiến hóa cho Nhơn loại: khởi đầu là Nhơn đạo, kế trên là Thần đạo, tiến lên Thánh đạo, Tiên đạo, cuối cùng là Phật đạo

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ viết Nữ Trung Tùng Phận, là một tác phẩm giáo dục, dạy Nữ phái về Nhơn đạo và Thiên đạo.

Về Nhơn đạo: Người phụ nữ cần phải trau dồi Tứ đức và thực hiện Tam tòng, giúp chồng làm nên sự nghiệp, dạy dỗ con cái thành người hữu ích cho xã hội. Khi Nhơn đạo xong thì người phụ nữ cần nương theo bóng Đức Chí Tôn, tiến lên tu Thiên đạo, để giải thoát khỏi luân hồi.

Đoàn Tiên Nương viết Nữ Trung Tùng Phận với tất cả kinh nghiệm sống của bản thân trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần: làm con trong gia đình phụng dưỡng cha mẹ, làm em giúp đỡ cho anh chị, các cháu, làm vợ, làm mẹ (mẹ nuôi), thêm sự thông tuệ của

một bậc Thiên Tiên nơi cõi thiêng liêng nên tác phẩm Nữ Trung Tòng Phận xuất sắc hơn nhiều so với Chinh Phụ Ngâm về sự nhẹ nhàng thanh thoát, đầy lòng bác ái vị tha.

Nữ Trung Tòng Phận: là những bổn phận mà người phụ nữ phải tòng theo.

Người phụ nữ muốn mau tiến hóa về tâm linh thì phải lo làm tròn các bổn phận của mình trong phần nhân đạo. Nữ phái lúc còn trẻ phải giữ vững Tứ đức, Tam tòng, giúp chồng và gia đình nhà chồng, nuôi dạy con cái lớn khôn nên người... Đến lúc trung niên xong phần nhân đạo, nữ phái cần tiến lên tu phần Thiên đạo thì mới mong giải thoát khỏi kiếp luân hồi.

Sau phần dạy người con gái về nhơn đạo gồm tứ đức, tam tòng. Nữ Trung Tòng Phận dạy người nữ sau khi đã xong phần thế đạo thì nên lo nghĩ đến việc tu hành:

Tiếng U Minh tí lìa gọi thăm,
Giọng kinh khua cửa Phạm
dập dồn.

Câu kinh tiếng kệ gọi hồn,
Kêu thương khách tục, giải
lòng người nhân.

997. Rón rén trước Phật ngồi
cúi gập,

Mấy lạy trình mấy nấc tương
tư.

Mảnh tâm xin gửi bảy chừ,
Nương theo thuyền huệ vào bờ
Tương giang.

**Nhìn lại cuộc đời đã qua
như một giấc mộng, có chồng
có con, mưu cầu danh lợi chỉ là
đeo thảm chuỗi sầu.**

Ngắm thế cuộc chẳng bằng
một giấc,

Kiếp phù sinh đáng thất là bao.
Nhặng là đeo thảm chác sầu,
Tóc xanh cho tới bạc đầu cũng
in.

**Người phụ nữ khi ấy nên
xuất gia tu hành, tầm đường
Thiên đạo mới mong giải khổ
và thoát khổ**

Thay đạo phục bước xăng lảnh
thế,

Mời thì kinh, tối kệ giải lòng.
Từ bi hứng giọt nhành dương,
Lau thanh trái chủ, lấp đường
nghiệt căn.

**Tu thì cố gắng luyện đạo và
sẽ được đắc đạo tại thế:**

Bế ngũ quan, không kiêng tục
tánh,

Diệt lục trần xa lảnh phàm tâm.
Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,

Đoạt phương tỵ diệt, giải phần hữu sinh.

Ngũ khí thanh diệt trừ quả kiếp,

Linh quang đầy đặn tiếp hồng ân.

Xác tại thế đã nên Thân,

Ba mươi sáu cội đặng gần linh Thiêng.

Tiên nương đã vì lòng thương nữ phái, đã cố gắng cầm viết ghi lại những kinh nghiệm sống của đời mình để lưu lại khuyên dạy cho đời sau:

Gắng cầm viết, nín hơi sống rớt,

Để năm vân khắc cốt nữ lưu.

Dứt tình ái, giải sầu ưu,

Hễ thương thì cũng lo mưu giữ mình.

Nhiệm vụ đã xong, linh hồn

thoát xác về Tiên, hưởng Hồng ân của Đức Chí Tôn.

Buông ngọn viết vào làn mây trắng,

Hễ có thương nhớ dạng là hơn.

Cảnh Thiên gọi tác hương hồn,

Để câu tiết nghĩa vĩnh tồn hậu lai.

Và câu cuối cùng của NTTP:

Đời đời danh chói CAO ĐÀI

Tác phẩm NTTP của Tiên Nương Đoàn Thị Diễm viết vào năm 1933, lúc đất nước ta còn phong kiến và Pháp thuộc nên phù hợp với hoàn cảnh xã hội thời đó, nhưng với hoàn cảnh xã hội có nhiều đổi mới hiện nay thì tác phẩm có một số chi tiết không còn thích hợp nữa. tuy vậy tác phẩm NTTP vẫn có giá trị lớn lao về 2 phương diện: văn chương và giáo dục.



Tài liệu tham khảo:

Internet <https://www.daotam.info/books/nttp>

Đức Nguyên

Cảm tác từ một chi tiết trong kỷ yếu Trung Thạnh

Tâm Nguyên

Đọc kỷ yếu khánh thành Thánh thất Trung Thạnh, với những mẩu chuyện, những câu từ dung dị, chân chất giúp chúng ta cảm được tâm trường vì Thầy vì đạo trong hoàn cảnh khó khăn, thử thách của bốn đạo nơi đây. Với góc nhìn hạn hẹp của đàn hậu bối, người viết xin được đưa ra cảm nhận của mình về một chi tiết ẩn khuất trong thời “tiền Trung Thạnh”.

Bắt đầu từ những bốn đạo miền Trung nghèo khó rời quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn, để vào Nam lập nghiệp. Đến Mepu, vùng đất có địa hình tương đối thuận lợi, bà con dừng chân, tần tảo làm ăn, chịu thương chịu khó với cây lúa, củ khoai. Trong những năm tháng ấy, những người con của Đức Cao Đài nơi đây tập trung

sản xuất chăm lo cho cuộc sống gia đình, chưa quen biết nhau, chưa liên lạc nhau mà chỉ “*im lặng tu hành không ai hay biết, không có gì khác ngoài mấy ngày chay*”. Theo lời kể của lễ sanh Trà Liên Chiêu “*Có một hôm con gái tôi đi phơi lúa cho Hợp Tác Xã I Mê Pu. Tối về con tôi nói hôm nay ở sân phơi có 3 cô ăn chay, hôm ấy là 14 âm lịch. Tôi bảo con tôi: Ngày mai, con có gặp lại mấy cô ấy, con xin phép hỏi tên và thuộc Thánh thất nào ngoài miền Trung.*” Cũng theo lời kể của tác giả Trường Giang trong đại hội đại biểu xã viên có dành riêng 3 bàn không dọn thịt cá “*Trong buổi tiệc, anh em nhìn nhau như có sự đồng cảm và lần dò tìm hiểu nhau? Sao anh không dùng món kia mà dùng món này?*

Các anh em chỉ nhìn nhau chưa tiện lời giải đáp - thế là duyên hội ngộ bắt đầu từ đây.” Giữa nơi đất khách quê người, giữa bộn bề cuộc sống, chính việc giữ gìn trai giới đã giúp con cái của Thầy lại gần nhau, nhận ra nhau trong niềm vui huynh đệ. Ngược dòng lịch sử về những năm đầu thập niên tám mươi của thế kỷ XX (khoảng năm 1980 - 1981), chúng ta sẽ hiểu được tại sao bốn đạo nơi đây “dò tìm” nhau giữa muôn người. Chính việc giữ đạo ấy đã hun đúc đức tin vững mạnh trong những người con xa xứ, xa Đạo này. Đây là những người nông dân bình dị, tay lấm chân bùn quanh quẩn với ruộng vườn nhưng vẫn hết mực thương Thầy mến Đạo. Đây là những hạt nhân ban đầu của Trung Thạnh! Đến đây, xin dừng lại đôi phút để chúng ta tỉnh thức thân tâm giữa cuộc sống vật chất đầy đủ, thời đại công nghệ 4.0 này, liệu chúng ta có thật sự vững đức tin hay chưa hay vẫn còn vô minh che phủ? Đặc biệt, thế hệ trẻ chúng ta đã tinh tấn tu học, chí tâm phụng sự hay chưa hay vẫn còn giải đãi, lẩn lưa nay mai mà mãi bám víu vào đời giả tạm?...

Người viết thật sự thương cảm

khi đọc đến đoạn “*đội 19 có một em bé con chú 4 Đán qua đời, gia đình tự túc mọi mặt, lặn lội chôn cất, không một ai chiếu cố cả tinh thần cũng như vật chất*”. Thật vô thường! Sinh ra trong cõi ta bà này, vì miếng cơm manh áo phải bắt đắc dĩ xa quê, xa Đạo để gầy dựng đời sống kinh tế, thế rồi mất đi mà không được một ai chiếu cố về mặt vật chất lẫn tinh thần. Có lẽ chính lòng thương Thầy mến Đạo và sự thấu cảm những khó khăn thử thách của nhau, những hạt nhân đầu tiên ấy đã quyết tâm quy tụ và lập nơi thờ Thầy học đạo. Họ đạo Trung Thạnh được manh nha từ những ngày đầu như thế! Đây là cả một quá trình lịch sử, từ vồn vện vài hộ gia đình nông dân, Trung Thạnh đã trải qua bao nhiêu thăng trầm, bao lần di chuyển cơ sở thờ tự đến nay đã vài trăm đạo hữu. Từ những ngày đầu anh em đồng tâm chặt cây, chẻ hom, đánh tranh làm ngôi nhà Thánh đến nay một ngôi Thánh đường nguy nga, rộng lớn trên một địa thế tuyệt đẹp. Và biết bao lần thay đổi nhân sự, bao lần tái thiết, bao nội khảo ngoại khảo nhưng:

“Vẫn một niềm tin trung kiên với Đạo. Luôn một tình yêu tôn

thờ Thượng Đế. Đã siết lấy bàn tay ấm tình huynh đệ. Đã dắt díu về đây dưới ngôi nhà Cha.”

(Cao Hoài Nhân)

Ngôi Tam đài đạo pháp tọa lạc tại xứ Bàu su thôn 3, xã Mepu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận ngày nay là cả công trình công quả của bốn đạo nơi đây nói riêng và toàn Giáo hội nói chung. Thế nhưng, sự thành bại của người tu không ở thánh đường ngoại tại mà ở thánh

đường nội tâm. Nguyên cầu Trung Thanh luôn hằng hữu ba yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” trong con đường nhất tâm phụng đạo tỏa sáng danh Thầy danh Đạo:

“Có Đền Thánh là nơi

THẦY ngự,

Ngự vào con danh dự biết bao;

Danh THẦY bốn biển nêu cao,

*Danh con cũng được công lao
lắm nhiều!”*

TTTH



TRẠI LIÊN VƯỜN 21-

Ươm những mầm non

Khiết Tâm

Không khí rộn rã của những ngày đầu hè lúc nào cũng mang lại cho sinh hoạt trẻ một niềm hứng khởi, đặc biệt là các em nhỏ ở lứa tuổi đồng sinh. Hòa trong bầu không khí ấy, trại Liên vườn 21 vừa qua tại khu du lịch Láng Le Bàu Cò- TP Hồ Chí Minh, với 230 trại sinh và trưởng hỗ trợ đến từ 10 đơn vị Trung Minh, Từ Vân, Huỳnh Quang Sắc, Minh Lý, Liên Hoa Cừ Cung, Tân Minh Quang, Thanh Tịnh Đoàn, Nguyệt Thanh Quang, Thiên Trước và Tu Tập Sinh tại TPHCM.

Trại kì này lấy chủ đề là “Măng non vui vẻ”, không gì hơn ngoài mong muốn các em luôn hồn nhiên vui tươi như lứa tuổi của mình. Từ sáng sớm, các đơn vị đã tập trung đông đủ dù thời tiết không chiều



lòng người. Những cơn mưa đầu mùa chợt đến chợt đi khiến việc tập trung sinh hoạt ngoài trời gặp nhiều trở ngại. Nhưng mỗi trở ngại lại là một cơ hội thử thách sự linh động của các trưởng trong Ban Quản trại. Các trạm chơi được mau chóng di chuyển vào trong nhà để đảm bảo sức khỏe cho các em. Tuy không gian có phần chật hẹp hơn, nhưng không vì thế mà giảm đi phần sôi nổi. Vào buổi sáng, các trạm chơi được thiết kế với nội dung dựa trên “Ngũ giới cấm”. Các em đồng sinh được chia thành 6 đội, lần lượt giải mật thư và vượt qua thử thách ở từng trạm. Không chỉ giúp các em ôn lại kiến thức giáo lý và kỹ năng, trại năm nay còn chú trọng giúp các em phát huy sức mạnh của đội hình đội ngũ và vai trò lãnh đạo của đội trưởng, đội phó. Những khuôn mặt vừa vui tươi háo hức lại không kém phần nghiêm túc của các em như tiếp thêm năng lượng cho các trưởng trên con đường phụng sự và truyền lửa.

Tiếp nối những trạm chơi buổi sáng là một lễ hội đầy màu sắc vào buổi chiều. Mỗi đội được nhận một bức tranh khổ lớn và sẽ phải trả lời những câu hỏi vấn đáp để nhận bút màu vẽ tô. Các họa sĩ nhí cùng nhau trổ tài lấp đầy bức tranh trắng bằng những gam màu vui tươi, lạ mắt với những lời thuyết minh dí dỏm, độc đáo. Sau kì trại, mỗi đơn vị còn được nhận một bức tranh về làm kỉ niệm.

Trại Liên Vườn là hoạt động truyền thống hằng năm dành riêng cho lứa tuổi ngành đồng của các Gia đình Hưng Đạo và các tập thể thanh thiếu niên tại miền Nam. Tuy mỗi năm mỗi chủ đề và quy mô khác nhau, nhưng tinh thần hòa ái và yêu thương luôn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Kết thúc kì trại năm nay, các em đồng sinh ra về không chỉ với niềm vui sau một ngày giao lưu rộn rã tiếng cười, mà còn là những bài học về tình đoàn kết, tinh thần kỉ luật, tác phong làm việc đội nhóm, cũng như có thêm nhiều người bạn mới trong vườn đồng tươi thắm của mình.



ƠN CỨU ĐỘ KỶ BA

Phương Duy Trung Thạnh

Tôi xin kể ra đây vài câu chuyện có thật, chuyện về đức tin trong ơn cứu độ của Thầy trong kỳ ba đại ân xá này, hầu giúp tín hữu chúng ta lấy đó làm bài học đức tin mà tu học.

CÂU CHUYỆN THỨ NHẤT:

Vùng đất hoang hóa Sùng Nhơn là một trong những điểm dân cư mà dân miền Trung vào lập nghiệp từ những năm thập niên 60. Nơi đây được thiên nhiên ưu đãi có địa hình đẹp, những dãy đất chạy dài san sát um tùm cỏ cây che lấp, không bao lâu với bàn tay con người đã biến thành miếng đất màu mỡ, cho ra những sản phẩm đem lại nguồn lợi nuôi sống con người.

Gia đình của hiền huynh Trần Ngọc Bá quê ở Quế Sơn theo dòng người vào Nam lập nghiệp, bao nhiêu năm lăn lộn với cái ăn, cái mặc cho gia đình. Nhưng tưởng năm tháng vất vả được đền bù bằng kết quả đủ tạm về kinh tế, con cái đến trường học hành đến nơi đến chốn là tạm bình yên. Không ngờ, người con gái út của huynh lâm bệnh ngặt nghèo, chạy chữa nhiều phương, dốc hết bao nhiêu của cải dành dụm bấy lâu đều lo chạy chữa cho con mong sao sớm bình phục. Làm cha mẹ rất lấy làm đau lòng khi nhìn thấy đứa con tuổi niên thiếu phải nằm liệt tại chỗ 13 năm liền, mọi cử động khó khăn, phải cần đến sự trợ giúp của người khác.

Mười mấy năm trường nhìn đứa con nằm trên giường bệnh là khoản thời gian đủ thấy thấm thía sự nhọc nhằn gian khổ mà không còn chút hy vọng nào để cứu vãng.

Thế rồi một đêm trăng thanh, huynh Bá dường như đã kiệt sức, mọi cố gắng đều vô hiệu, cùng suy nghĩ miên man, phút giây chợt nhớ ra điều gì? Huynh vào nhà rửa mặt, rửa tay thấp nén nhang nguyện cầu “Xin ơn trên cứu độ cho chúng con, mọi cố gắng gia đình chúng con đã tận lực, xin chư Phật, Thánh Tiên, Thần từ bi chỉ lối dẫn đường cho con, mách

bảo cho con phương thức cứu được đưa con thân thương này. Đó là:

*Xin độ kẻ hằng ngày chiêm ngưỡng
Giúp người lành hạnh hưởng phúc duyên
Gió giông sa đọa ghe thuyền
Tâm thành khẩn đảo tai liền giảm tan
Kính cứu khổ*

Lần dò những người quen, huynh Bá lại tìm về Thánh Thất xin được ghi danh tu học để sớm chiều nghe được câu kinh tiếng kệ.

*Lo tu cứu vớt nạn đời
Gieo mầm thiện quả về nơi ngươn thân.
Kính cầu an*

Thế rồi sự hướng dẫn của Họ Đạo huynh Bá lập thiên bàn vô vi để có nơi hằng ngày lễ bái, xin ân cứu độ của Thầy.

Huynh Bá trình xin Đầu Họ Đạo hành pháp giải oan, và cầu xin lành bệnh cho con. Rồi những giọt nước cam lồ thấm qua lưới bệnh nhân, từ miệng đi vào huyết quản dần dần như hồi tỉnh tâm thức. Em lần hồi ngồi dậy và tập đi, 19 tuổi đời, 13 năm nằm liệt trên giường hiện nay em đã qua khỏi bệnh hiểm nghèo và đã sinh hoạt bình thường như bao người khác.

Không phụ lòng người tin thành Thượng Đế sẽ đến nếu ai biết tin người biết làm lành lánh dữ, có lỗi, phải biết ăn năn hối cải, biết tự răn mình, gìn giữ tánh thuần chân đừng để tà tâm xâm lấn thì: Ôn cứu độ kỳ ba là vậy đó.//

CÂU CHUYỆN THỨ HAI: GIỌT NƯỚC NHIỆM MÀU

Chuyện ở địa phương chúng đệ, cách đây khoảng 9 năm có một cụ bà tuổi đã cao, chẳng may nhiều năm liền bệnh triền miên không chữa khỏiặng nên thể trọng ngày càng suy yếu.

Hôm ấy cụ ốm nặng, qua nhiều ngày gia đình nhờ bác sĩ chăm sóc điều trị thuốc thang nhưng vẫn không có dấu hiệu thuyên giảm. Cuối cùng cụ không ăn uống được nữa, hơi thở yếu dần và muốn ngất.

Lúc này gia đình chuyển qua lo phần hậu sự. Mời ban trị sự xã Đạo đến để tiếp quy, nếu phải xảy ra: đồng thời trình báo xin đạo huynh Đầu Họ Đạo. Đạo huynh Đầu Họ Đạo thấy cụ nằm mê man, Đạo huynh bảo gia đình lo sắm hoa quả cầu bệnh cho bà, biết đâu số bà chưa mãn, mọi việc tuân theo Đầu Họ Đạo.

Những giọt nước được nhỏ vào miệng bà, chừng 10 phút sau thật bất ngờ, bà tỉnh lại nói chuyện cùng con cái.

Cuối cùng bà sống lại từ đó và lành mạnh kéo dài cho đến 6 năm sau bà mới từ giả cuộc đời.

Thế mới biết: “Đức tin là phép nhiệm màu”.

Có mà không

LÊ PHƯƠNG - TRUNG THANH

*Có mà không có trở về không
Vì lẽ có không ngã nghiêng lòng
Bởi kiếp sống còn vì nghiệp chướng
Để lòng (tâm) thanh tịnh trở về không.*

Nhớ quê

HOÀI NAM TRUNG THANH

*Ra đi lại nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương (ca dao)
Từ khi rời khỏi quê hương
Ôn bao kỉ niệm vẫn vương trong lòng
Ngày về lúa trĩu bông đồng
Các em khôn lớn chẳng mong mỗi gì
Mẹ khuyên, mẹ bảo nhiều khi
Dầu xa quê mẹ bất kỳ nơi đâu
Mong con nên nhớ chuyện cầu
Cầu cho nhân loại là cầu cho ta
Ra đi lại nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương (CD)*

Cơ duyên

Lê Phương Tính

Rời xa quê hương xa dòng sông Trường cùng cánh đồng hạn hẹp với lũy tre làng in bóng trên mặt sông tạo ra màu xanh biếc. Song song là bờ kênh nổi dọc theo cánh đồng cho một vùng thôn dã hiện hòa và thơ mộng.

Bà tôi ngậm ngùi rời xa quê hương để lên đường vào Nam lập nghiệp. Vì cuộc sống tương lai cho con cái sau này.

Trong thời gian lo làm kinh tế có một số người lãng quên đi những ngày chay lạc.

Rồi thời gian nối tiếp theo nhau mọi người cũng đi tìm nơi đất sống, vì quê hương đất hẹp người đông hơn nữa cánh đồng lúa không đủ chu cấp cho mọi người, trong đó nhiều người là môn đồ Hưng Đông cùng ra đi lập nghiệp.

Khi mọi người tạm ổn về kinh tế, với tâm trường huyết hãn mang mầm móng đạo Thầy rồi cũng tạo được một thiên bàn để làm nơi sinh hoạt lễ bái cho những ngày sóc vọng.

Thế rồi qua một thời gian có cô Bốn Tâm (Phan Hương Tâm) vào thăm người thân cùng con cháu, cô đi từng nhà Đạo hữu để thăm hỏi và động viên môn Đạo cố gắng giữ trai kỳ mỗi tối và sớm mai. Đọc kinh hôm, kinh mai là ta tin Thầy giữ đạo. Nhắc nhở những ai không giữ được chay lạc thì cố gắng ăn lại và về thiên bàn sám hối. Cô nói biết đâu nơi đây sau này đông môn đồ sẽ có một ngôi Thờ Thượng Đế Chí Tôn cô có đọc lại bài tiên tri của ơn trên dạy tại Thánh Thất Hưng Đông

Hưng Đông là dòng nước Thánh.

Xẻ nguồn ra cho bá tánh được dùng.

Nhờ có cô vào thăm người thân và đạo hữu đã dìu dắt cả đại gia đình bà tôi về thiên bàn sám hối và nhập môn được 8 người với một số người bỏ chay cũng cùng về sám hối, một cơ duyên cho môn đồ.

Nói về bà tôi? Khi con cháu bà có một số lập gia đình có các cháu học hành khá giỏi và thành danh, nên bà an tâm trên bước đường tu học, lập công.

Bà thọ linh châu rồi tướng châu thường xuyên công phu tứ thời cùng về Thánh Thất sinh hoạt trong những ngày đàn lễ. Cũng như Họ Đạo tổ chức các đợt dự lễ khánh thành Ngôi Tam Đài Đạo pháp của các Họ Đạo bạn tổ chức, bà ít khi bỏ sót.

Bà tất mừng là chính quyền địa phương cấp đất để xây dựng Ngôi Tam Đài, có mơ cũng không bao giờ có. Nhưng hôm nay ước mơ thành hiện thật.

Khi công trình khởi công xây dựng, bao nhiêu tiền bạc bà dành được xưa nay, mà con cháu bà mừng tuổi trong dịp tết cổ truyền dân tộc bà công quả cho xây dựng. Có những lúc bà nhặt từng vỏ lon hoặc giấy đem bán được bao nhiêu thì bà cũng công quả có trên sáu triệu đồng. Đúng là bà bòn mót để làm công quả vì trong tâm của bà lúc nào cũng thuộc lòng câu mà bà đang thực hiện lời dạy của Đức Mẹ:

Tu đi một vốn mười lời.

Nhà băng thượng giới cha Trời giành cho.

Vì tuổi già sức yếu, bệnh tình không chừa một ai, trong đó có bà, con cháu nói với bà nếu bà không khỏe thì bà đọc bài kinh cứu khổ. Còn nếu không ngủ được thì niệm danh hiệu Thầy đến khi ngủ. Bà đã thực hiện như con cháu mong muốn hoặc là trước lúc ra đi mong bà cố gắng niệm danh hiệu Thầy. Sau cơn bệnh đầu bà đã qua khỏi.

Thế là bà khởi bệnh lại con cháu đưa bà vào bệnh viện để điều trị trong thời gian 14 ngày, bà báo trước là bà không ở côi trần này nữa. Bác sĩ biết bà không qua khỏi nên cho bà xuất viện về nhà, gia đình báo cho Ban trị sự đến để tiếp quy và lo hậu sự. Khi xe đưa bà về tới nơi chừng 1 tiếng đồng hồ dây chuyền dịch ngưng chảy BTS tiếp quy đọc được 2 lần thì dây chuyền dịch chảy lại, người bà như ấm lại, BTS tạm ngưng khoảng 20 phút sau bà thở một cái rồi dây chuyền dịch cũng ngưng chảy báo hiệu lần này bà đi.

Ban trị sự tiếp quy lần 2 thì miệng bà mấp máy luôn chỉ có con cháu mới biết bà đang niệm danh Thầy mắt bà từ từ nhắm lại, nhẹ nhàng

thanh thân ra đi trong tư thế như người nằm ngủ.

Xin kể lại một chuyện hy hữu khó tin mà có thật trong đám tang bà. Như có sự soi dẫn của thiêng liêng hộ trì cho những người tin Thầy mến Đạo đến phút lâm chung vẫn hưởng được ân huệ của Thầy.

Bất cứ một đám tang nào dù trong đạo hay ngoài đạo mọi người thường coi ngày liệm hoặc an táng. Nhưng gia đình bà có khác vì là một nhà tín đồ Cao Đài nhứt nhứt tin theo pháp môn của Đạo. Do Họ Đạo sắp xếp phù hợp với thời gian, tùy điều kiện mỗi gia đình.

Nếu tính theo tuổi hợp giờ khắc thì 3 giờ mới di quan nhưng gia đình không nhứt thiết. Trình xin Đầu Họ Đạo di quan 1 giờ. Đầu Họ Đạo thống nhất theo ý gia đình. Nhưng cũng có một số người phản ánh, đi giờ 1 giờ ai đưa hơn nửa trời nắng oi bức, 3 giờ mới di quan thì hợp với tuổi bà. Vì Họ Đạo với gia đình thống nhất là 1 giờ thiết nghĩ chúng ta là người đạo. Dẫu trùng tang hoặc gùi đi nữa đã có pháp môn trong độ sanh độ tử, một pháp môn tuyệt diệu không thể chống cãi được.

Người gia đình cũng bào chữa, nếu là con Thầy thì thầy sẽ che mát cho mà đi “Rời chuyện có thật”. Thời tiết của Miền Nam qua tháng 11 là đã hết mùa mưa. Đúng là tiết nắng của cuối tháng chạp, trời nắng chói chang lên đến 38 - 39 độ. Nhưng gia đình vẫn tin tưởng sẽ có sự hộ trì của thiêng liêng.

Một sự bất ngờ lại đến:

Vào lúc 12h 55 những đám mây bắt đầu che một vùng trời đen ngệt, một trận mưa trút xuống rất lớn khoảng 5 phút thì dứt cơn mưa và đúng 1 giờ Họ Đạo tổ chức di quan đến nơi an nghỉ tại nghĩa địa địa phương. Vừa hạ quan tã xong thì bầu trời trở lại âm u đen kịt báo hiệu cho cơn mưa sắp đến, những người lấp mộ vừa xong thì cơn mưa trút xuống rất lớn kéo dài gần tiếng rưỡi đồng hồ mới dứt mưa, nước hai bên đường lai láng chảy. Thêm một sự ngỡ ngàng cho mọi người chứng kiến sự kỳ lạ không một lời lý giải.

Tôi viết bài này trình bày thực tế, không thêm bớt hay ngụy biện. Đây cũng là một cơ duyên ai cũng mong có được, một sự kỳ lạ, sẽ đến với nhiều người tuyệt đối với Đức Tin trong pháp môn đạo pháp để được ơn cứu rỗi của Thầy trong kỳ ba đại ân xá này. ❸

GUƠNG HƯỚNG ĐẠO

Giáo sư THƯỢNG LONG THANH

(1924 - 2004)



Nhân ngày kỷ niệm 80 năm (1939 - 2019) thành lập Thánh thất Trung Hòa, Sống Đạo có bài viết giới thiệu hành trạng và đạo nghiệp Anh lớn Giáo sư Thượng Long Thanh - bậc Thiên ân suốt đời gắn liền những bước phát triển thăng trầm của bốn đạo Quảng Ngãi.

Giáo sư Thượng Long Thanh thê danh Phan Thanh Long, sinh ngày 23/02/Giáp Tý (1924) tại xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Thân phụ là cụ ông Phan Liễn, gia đình trung nông gặp đạo

Cao Đài từ năm Mậu Dần (1938) tại Thánh thất Nghĩa Lập của ngài Chánh Trân (Nguyễn Trân), thân mẫu là cụ Trần Thị Phụng, một thôn nữ thuần lương.

Tuổi thiếu thời, Phan Thanh Long là chàng trai trầm tính

chăm ngoan, theo học cả chữ Nho và quốc ngữ, dù thông minh lanh lợi nhưng chẳng qua thi cử, không cầu bằng cấp, quen cuộc sống hòa đồng, thân thiện với mọi người.

Tuổi trưởng thành cùng gia đình nhập môn Cao Đài giáo, như có duyên lành với cơ phổ độ, Anh lớn theo cha mẹ về châu lễ tại Thánh thất Nghĩa Lập cho quen kinh kệ và thấm nhuần các nghi thức tế lễ, phát tâm hồi hướng Thiêng liêng. Năm Kỷ Mão (1939), một số tiền bối tại Thánh thất Nghĩa Lập thuộc các xã Đức Thành, Đức Vinh, Đức Quang, Đức Tân... gồm chư vị Lê Đức, Lê Quang Viện, Trần Lạc, Phạm Duyên, Phan Liễn cùng một số bổn đạo Thánh thất Hòa An đồng tâm nhất ý tạo nên Thánh thất mới là Trung Hòa tại xã Đức Tân. Từ đây gia đình Anh lớn theo về tham gia sinh hoạt tu học Thánh thất Trung Hòa do đạo huynh Trần Lạc làm Chủ thất. Nhờ ơn lành, căn Thánh phát lộ, trải nhiều năm chí nguyện và sức trẻ của chàng trai Phan Thanh Long như chỉ tập ý vào chuyện nương nhờ nhà Thánh, say mê kinh kệ và học hạnh người tu.

Năm 1945, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc,

nhưng đời sống xã hội còn nhiều biến động, nhiều Thánh sở phải đóng cửa. Thánh thất Trung Hòa cũng không ngoại lệ, chư Hướng đạo thọ khảo nạn tù tội, cách trả nghiệp oan tiền kiếp của đồ chúng. Anh lớn cũng chung số phận nhưng chỉ thọ nạn nửa tháng. Con đường phổ truyền chánh pháp thật u ám, Thánh thất Nghĩa Lập và Hòa An bị chiến tranh thiêu hủy. Duyên may đến năm sau 1946, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có Quốc thư số 30/QH, do Chủ tịch Tôn Đức Thắng ký ngày 07/11/1946. Theo đó, Điều thứ 10 trong dự án Hiến pháp Việt Nam quyền tự do tín ngưỡng của công dân được công nhận, đạo Cao Đài được tự do hoạt động như các đạo khác.

Năm 1948, ngày 09/01/Mậu Tý, chư Hướng đạo bốn tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên về dự Hội nghị tại Thánh thất Trung An, Quảng Nam, thành lập Cơ Quan Truyền Giáo Trung Bộ do ngài Trần Nguyên Chất làm Hiệp lý. Sự kiện đặc biệt này hình thành cơ cấu nhân sự lãnh đạo các tỉnh đạo, sinh hoạt tu học dần đi vào nề nếp và bùng mở trang mới cho cơ Đạo miền Trung. Tại Quảng Ngãi, đạo

huynh Trần Duyên được Cơ Quan Truyền Giáo bổ nhiệm nhận lãnh sứ vụ Đầu tỉnh đạo. Qua nhiều năm tháng thử thách khắc nghiệt nhưng đức tin Thầy giữ đạo kiên trung, Anh lớn Phan Thanh Long vẫn nhất tâm hồi hướng tâm linh, tỏ rõ tâm huyết với cơ đồ Truyền Giáo. Năm 1950 được cử làm Trưởng ban Phở tế Thánh thất Trung Hòa. Năm 1954, cơ Đạo được phục hưng và phát triển thuận tâm đạo chúng, sinh hoạt đạo sự sôi nổi khắp mọi miền, nhiều giáo sở được trùng tu, tiếng chuông phổ độ lại ngân vang. Anh lớn nhận lãnh vai trò Trưởng ban Cai quản Trung Hòa, năm 1955 được Thiên phong Lễ sanh. Thời điểm này Cơ Quan Truyền Giáo kêu gọi toàn đạo chung sức lập công xây dựng Trung Hưng Bửu Tòa tại Tp. Đà Nẵng và hình thành Hội Thánh Truyền Giáo, sáng tỏ mô hình quyền pháp giáo hội. Năm Đinh Mùi (1967), Anh lớn được cử giữ phận sự Phụ tá Đầu Họ Đạo Thánh thất Trung Hòa. Thánh sở Trung Hòa được xây dựng nhĩ đài từ năm 1957. Mãi đến năm 1972, Anh lớn Thượng Long Thanh chủ xướng kêu gọi nhân sinh phát tâm lập công xây dựng nên ngôi Thánh

linh tam đài, tạo dáng vẽ uy nghi cho Thánh thất Trung Hòa cho đến ngày nay.

Từ năm 1975. Tỉnh Quảng Ngãi sát nhập với Bình Định lập nên tỉnh Nghĩa Bình, Hội Thánh cử Giáo hữu Ngọc Bình Thanh (1915-2007) làm Đầu tỉnh đạo Nghĩa Bình, Anh lớn Thượng Long Thanh đương nhiệm Đầu Họ đạo Thánh thất Trung Hòa đồng thời giữ trách vụ Đầu phòng văn kiêm Phụ tá Đầu tỉnh đạo. Người trực tiếp điều hành các đạo sự sinh hoạt tu học tại Quảng Ngãi. Đây là giai đoạn Anh lớn phải gánh nhiều cảnh khó, cán đáng nhiều việc chu toàn từ nội tình đến việc đối ngoại sao cho “trong ấm ngoài êm”.

Năm Kỷ Tỵ (1989), Quảng Ngãi được tách thành tỉnh riêng. Anh lớn được Hội Thánh bổ nhiệm làm Đầu tỉnh đạo, năm 1991 được cầu phong phẩm Giáo hữu. Qua nhiều thập niên, sinh hoạt đạo sự tại tỉnh nhà thiếu vắng nhiều nhân sự, đời sống nhân sinh quần quanh trong sự khổ, cơ cực... nhưng Anh lớn vẫn xả thân gánh hết mọi phiền lụy, giữ vững tâm trường phụng đạo, hướng dẫn bốn đạo lập công tu học, quyết tâm thực hiện đúng các chủ trương và

đường lối của giáo hội.

Năm 1996, Hội Thánh tổ chức Đại hội Nhân sinh lần I tại Trung Hưng Bửu Tòa, (Tp. Đà Nẵng). Đại hội thông qua Đạo quy và cơ cấu nhân sự lãnh đạo giáo hội, Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài được công nhận tư cách pháp nhân. (Theo Quyết định số 40/QĐ/TGCP, ngày 24/9/1996 của Ban Tôn giáo của Chính phủ). Anh lớn Thượng Long Thanh được cử làm Trưởng quản Cơ quan Hành chánh - kiêm nhiệm lãnh đạo Tòa Nội chánh. Ngày 25/8/Kỷ Mão (1999), trong đợt cầu phong thăng phẩm cho chức sắc lãnh đạo, Anh lớn bái mạng nhận phẩm quyền Giáo sư. Có căn duyên với Đại Đạo, từ tuổi trẻ đã học hạnh người chơn tu và dần thân hành đạo, trái tim Anh lớn đã thấm nhuần tinh thần vị nhân sinh, khí chất điềm đạm và kiên định nhưng lại kiêm nhiệm nhiều phận sự nên Anh lớn chưa thường trực tại Trung Hưng Bửu Tòa. Qua nửa thế kỷ nếm trải nhiều thử thách khắc nghiệt, thiên chức đặt lên vai Anh lớn ở vào tuổi gần 80, sức người bước vào thời cạn

kiệt vì nhiễm bệnh nan y nên quá khó chu toàn sứ vụ. Trọn một đời tu học, hướng công lập đức, đạo nghiệp Anh lớn đã được Thiên liêng điểm chỉ tại đàn ngày 01/6/Đinh Dậu (1957):

*Long hoa hội dễ gì được thấy,
Thấy được rồi rón lấy tu công;
Sớm chiều sửa hạnh rèn lòng,
Hiển thân cửa Đạo ân hồng
gội ban.*

*Cuộc đời là bãi thương tan,
Chỉ phương tu niệm là đàng
thoát mê.*

Đến đầu năm 2004, Giáo sư Thượng Long Thanh buông tay sự thế, an nhiên thoát trần trở về ngôi cựu vị. Anh lớn quy Tiên ngày mùng 3 tháng Giêng năm Giáp Thân. Đưa tiễn Anh lớn về với suối nguồn đạo pháp, Hội Thánh và bốn đạo đồng tâm thương cảm kính chiêu:

“Gánh Đạo chung lo, giáo pháp khai cơ cùng giáo hội. Sáu mươi năm quyết chí tu hành nay đã công tròn quả mãn.

Non Tiên hội hiệp, hồng ân tận độ chứng nhà Tiên. Tám một tuổi noi gương Đại Đạo buổi này đức trọng tình thâm.”



Giáo hữu BÙI ĐẶNG ĐÁN

Tháng 7 hằng năm toàn đạo hồi hướng truy niệm công đức chư Thánh Tông đồ. Ngày 30 tháng 7 kỷ niệm Anh lớn Bùi Đặng Đán đăng tiên, xin giới thiệu hành trạng và đạo nghiệp một bậc Thiên phong đại công.

Anh lớn Bùi Đặng Đán, tên thường gọi Thông Đán, sinh năm Tân Sửu ngày 05/11/1901 (Tân Sửu) tại làng Túy Loan, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam là con trai thứ 2 của cụ ông Bùi Hồ Trương và cụ bà



Đặng Thị Lan. Sinh trưởng trong một gia đình nông dân, nhưng vốn được truyền thừa tinh thần đạo đức Nho học qua nhiều thế hệ. Năm 1914, cùng gia đình về ngụ cư tại quận Hải Châu, Đà Nẵng.

Năm 1916, Anh lớn thi đỗ bằng Tiểu học và hai năm sau tốt nghiệp trường bán công ở Huế. Tuổi trưởng thành sớm biểu lộ đức cương trực, khí chất thẳng ngay và có khả năng thực thụ nên Anh lớn được bổ dụng làm công chức tại

sứ quán Phan Rang, Đà Lạt và sau làm đốc công sở Hỏa Xa theo đường Phan Rang, Đà Lạt.

Trong thời kỳ đeo đuổi theo sự nghiệp sanh tài, Anh lớn đã tỏ ra là người giàu lòng trắc ẩn, mến vật, thương người, hay giúp khó trợ nghèo.

Đặc biệt giỏi tài ngoại giao, sống bất thiệp thân thiện với mọi người, tạo nên sự mến thương, cảm phục và nhiều tín nhiệm với cộng đồng.

Đến năm Mậu Dần (1938) Anh lớn đắc cử vào Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng. Những năm tháng đại diện cho nhân dân, Anh lớn đã tỏ rõ nhân cách quan trường là người rất mực thanh liêm. Thời điểm này, tại xứ sông Hàn, Cao Đài giáo đang được truyền bá với sự bùng phát khá mạnh mẽ, lễ khánh

thành Thánh thất Trung Thành là sự kiện gây được nhiều chú ý, quan tâm của công chúng. Anh lớn bắt đầu tìm hiểu về tín ngưỡng của người Cao Đài. Duyên lành được nhiều lần tiếp xúc với quý tiền bối Hướng đạo như quý ngài Huỳnh Ngọc Trác, Trần Nguyên Chất, Nguyễn Chơn Khai, Nguyễn Như Sơ... và được giảng giải rõ ràng tôn chỉ mục đích cứu thế, độ đời của nền tôn giáo mới.

Nhân lúc Quyền Hội Thánh Trung Kỳ cử phái đoàn vào miền Nam dự lễ Long Vân độ cửu tại Thánh thất Vĩnh Nguyên Tự (tỉnh Long An). Chuyến đi do ngài Huỳnh Ngọc Trác làm Trưởng phái đoàn. Anh lớn tình nguyện xin được dùng xe nhà đưa phái đoàn đi. Khi đến Thánh thất Vĩnh Nguyên Tự, Anh lớn được cơ duyên tham dự hầu đàn cơ và như có phúc lành được điểm hồng danh... Ôn Trên giảng dạy một bài thi tứ tuyệt gọi thẳng Bùi Đăng Đán điểm danh trong bài thi. Nhân dịp hiếm có này, Anh lớn phát nguyện nhập môn ngay vào ngày mùng 01 tháng 4 năm Tân Tỵ (1941) dưới sự dẫn tấn của ngài Huỳnh Ngọc Trác. Khi Đại hội xong trở về Đà Nẵng, Anh lớn cố làm sáng tỏ căn duyên đặc biệt nên cùng với bốn đạo tại Trung Thành xả thân lo lập công bồi đức

tu học. Anh lớn được nhân sinh tin tưởng bầu giữ chức vụ Phó hội trưởng Thánh thất Trung Thành. Năm Bính Tuất (1946) cùng hàng ngàn bốn đạo di tản về sở nông Phước Hội (Tý Sé), huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Lúc đã ổn định đời sống tại sở nông, Anh lớn đã đồng hành cùng chư Hướng đạo chung lo đạo sự, được phân nhiệm làm thư ký cho Nông - Công viện...

Đến năm Mậu Tý (1948) hồi cư về Đà Nẵng trước cảnh nhà Thánh sụp đổ xiêu vẹo, bốn đạo thiếu nơi lễ bái chiêm ngưỡng. Anh lớn hiệp cùng quý đạo tâm Nguyễn Văn Tri, Nguyễn Văn Khanh, Nguyễn Văn Rế, Lưu Văn Quý, Nguyễn Văn Cường đồng làm đơn yêu cầu tòa sứ Pháp tại Đà Nẵng xin tu bổ sửa sang lại giáo sở để làm nơi thờ phượng lễ bái cho đạo hữu, khai thông các chương trình sinh hoạt tu học, nhưng chuyện này bất thành.

Bằng mọi cách phải tạo lập một địa điểm hội học, hội tu, quy tụ tinh thần toàn đạo lễ bái, hướng dẫn nhân sinh tu hành lập công. Anh lớn kêu gọi toàn đạo hữu về tư thất của mình tại đường Bạch Đằng tạm làm văn phòng Thánh thất. Lễ ra mắt Văn phòng được tổ chức rất trọng thể vào ngày 08/4/Kỷ Sửu (1949). Trong thời gian dài, địa chỉ này là nơi đón tiếp những đạo hữu

di tản các nơi nay mới hồi cư, cũng là mái nhà “tiếp tăng độ chúng”, nơi đi - về quen thuộc của quý tiền bối Hướng Đạo trong Nam, nơi tiếp đón chức sắc và bổn đạo các Thánh thất miền Trung lai vãng tạm trú.

Lúc bấy giờ đời sống xã hội tại Đà Nẵng lại bắt đầu thịnh vượng nên quý anh Lễ sanh Nguyễn Hậu, Nguyễn Thượng Khải hồi cư về tiếp tục hành đạo. Kết hợp chư vị Trần Cư, Bùi Đăng Đán, Lê Đức Chúc, Trương Biên Thùy v.v... làm đơn xin phường Phước Ninh khai hoang khoảnh đất trước đình Phước Ninh (đường Lê Đình Dương hiện nay) tạm làm Thánh sở. Được chính quyền phường Phước Ninh trả lời rằng: *“Khoảnh đất này vì lí do ở trước chùa và đình làng lâu nay có rất nhiều người xin mà hội đồng không cho. Nay ông Bùi Đăng Đán đại diện cho số anh em trong bổn đạo Cao Đài đứng đầu xin tôi rất nể và tạm cho làm chùa tạm phải xây mặt về hướng Đông chứ không được xây trước mặt chùa và đình làng và chỉ là xây cất tạm mà thôi”*.

Lúc này, Ban Chương quản Cơ quan Truyền Giáo cũng đặt văn phòng tại Thánh thất Trung Thành và Anh lớn là một cộng sự đắc lực. Đến ngày 28/9/Tân Mão (1951), Đại hội Nhân sinh, Anh lớn đắc cử vào Ban Chương quản với chức vụ

Trưởng ban kinh tài.

Năm Ất Mùi (1955), Anh lớn đại diện Họ đạo Trung Thành làm đơn xin hội đồng địa phương được mua và khai hoang, giải hóa khoảnh đất công để xây cất đền Thánh Trung Hưng. Nguyên vọng này được ông Nghĩa - Trưởng phường Thạc Gián chấp thuận nhưng cho đạo Cao Đài do Bùi Đăng Đán đại diện đứng đơn xin và xin nhận lãnh một đồng bạc làm danh dự mà thôi.

Sau sự kiện lành thánh này, Anh lớn phối hợp cùng quý đạo tâm Trần Mậu, Trần Cầu, Nguyễn Rế, Nguyễn Văn Tri, Nguyễn Văn Khanh, Trương Biên Thùy bắt đầu xúc tiến việc mua dây thép, cột tre, rào chung quanh, chặt phá lau lách, lấp đìa, hồ nương, thuê xe chở đất. Lại thiết lập dãy nhà trại để chứa vật liệu xây cất cũng là nơi nghỉ ngơi trưa, tối cho số đạo hữu về làm công quả.

Cơ Đạo miền Trung chuyển hướng bước sang trang mới, hình thành quyền pháp giáo hội, khởi công xây cất ngôi Trung Hưng Bửu Tòa. Nhờ uy tín, năng nổ và tài tháo vác công việc Anh lớn giữ chức vụ Trưởng ban tạo tác. Trọng trách lớn như khiến Anh lớn cả vui, lòng tràn đầy hào khí dốc hết cả nhiệt huyết, tài lực để chu toàn

phận sự. Trong suốt 6 tháng thi công ngôi Thánh linh, không lúc nào Anh lớn vắng mặt nơi công trường... Như thế là Anh lớn đã thực hiện đúng câu Thánh truyền:

*Một lòng vì đạo xả thân
Vì Thầy bao quản tảo tần lao lung.*

Sau ngày lễ khánh thành Trung Hưng Bửu Tòa, Anh lớn được Thiên phong Lễ sanh, việc tu học lập công càng nên phấn chấn. Đến năm Mậu Tuất (1958), Anh lớn được Thiên phong Giáo hữu. Từ đó về sau đạo huynh tiếp tục lập công hành đạo tại Hội Thánh.

Đàn Tý thời ngày 09/01/Quý Mão (1963) Đức Quán Thế Âm đến điểm đạo cho Anh lớn như sau:

*Ta bang xuân pháp đến trò tu,
Đán mắt về sau phải thỉnh cầu;
Chào các nữ nam khuyên
gắng hiểu,
Bụi đời nghi ngút biết là đâu.*

Trong thời gian này Anh lớn tiếp tục tu học lập công tại Thánh thất Trung Thành, được thọ tâm pháp tu châu và chuyên lo tạo lập Tịnh thất Trung Thành. Năm Giáp Thìn (1964), khánh thành Tịnh thất Trung Thành. Vào ngày 15/7/Giáp Thìn Đức Ngô Tôn Sư đã ân phong Anh lớn làm chủ Tịnh thất Trung Thành chăm lo việc trao truyền các kiểu tu

cho người có duyên với tâm pháp.

On Trên đã tiên tri điểm phê tâm đạo cho Anh lớn vào đêm 01/3/Nhâm Dần (1962) như sau:

*Đán lúc nên vai kẻ xóc gánh,
Để cùng lo nghiệp Thánh
huy hoàng;*

*Làm người vẹn giữ tứ đoan,
Ngôi xưa vị cũ xe loan mời về.*

Thế rồi vì định mệnh đã an bài vào ngày 30 tháng 7 năm Bính Ngọ (1966) Anh lớn được về hội hiệp Thầy Mẹ. Tang lễ Anh lớn được chư tiền bối Hướng đạo, chức sắc Lưỡng đài, Lưỡng phái, chư chức sắc chức việc và toàn đạo gần xa của các Tỉnh đạo, các Họ đạo đều thương tiếc đến chia buồn và phúng điệu. Ngày Anh lớn được Thánh hòa về cõi thọ vĩnh hằng, tang lễ được tổ chức trọng thể và số môn đạo đưa tiễn linh cửu đông chưa từng thấy.

Qua mấy mươi năm tu học lập công Anh lớn đã thể hiện được đức độ trọn vẹn với đấng Cha lành. Một đời tu học và chí tâm hành đạo đã chứng tỏ được tinh thần khiêm nhả mà kiên định, Anh lớn còn bộc lộ rõ ý chí bất khuất với bao nhiêu nghịch cảnh thế tình, vì nhân sinh quên thân phụng đạo, giúp đời.

LỄ MỪNG THỌ NĂM NAY TẠI HỌ ĐẠO TRUNG MINH

Hàng năm vào mùa Trung nguyên Địa quang xá tội, Họ Đạo Trung Minh tổ chức lễ mừng thọ cho quý bậc tôn trưởng cao niên trong Họ đạo, với tinh thần:

Tri ân báo hiếu là nghĩa vụ hằng ngày trong mỗi người chúng ta. Tuy vậy, đối với Họ Đạo Trung Minh sinh hoạt tại một thành phố công nghiệp, với nhịp sống hối hả và vòng quay cuộc sống, không phải con cháu nào cũng có những điều kiện để hằng ngày chăm nom trực tiếp cho ông bà, cha mẹ, hay ghé đến thăm các

bậc tôn trưởng cao niên trong Họ đạo. Có nhiều bậc tôn trưởng cao niên hiện tại vì lý do sức khỏe không thể về Thánh thất, hoặc về nhưng chúng con không có điều kiện để bày tỏ tình cảm của mình. Đôi khi con cháu hiếu thảo muốn tổ chức mừng thọ cho ông bà cha mẹ nhưng điều kiện về hoàn cảnh, về không gian... không cho phép để có một buổi lễ.

Với mong muốn chia sẻ những khó khăn đó, Họ đạo Trung Minh tổ chức lễ mừng thọ vào mùa tri ân báo hiếu hằng năm, nhằm tri ân công đức của quý bậc tiền nhân. Đối với mỗi người con cháu, lễ mừng thọ là



dịp để con cháu bày tỏ tình cảm của mình đối với các đấng sinh thành, quý bậc tôn trưởng cao niên trong gia đình và trong Họ đạo. Là dịp để thông qua những tấm thiệp, những đóa hoa chúc thọ, chúng con đến thăm trực tiếp quý vị cao niên mà trong năm ít có dịp chúng con đến thăm được. Là dịp để trong gia đình chúng ta gồm nhiều thế hệ ông bà, cha mẹ, con cháu cùng về nhà Thánh, cùng giao lưu với những gia đình khác. Lúc đó sẽ tạo nên một đại gia đình Trung Minh trong tinh thần tri ân báo hiếu, hòa hiệp và hơn nữa là đại đồng sơ bộ.

Tuy là lễ chỉ tổ chức vào một buổi sáng Chủ nhật, thường là sau ngày rằm tháng bảy âm lịch, nhưng trước đó các bạn trong Gia Đình Hưng Đạo Trung Minh, các bạn trong Tập thể Tu Tập Sinh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã chuẩn bị từ rất sớm. Những cánh thư mời được các bạn trẻ hay Ban Trị sự gửi đến quý bậc cao niên đã mang theo nhiều tình cảm dạt dào.

Cánh thư năm 2019 bay đi mang theo những niềm tâm sự:

Đạo hiếu là đạo thường hằng trong con người, vì vậy mà bài Thánh giáo bửu cáo - kinh nhật tụng của Cao Đài dạy: Khai nhơn tâm tất bốn ư đốc thân chi hiếu (Khai mở tâm trí con người, cần lấy việc hiếu thảo làm căn bản). Một biểu hiện rõ nhất của đạo hiếu là phận làm con cháu phải thường xuyên quan tâm thăm hỏi ông bà, cha mẹ. Người Việt thể hiện tinh thần này qua câu ca dao:

*Mẹ già ở túp lều tranh,
Sớm thăm, tối viếng mới đành dạ con.*

Trong cuộc sống không phải ai cũng có điều kiện sớm thăm, tối viếng các đấng sinh thành của mình, hoặc tổ chức chúc thọ cho ông bà, cha mẹ.

Trong nhà Đạo, ngoài tình cảm gia đình còn có tình đồng đạo. Đồng đạo là những người cùng lý tưởng và nguyện đi theo lý tưởng này với chúng ta đến cuối cuộc đời. Cũng như người thân trong gia đình, không phải ai cũng có dịp đến thăm các bậc tôn trưởng cao niên, những người đã trực tiếp hoặc gián tiếp giúp mình trên con đường tu học.

Một cánh thư cũ hơn vào năm 2011 còn ẩn chứa một tình cảm riêng tư của một người con đối với mẹ mình:

Mùa thu tiết trời dịu mát dễ làm cho con người tĩnh lặng. Tĩnh lặng giúp mọi người hồi tưởng và nhớ ơn tiền nhân, nhớ ơn ông bà cha mẹ. Có người trong đêm mưa thu đã xúc động:

*Trời thu mưa nhẹ gió lay,
Thu khuya vắng mẹ đêm chầy chầy trôi.
Con tim rung động bồi hồi,
Nhớ về năm cũ không nguôi bóng người.*

Phải chăng vì thế, mùa báo hiếu thường được tổ chức lúc thu sang? Vào mùa thu, Phật giáo có sinh hoạt “Vu lan báo hiếu”, Cao Đài giáo chúng ta có mùa Trung ngươn Địa quang xá tội và Hộ Đạo chúng ta có sinh hoạt “tri ân báo hiếu”.

Các bạn trẻ khi đi gửi thư mời quý bậc tôn trưởng cao niên dự lễ còn mang theo một hoài vọng là ghé thăm quý vị, vì biết chắc nhiều vị không đến dự được. Trong lần đến nhà một đạo huynh có tuổi khoảng 90, các bạn đến lúc 7 giờ tối. Ánh sáng dẫn vào nhà đạo huynh là ngọn đèn đường leo lắt. Khi vào đến nhà thì nhà cũng không sáng hơn, và đôi mắt của đạo huynh thì không còn nhìn thấy ai nữa. Tuy nhiên khi được con cháu giới thiệu là có các em ở Thánh thất Trung Minh đến thăm và mời dự lễ mừng thọ là đạo huynh ngồi phất dậy. Sau khi trả lời những câu hỏi thăm sức khỏe của các em là đạo huynh kể về cuộc đời tu học của mình. Bao nhiêu kỷ ức về việc xây dựng Thánh thất trong thời kỳ khó khăn lại hiện về. Các em lại được nghe các tên như: Anh Giáo Tiến, Anh Sáu Thanh Long mà ra đường các em phải hỏi lại.⁽¹⁾ Trên đường về các em không khỏi ngậm ngùi về quý đạo hữu khai mở Hộ đạo Trung Minh lúc trẻ đã khó khăn mà cuối đời cái khó vẫn cứ đeo mãi, nhưng trên hết là tấm lòng son vì Thầy vì Đạo của quý vị. Nhiều năm trôi qua đạo huynh bây giờ đã về với Thầy nhưng chúng em vẫn còn nhớ mãi về buổi tối hôm đó.

Trong một lần khác đến thăm và gửi thư mời cho đạo huynh có tuổi đời cao nhất của Hộ đạo. Đạo huynh lúc đó đã ngoài 100 tuổi. Trên tường nhà có nhiều khánh chúc thọ của hội người cao tuổi các

⁽¹⁾ Anh Giáo Tiến là Anh Lớn GS Thượng Tiến Thanh Đầu Hộ Đạo Thánh thất Trung Minh. Anh Sáu Thanh Long là Đạo trưởng Thanh Long Lương Vĩnh Thuật.

cấp. Đạo huynh có con cháu đang sống ở nước ngoài, có công ăn việc làm tốt. Nhưng đạo huynh không muốn đi với con cháu ra nước ngoài vì nặng tình với quê hương, với Đạo, với người con gái không khỏe mạnh như người khác. Khi tiếp chuyện với các em đạo huynh chỉ nói một mong muốn là được thường xuyên về Thánh thất để lễ Thầy và gặp đồng đạo, nhưng không đi lại được. Chúng em được biết, lúc còn khỏe đạo huynh đã về Thánh thất để lại di nguyện là lúc mất được làm tang lễ theo tân pháp của Thầy. Hôm tiếp các em đạo huynh cũng nói lại mong muốn này, và nhắc ngày đó các cháu nhớ đến. Sau câu nói của đạo huynh các em từ giã ra về. Nhìn vào ánh mắt của đạo huynh, ánh mắt yếu ớt của đạo tỷ con gái đạo huynh như muốn nói các em hãy ngồi thêm chút nữa. Nhưng các em cũng đành ra về vì không biết làm gì hơn ngoài lời động viên tinh thần đến đạo huynh và đạo tỷ. Rồi con hẻm trong một chiều mưa nhẹ, anh em chúng tôi thật không thể lý giải nổi thế nào là hạnh phúc ở cuộc đời này? Lén quay lại nhìn vào nhà đạo huynh, vẫn hai bóng người yếu ớt ngồi như lúc trước, lòng tôi chỉ hiện về những câu thơ trong bài văn đượm buồn nhất của Nguyễn Du:

*Tiết tháng Bảy mưa dầm sùi sụt,
Toát hơi may lạnh buốt xương khô,
Nào người thay buổi chiều thu,
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng.
Đường bạch dương bóng chiều man mác,
Ngọn đường lê lác đặc sương sa,
Lòng nào là chẳng thiết tha,
Côi dương còn thế nữa là côi âm.*

Nhưng rồi những nỗi buồn riêng lẻ đó cũng qua đi, các em tiếp tục lo những phần việc còn lại mà Họ đạo đã giao để tổ chức lễ mừng thọ.

Vào sáng ngày 25 tháng 7 năm Kỷ Hợi vừa qua, cũng như mọi năm lễ hội mừng thọ được tổ chức. Nói là lễ nhưng nặng về phần hội hơn, nên từ sáng sớm đã có những gia đình với bốn thế hệ mang theo hoa, quà, có em trong các bộ dạ hội lộng lẫy về Thánh thất. Trong số này có những em rất bỡ ngỡ với sinh hoạt nhà đạo, sinh hoạt Gia Đình Hưng Đạo. Vì các em bận đi học nên trong năm chỉ về Thánh thất vài lần,

trong đó có ngày mừng thọ cho ông bà. Sau lễ, trước khi theo gia đình ra về các em có hứa với các anh chị trong Gia Đình Hưng Đạo là sẽ tham gia sinh hoạt sau khi học xong, hoặc sắp xếp được việc học.

Mở đầu lễ mừng thọ là lời chào mừng của Ban tổ chức:

*Ơn cha lành cao như núi Thái,
Đức mẹ hiền sâu tựa biển khơi,
Dù cho dâng trọn cuộc đời,
Cũng không trả hết ơn người sanh ta.*

Kính thưa quý vị!

Tri ân báo hiếu không chỉ là bổn phận dành riêng cho những người cùng huyết thống, giữa con cháu đối với ông bà cha mẹ mà còn là bổn phận trong huynh đệ đồng Đạo, giữa tín hữu đối với quý bậc bề trên trưởng thượng.

Nhận thức được mối thâm tình và những ơn ích mà đàn hậu tấn chúng ta đã và sẽ thọ nhận từ thế hệ đi trước nên từ nhiều năm nay Lễ Mừng Thọ là một trong những Hội Lễ quan trọng của Họ Đạo Trung Minh. Đây là dịp mà gia đình và bổn đạo thể hiện sự tôn kính và biết ơn quý bậc tôn trưởng, quý vị cao niên. Đây cũng là dịp giúp cho con cháu chúng ta ý thức được mối dây liên hệ và nghĩa cử cần có trong dòng huyết thống tông môn.

Sau khi quý đạo hữu dự lễ lên Bửu điện đánh lễ Đức Chí Tôn, là chúc từ của Đạo huynh Đầu Họ Đạo:

Lễ Mừng thọ hằng năm của Họ Đạo Trung Minh vừa để tri ân người đi trước, vừa để bày tỏ sự vui mừng khi còn được cùng nhìn thấy nhau trong mái nhà Thánh, nhắc nhở nhau về mối dây huynh đệ giữa tiền bối và hậu tấn, giữa những người cùng chung lý tưởng, và chuyển ngọn lửa yêu thương đến với con cháu.

Thay mặt Họ Đạo tề đệ nguyện xin Thầy Mẹ và các Đấng Thiêng liêng ban bố hồng ân cho quý vị: tuổi thọ thêm cao, đời sống tinh thần ngày thêm tinh tấn an lạc, con cháu biết khắc phục nhược điểm cá nhân, nâng cao nghị lực để có thể tu học tích cực hơn.

Sau đó là phần hội, với nhiều lời chúc tụng cùng những bó hoa tươi

thăm, các phần quà xinh đẹp được con cháu và đồng đạo kính dâng lên quý bậc cao niên với lòng biết ơn chân thành. Xen vào chương trình là những điệu múa, bài hát rất hồn nhiên, chan chứa tình thương yêu hoặc sâu sắc tạo nhiều cảm xúc về mối tương liên thế hệ và mạch sống nhân sinh. Có những người không thể dự lễ được thì gửi những cánh thiệp và lời chúc tụng đến cho Ban tổ chức chuyển đến quý bậc cao niên. Có người ở xa hơn không thể gửi được thì gọi điện về, thật là náo nhiệt. Lời lẽ tuy ngắn gọn: *Chúng con kính chúc ba mẹ khỏe, sống lâu với con cháu; cháu kính chúc bà ngoại khỏe sống lâu 100 tuổi; cháu kính chúc cô (dì, chú, bác) mạnh khỏe...*, nhưng chứa nặng ân tình.

Buổi lễ hội được khép lại bằng tiệc ngộ trai thanh đạm. Bữa ngộ trai cũng khác so với các ngày đàn lễ. Có bàn là một đại gia đình gồm bốn thế hệ cùng ngồi, có bàn là hai hay ba gia đình cùng giao lưu. Ngoài sân Thánh thật nhiều em nhỏ bê khệnh khạng các phần quà giúp ông bà để mang ngược trở về nhà.

Thành viên Ban Tổ chức Lễ mừng thọ Trung Minh-2019 tổng hợp.



Cầu nguyện

MAI HẬU

*Nhớ lại những ngày ở Mai Gia Trang
Ba đi rồi Mẹ phải cưu mang
Thân gầy yếu lo toan hai nhiệm vụ
Nhưng On Trên không bao giờ phụ
Những người có tâm đạo chí thành
Những người có quyết chí tu hành
Nên Ngài đã tiếp thêm sức mạnh
Vượt qua bao nhiêu góc cạnh
Cuộc sống vốn đã gian nan
Nhưng Mẹ không hề để đứt đoạn hay dở dang
Mà một lòng nương theo lời kinh tiếng kệ
Mẹ đã trở thành người như thế
Niềm vui của Mẹ bây giờ là những ngày dâng lễ
Quỳ dưới chân Thầy dâng trọn một niềm tin
Rồi những khi chỉ có một mình
Mẹ suy tư về những điều trần trở:
Nếu mai này Mẹ ngừng hơi thở
Để trở về với buổi nguyên sơ
Thì ai là người lo nhiệm vụ kính thờ
Để mới Đạo Thầy trong gia đình không dang dở ?
Nghĩ như vậy, nhưng Mẹ không hề than thở
Chỉ một lòng cầu nguyện với On Thầy
Cầu sao cho con Mẹ đổi thay
Chúng nó biết quay về với Đạo
Con của Mẹ có những đứa rất là hiếu thảo*

Nhưng nó không hiểu hết tâm ý của Mẹ đâu
 Vì trong cuộc sống bể dâu
 Nó mãi mê đeo đuổi màu danh lợi
 Biết như vậy nhưng Mẹ vẫn hằng mong đợi
 Đợi đến khi tóc bạc mắt mờ...
 Rồi một ngày Mẹ tưởng như mơ
 Lời cầu nguyện kia đã trở thành hiện thực
 Con của Mẹ có đứa đã quay về với lẽ thật
 Với tình thương rộng mở bao la
 Lời nói của Mẹ bao giờ cũng thiết tha
 “Con ơi! Phải luôn cố gắng
 Con đường tu cũng có nhiều vị đắng
 Đó chưa hẳn là một đường thẳng đâu con
 Nhưng dù phải lên núi hay xuống non
 Mẹ mong con đừng nản chí” .

Về với mẹ

THÙY DƯƠNG - TRUNG THANH

Hôm nay đây con xin về với mẹ
 Vì cuộc đời có lắm nỗi gian truân
 Mỗi bước đi là mỗi bước ngấp ngừng
 Quay đầu lại chỉ là màu áo trắng
 Say mùi đạo biết nếm mùi cay đắng
 Hiểu mùi đời phải gạn đục khơi trong
 Phải để tâm thanh tịnh được an lòng
 Và nguyện mãi con xin về với mẹ.

Thu

NGUYỄN THỊ SEN - LINH BÙU

*Thu về cảnh trơ lá
Một màu vàng êm ả
Thu về mang nắng dịu
Khung trời trong bao la.*

*Mùa thu đi qua sông
Những con sóng bênh bồng
Thuyền ai khua lướt sóng
Êm đêm trong mênh mông.*

*Mùa thu trôi về đâu
Để ta nguôi cơn sầu
Thời gian như vội vã
Cuộc đời lắm bể dâu.*

*Thu lướt qua tay em
Biết bao nhiêu khát thèm
Trải dài trang sách nhỏ
Cho đời em vươn lên!*

*Thu ơi! Thu còn đó
Đèn nhà ai sáng tỏ
Văng vẳng đêm câu hát
Dịu dịu mấy câu hò.*

*Âm vang thu, mùa thu!
Đời mặc ai! Mịt mù
Vẫn vội vàng đếm bước
Niu kéo hoài thu thu.*

Vườn lòng mùa thu

TRẦN DÃ SƠN

*Vườn hôm đó có tiếng chim đương gáy
Tôi chợt thấy thời gian không dừng lại
Thì tình quê biết sẽ mỏng hay dày
Và lòng người có theo lá Thu bay?*

*Vườn hôm nay cũng tiếng chim đương gáy
Thời gian công tuổi đời đi mãi mãi
Nhưng tình quê vẫn ấm áp trong lòng
Dù lá vàng trước gió rụng song song*

*Lá vàng rụng nghĩa là mùa Thu tới
Mùa thi nhân đương nhớ thương vơi vợi
Hay cảm hoài thành giai điệu mệnh mông
Là mùa trăng Kim Mậu tôi chờ mong*

*Mùa cầu nguyện cho người người thanh tịnh
Quên thù hận và thôi đừng toan tính
Lòng theo trăng mát diệu cả không gian
Tình theo trăng thương cõi thế làm than*

*Dù trong vườn tiếng chim không còn gáy
Hình hài cũ chẳng bao giờ trở lại
Nguyện hồn linh là một đóa hương đương
Ngược trông theo ánh sáng tự thiên đường*

*T.D.S
2019*

Giữa cuộc đời thường

*Qua tôi là một kiếp người
Qua năm tháng có buồn vui đời thường
Tôi cảm tôi với gió sương
Tôi cảm tôi với mười phương mặt trời*

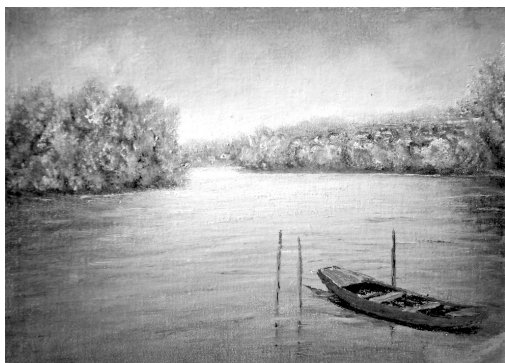
*Ngồi nhìn những hạt mưa rơi
Hạt mưa lạnh, vỡ ướt đời hoang vu
Đội mòn vách đá thâm u
Nghe âm vang mãi lời ru đại ngàn*

*Luân hồi chi kiếp lang thang
Dấu chân du mục, địa đàng nơi đâu/?
Tài hoa chưa bạc mái đầu
Cỏ trên mồ đã nhuộm màu thời gian*

*Đời sao còn lắm đa đoan
Hai bàn tay nín thở nằn lốn lên
Yêu người đâu hỏi tuổi tên
Yêu đời đâu nệ nổi nênh cuộc trần*

*Qua tôi là kiếp phù vân
Qua năm tháng có nợ nần trả vay
Xin chào nhau ở chốn này
Chào bình minh đến sáng đầy mắt ai*

*T.D.S
23-5-2019*



Bến quê

VỖ VĂN PHO

*Thôi rồi - đò đã trôi xa!
Lênh đênh biển cả biết là bến đâu?
Sóng ơi! Sao sóng bạc đầu
Phải chẳng sóng nhớ rất lâu quê nhà.
Kể từ lúc bước bốn ba
Suối sông quyến rũ mà ra nổi chìm
Nắng mưa xuôi ngược kiếm tìm
Có - không cũng mệt mỏi im lặng rồi .
Chơn kinh thấm lãng lòng tôi
Quày đầu gặp bến có xa xôi gì
Vội vơi trời nước hê chi
Thuyền từ luôn rước khách si mê về.
Mẹ Cha thương ở cận kề
Đường xưa lối cũ, bến quê vẫn chờ
Nhanh lên! Thôi chớ thần thơ
Một đời vay mượn vu vơ - đủ rồi!*

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

TRẠI THÂN HÒA 7

Ngày 13 và 14/7/2019 trại Thân Hòa 7 được tổ chức tại Khu du lịch sinh thái Suối Lương (Tp, Đà Nẵng). Với chủ đề “Theo bước đàn anh”.



Thân hòa là trại truyền thống ngành Thanh và Thiếu của 6 GDHĐ thuộc thành đạo Đà Nẵng gồm Trung Thành, Trung Đồng, Liên Hòa, Trung Bửu, Trung Sơn và Trung Hải. Tham gia trại có 40 Trưởng hướng dẫn và 145 trại sinh. Trưởng Phan Minh Trường (Điều phối viên khu vực Đà Nẵng) làm Trại trưởng. Chương trình trại được nhấn mạnh việc tổ chức Lễ tuyên hứa: Lên Thiếu cho các Đồng sinh và lên Thanh cho các Thiếu sinh. Theo truyền thống trại Thân Hòa tạo môi trường giao lưu học tập, gắn kết tình huynh đệ và đánh giá quá trình sinh hoạt tu học, rèn luyện kỹ năng, tu dưỡng sống đạo của các đoàn sinh trong thời gian qua.

Chủ đề trại “Theo bước đàn anh” được thể hiện sáng tạo với những tiết mục trò chơi thi đua. Các trại sinh đã chấp hành nghiêm túc tuân thủ nội quy trại về chuẩn Đoàn phục GDHĐ theo chủ trương của ban phụ trách đề ra và phát động (áo tam thanh, quần tây xanh, giày bata, mũ lưỡi trai xanh, khăn quàng xanh, băng tên, tua vai, cầu vai, cờ đội, toán...)

Đêm lửa trại với nghi thức rước đuốc đã thể hiện tinh thần truyền thừa, bước tiếp bước - tay chung tay. Các trại sinh thể hiện được sự hòa ái, vui vẻ khi giao lưu đúng với tên trại “Thân Hòa”.

TRẠI ĐỒNG TÂM II

Ngày 13 và 14/7/2019 trại Đồng Tâm 2 được tổ chức tại Nhà thờ Ka Đơn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đồng Tâm là trại truyền thống của tuổi trẻ Cao Đài vùng Tây Nguyên, do các GDHĐ Thánh thất Trung Dương, Trung Hòa, Trung Phước An và Trung Điền phối hợp tổ chức. Trại Đồng Tâm II là trại hợp bạn, trao

đôi kinh nghiệm hướng dẫn sinh hoạt tu học, biểu dương tinh thần sống đạo “theo bước đàn anh”, tập sống tinh thần sẵn sàng giúp người, học đạo và phụng đạo. Trại tập trung hơn 120 trại sinh tham



gia. Ngoài những trò chơi cộng đồng mở rộng vòng tay kết thân giao lưu, chương trình trại còn tổ chức thi tìm hiểu giáo lý Đại Đạo. Đêm lửa trại thấp sáng từ nhiều ngọn đuốc thiêng, biểu lộ chủ đề “Thấp lửa đức tin”.

LỄ KỶ NIỆM 20 NĂM THÀNH LẬP GDHĐ TRUNG QUANG BÌNH

Ngày 20 tháng 7 năm 2019 (18/6/Kỷ Hợi), tại Thánh thất Trung Quang Bình, Gia Đình Hưng Đạo đã tổ chức lễ kỷ niệm 20 năm Thành lập với chủ đề “20 năm một chặng đường, nhìn về quá khứ - viết tiếp tương lai”.



Đến tham dự Lễ có chức sắc Đại diện Hội Thánh tại Quảng Nam, Huynh trưởng Trưởng Ban phụ trách GDHĐ, Huynh trưởng Điều phối viên GDHĐ khu vực Quảng Nam, quý Trưởng trong Ban hướng dẫn các GDHĐ Hội An, Quảng Hòa, Thanh Quang, Trung Nguyên. Các GDHĐ Trung An, Trung Kiên, Trung Đức cũng gửi lời chúc mừng... cùng toàn thể chức sắc, chức việc, đạo tâm trong Họ đạo và hơn 80 đoàn sinh, hiện diện khoảng 150 người

Với chủ đề “20 năm một chặng đường, nhìn về quá khứ - viết tiếp tương lai” Trưởng Nguyễn Phước Minh - Trưởng ban Hướng dẫn sơ lược đôi nét về sự hình thành và phát triển của GDHĐ trong hơn 20 năm qua. Cựu trưởng Nguyễn Thành Phương thay mặt cho toàn thể

anh chị em cựu đoàn sinh có bài phát biểu chúc mừng và hồi tưởng những kỉ niệm trong những ngày đầu hình thành GĐĐC. Hai mươi năm hình thành và tạo tiền đề cho những chương trình sinh hoạt tu học hướng đến sự phát triển trong tương lai. Đoàn sinh GĐHĐ Trung Quang Bình nguyện đi đúng theo định hướng phát triển chung của tuổi trẻ Cao Đài Truyền Giáo.

*“20 năm một chặng đường
Nhìn về quá khứ thấm yêu thương
Gian lao khổ nhọc bền tâm Đạo
Viết tiếp tương lai những chặng đường”.*

LỄ TỔNG KẾT KHEN THƯỞNG NĂM HỌC 2018-2019

Ngày 21/7/2019, Quỹ Khuyến Học đã tổ chức lễ tổng kết - khen thưởng năm học 2018-2019, tại TT. Từ Vân (Phú Nhuận, Tp. HCM).

Tổng kết - khen thưởng là lễ truyền thống hằng năm do Quỹ Khuyến Học dành cho các em học sinh phổ thông các cấp thuộc ba Họ đạo Từ Vân, Trung Minh và Trung Hiền. Năm nay có 156 học sinh được khen thưởng. Chương trình khen thưởng được thực hiện với chi phí 35 triệu đồng.



LỄ KỶ NIỆM 80 NĂM THÀNH LẬP TT.TRUNG HÒA

Ngày 09/7/Kỷ Hội (09/8/2019) Lễ kỷ niệm 80 năm thành lập Thánh thất Trung Hòa và 60 năm xây dựng ngôi tam đài được tổ chức long trọng tại huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi. Thành phần chứng lễ có chức sắc lãnh đạo Hội Thánh Truyền Giáo, Đại biểu chính quyền các cấp sở tại, đại diện các tôn giáo và đông đảo bôn đạo.

Đạo Cao Đài truyền bá về Quảng Ngãi từ năm 1934 và hình thành các Thánh thất Hòa An (Đức Chánh, Mộ Đức), Thánh thất Nghĩa Lập và Thánh thất Bồ Đề. Đến năm 1939, Thánh thất Trung Hòa được thành lập tại Đức Tân. Năm 1959, Thánh thất Trung Hòa khởi công xây dựng

ngôi tam đài. Trải qua 80 năm thực thi quyền pháp giáo hội, lịch sử truyền đạo của Trung Hòa vượt qua nhiều chặng đường biến động thăng trầm. Nhưng ngôi Thánh linh Trung Hòa vẫn sừng sững uy nghi trước mọi thử thách, khẳng định nguồn mạch Đạo pháp trường lưu.



Tám mươi năm là dấu mốc đặc biệt cho nhân sinh áo trắng truy niệm công đức chư Tiên bối, hồi hướng tri ân chư Thánh Tông Đồ. Bồn đạo Trung Hòa nguyện sống trọn lành trong Thánh thể Đức Chí Tôn, khâm tuân đạo pháp và góp phần chu toàn sứ mạng Trung Hưng.

LỄ KỶ NIỆM CHƯ THÁNH TÔNG ĐỒ

Ngày 10/7/Kỷ Hợi (10/8/2019) Lễ kỷ niệm chư Thánh Tông Đồ được Hội Thánh Truyền Giáo tổ chức tại Linh Tháp (thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi). Chương trình lễ hồi hướng tri ân chư Thánh Tông Đồ có chức sắc Lương đài Hội Thánh, chức sắc Đại diện HT các tỉnh thành, Đại biểu chính quyền các cấp và bồn đạo khắp nơi về tham dự. Đêm mừng 09/7/Kỷ Hợi, lễ thấp nền hồi hướng, dâng hoa tưởng niệm công đức và đạo nghiệp các bậc thừa sai đã hy sinh phụng đạo diễn ra một cách tôn nghiêm, thành kính với khoảng một ngàn người tham dự.

TRẠI HUẤN LUYỆN KHOÁ TU TẬP PHỔ TẾ VIÊN DỰ BỊ - DƯƠNG ĐÔNG 3

Ngày 03&04/08/2019, Ban Phụ Trách GDHĐ tổ chức Trại Huấn Luyện Dương Đông 3 tại Thánh xá Khái Tây - Họ đạo Trung Thành và Khu du lịch Paradise Vũng Tàu dành cho khóa sinh ở hai khu vực. Khóa Dương Đông 3 khai giảng vào ngày 02/12/2018 với tổng số 179 khóa sinh theo học. Số lượng khóa sinh đủ tiêu chuẩn tham dự Trại Huấn Luyện là 169 em và tham dự thực tế là 152 em (khu vực 1 là 98 em, khu vực 2 là 54 em).

Sau kỳ Trại Huấn Luyện các em khóa sinh phải tham gia thực tập tại



các Vườn, Đoàn, hoặc Tập thể Tu Tập Sinh trong thời gian 06 tháng. Dựa vào kết quả thực tập, Ban Chủ nhiệm sẽ xét tốt nghiệp cho các em và dự kiến Lễ Tốt Nghiệp sẽ diễn ra tại Trung Hưng Bửu Tòa.

Cùng các hoạt động trong kỳ trại, Ban Phụ Trách đã sử dụng các nội dung truyền thông thông qua các phần mục để tạo ấn tượng cho khóa sinh theo phương châm “Nhất tâm tiếp bước”. Theo đó, tất cả các khóa sinh từ khi đặt chân đến đất trại và kết thúc hành trình đều phải trải qua diễn tiến:

1. Diệt trừ ngã mạn, tư tâm
2. Lên núi Dương Đông theo Thầy học đạo
3. Nhập cuộc Dương Đông dâng mình cho lý tưởng
4. Xác định bản thân với nghiệp Trưởng
5. Thắp sáng trí tuệ - Nung cháy niềm tin
6. Hứa nguyện Phụng Sự
7. Vượt qua khảo đảo thử thách trên hành trình làm Trưởng
8. Tỉnh sát tâm trí
9. Dầu ấn Dương Đông 3
10. Trọn lòng tin cầu ơn Thầy trên từng bước hành trình

Thông qua đó, Kỳ Trại Huấn Luyện tập trung trau dồi tác phong, hun đúc đức tin và truyền thụ các kỹ năng của nghề Trưởng cho khóa sinh. Kết thúc kỳ trại, các trại sinh có thực hiện phần viết cảm tưởng, hầu hết các em đều ấn tượng tốt đẹp và tăng huy tinh thần phụng sự.

TTS TP.HCM TỔ CHỨC GIÚP ÍCH HÈ NĂM 2019

Ngày 17 tháng 8 năm 2019, tập thể Tu tập sinh tại TP.HCM đã tổ chức tư vấn sức khỏe và khám chữa bệnh cho các em thanh thiếu

đồng cùng bốn đạo và đồng bào thuộc địa bàn Họ đạo Trung Phước An (huyện Krông Păk, Đắk Lắk) với số lượng khoảng 250 người. Đồng hành với chuyến khám chữa bệnh thiện nguyện năm nay có 18 Y Bác sĩ, Dược sĩ trong đạo và ngoài đời.



Giúp ích hè là hoạt động truyền thống của Tập thể Tu tập sinh, bắt đầu từ năm 2001, Tập thể tổ chức tặng những trang tập mới cho các em thanh thiếu đồng nhân mùa khai trường. Đến năm 2011, Tập thể chuyển sang hình thức tư vấn sức khỏe và khám chữa bệnh cho các em đoàn sinh và bốn đạo tại các Họ đạo vùng sâu, vùng xa. Công việc giúp ích này thực hiện được nhờ sự hỗ trợ chuyên môn của quý y bác sĩ, dược sĩ và sự trợ giúp thuốc men, tài chính của nhiều bậc đạo tâm.

Năm nay, Tập thể tổ chức tư vấn sức khỏe và khám chữa bệnh gồm các khoa: nội khoa, nhi khoa, nhãn khoa và nha khoa và phát thuốc. Trong chuyến giúp ích này, đặc biệt là nha khoa, với sự hỗ trợ tận tình của Bác sĩ Lê Hồ Phương Trang và Bác sĩ Lương Văn Tô My, đoàn đã mang theo 8 bộ ghế nha khoa cùng thiết bị y tế chuyên dụng thực hiện khám răng, cạo vôi răng, trám răng và nhổ răng cho các đối tượng đến khám bệnh.

Tu tập sinh hy vọng sẽ tiếp tục được sự đồng hành của quý Y Bác sĩ và sự góp sức của quý đồng đạo gần xa trong đạo sự này những năm sắp tới.



DANH SÁCH ẨM TỔNG

Họ Đạo Trung Bảo:

Nguyễn Đình Bảng	50,000
Nguyễn Tấn Chí	50,000
Lê Thiện Bảy	50,000
Hứa Thị Sự	50,000
Nguyễn Thị Tuyết	50,000
Nguyễn Thị Phéo	50,000
Phạm Thị Bé	50,000
Huỳnh Thị Á	50,000
Nguyễn Thị Dũng	50,000
Phan Thị Bích Thủy	50,000
Phan Thị Lệ Hoa	50,000
Lê Thị Trân	50,000
Vương Thị Tuyết Ánh	50,000
Nguyễn Thị Sáu	40,000
Nguyễn Thị Nhẫn	50,000
Nguyễn Thị Trang	50,000
Thượng Anh Thanh	100,000
LS Trần Hương Tâm	110,000

Họ Đạo Trung Đồng	1,000,000
CTS. Tạ Thị Thơ	2,000,000

Họ Đạo Trung Hiền

Nguyễn Thị Ngọc Lan	5,000,000
Nguyễn Thị Thủy	500,000
Đỗ Mỹ Linh	1,000,000
Đỗ Thị Đạt	200,000
Xã Đạo Bình Phú	500,000
Nữ Phái Trung Hiền	1,000,000
Phước Thiện Trung Hiền	5,000,000
Nguyễn Thị Anh	200,000

Họ Đạo Trung Hiệp

Họ Đạo Trung Hiệp	1,000,000
Lễ Sanh Hương Hương	500,000
Lê Thị Hòa	100,000
Mai Ngọc Mão	100,000
Trần Minh Thanh	50,000
Nguyễn Thị Dung	50,000
Phạm Thị Cấn	100,000
Định Thị Bé	100,000
Nguyễn Hữu Phú	100,000
Nguyễn Thái Pháp	50,000
Lê Thị Thu	50,000
Trần Thị Thanh Thủy	100,000
Nguyễn Thị Kim Anh	100,000
Phạm Thị Lữ	100,000
Vong linh Phan Thị Châu	200,000
Mai Ngọc Mão	100,000

Họ đạo Trung Minh

Phan Minh Phúc	100,000
Trương Đỗ Hồng Nha	100,000
Phan Hồng Hạnh	100,000
Phan Minh Đức	100,000
Nguyễn Thị Nhạn hồi hương	
giác linh thân Mẫu Lê Thị Trang	1,000,000
Mai Thị Hậu hồi hương giác linh	
em Mai Thị Hồng Phước	1,000,000
Trương Đình Chiến	500,000
Ngô Thị Ngọc Anh	100,000
Lê Thị Bích Hồng	100,000
G/d Lê Chi Vọng	200,000
Giác Linh Trung Hòa Đường	1,000,000
Phan Thị Tấn hồi hương	
Giác linh Mẹ Trần Thị Hoa	500,000
Gia đình Phan Lê	500,000
Tạ Thị Mịch	200,000
Lê Thị Nhung	200,000
Lê Hồ Phương Linh	200,000
Nhà Tu Trí Huệ	500,000

Họ Đạo Trung Bửu

Nguyễn Quốc Ân	2,000,000
Trịnh Thị Lan	400,000
Lê Văn Hào	200,000
Nguyễn Thị Ngọc Anh hồi hương	
Giác linh thân mẫu Lê Thị Hai	1,000,000
Lê Trọng Khang	400,000
Trần Thị Mỹ Trang	200,000
Ngô Thị Từ Tâm	200,000

Họ Đạo Linh Bửu

Giác Linh LSHP Nguyễn Thị Sen	1,000,000
Trần Duy Phương	500,000

Họ Đạo Từ Vân (Sg)

LS Nguyễn Thị Phụng Võ	200,000
Vũ Gia Phúc + Phúc An	200,000
G/d Đặng Ngọc Hương	1,000,000
Trần Công Thành	300,000
Lê Thị Bạch Ёn	200,000
Nguyễn Văn Chức	100,000
Minh Đức	500,000
GH Hương Phong	300,000
GL LS Ngô Thị Nguyệt	500,000
Phan Thị Bích Tiên	1,200,000

Các đơn vị khác

Thánh Thất Tân Định	500,000
Họ Đạo Trung Đức	
Nguyễn Văn Duy Thức	200,000





Lễ Kỷ niệm 80 năm
Thành lập Thánh thất Trung Hòa (Quảng Ngãi) 1939 - 2019

SỐNG ĐẠO KỶ TỎI

Sống đạo 2019-6 (từ 15.10 đến 15.12 Kỷ Hợi) với lễ các đấng và kỷ niệm:

- Ngày Khai đạo / Hạ Ngươn (15/10)
- Kỷ niệm Bảo Ngươn Chơn Tiên
Trần Nguyên Chí
- Kỷ niệm Đức Jesus Christ
(25/12/DL) (20/8)
- Kỷ niệm Giám Đản Thiên Quân
Lê Trí Hiển (06/12)
- Kỷ niệm Chúc sắc Hiệp Thiên Đài (08/12) &
Bảo pháp Thanh Long Lương Vĩnh Thuật

Danh nhân văn hóa

- ☐ Trương Vĩnh Ký (06/12/DL)
- ☐ Phật hoàng Trần Nhân Tông (16/12/DL)
- ☐ Phan Bội Châu (26/12/DL)
- ☐ Vua Duy Tân (26/12/DL)
- ☐ Martin Luther King (15/01/DL)
- ☐ A. Nobel (10/12/DL)

Mời quý huynh tử viết bài và đón xem.

Hạn nhận bài: 15/8/Kỷ Hợi